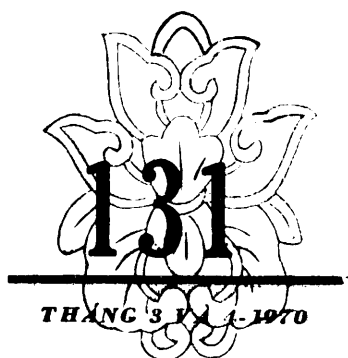


NGHIÊN CỨU **LỊCH SỬ**



PHẠM NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT, GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

VIỆN SỬ HỌC

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT - NAM

<https://tieulun.hopto.org>

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Tạp chí ra hai tháng 1 kỳ của Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam

Chủ nhiệm : NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Thư ký Tòa soạn : VĂN TÂN

Số 131

Tháng 3 và 4 - 1970

MỤC LỤC

NGUYỄN KHÁNH TOÀN	— Chủ nghĩa Lê-nin và cách mạng Việt-nam.	1
ĐỨC THUẬN	— Thử tìm hiểu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam (thời kỳ trước năm 1930).	7
VŨ HUY PHÚC	— Vài ý nghĩ về giai cấp công nhân Việt-nam những năm đầu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương.	21
NGHIÊM VĂN THÁI	— Một vài nét về công nhân miền Bắc trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1955—1965).	34
CAO VĂN LƯỢNG	— Công nhân miền Nam từ đầu xuân Mậu Thân đến nay.	44
QUỲNH CƯ	— Nguy quyền Sài-gòn từ mùa xuân 1968 đến nay (tiếp theo và hết).	57
NGUYỄN DUYÊN BẰNG	— Sơ bộ nghiên cứu về một số hiện vật đồ đồng tìm thấy ở xã Thủy-đương, huyện Thủy-nguyên, thành phố Hải-phòng.	62



KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH LÊ-NIN

CHỦ NGHĨA LÊ-NIN VÀ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

NĂM nay, năm thứ 100 từ ngày sinh Lê-nin cũng là năm thứ 40 từ ngày thành lập Đảng tiền phong của giai cấp công nhân Việt-nam (3-2-1930) — Đảng Cộng sản Đông-dương trước kia, ngày nay là Đảng Lao động Việt-nam.

Bốn mươi năm tiến dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Lê-nin là bốn mươi năm cách mạng Việt-nam giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đặc biệt trong một phần tư thế kỷ nay, Việt-nam đã trở thành một lò lửa cách mạng chói lọi ở Đông Nam Á. Cũng là giai đoạn oanh liệt nhất trong lịch sử Việt-nam

từ xưa đến nay. Như Hồ Chủ tịch nói trong Di chúc của Người :

« Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to — là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc ».

Không ai có thể nghi ngờ rằng vinh dự đó là do Đảng ta, chính đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt-nam trong 40 năm nay, có đường lối đúng đắn và độc lập, *đường lối mác-xít — lê-nin-nít*, luôn luôn trung thành với đường lối ấy, và phấn đấu cho đường lối ấy với một tinh thần dũng cảm và sáng tạo hiếm có.

CUỐI thế kỷ 19, Việt-nam, từ một nước độc lập, biến thành thuộc địa của đế quốc Pháp. Nhưng dân tộc Việt-nam là một dân tộc anh hùng, có truyền thống lâu đời chống ngoại xâm. Chủ nghĩa yêu nước của nhân dân Việt-nam được bồi đắp trong hàng nghìn năm trong cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất vì độc lập, tự do, là một sức mạnh vô địch.

Trong hơn 80 năm bị chủ nghĩa thực dân thống trị, chưa bao giờ nhân dân Việt-nam hạ vũ khí trước kẻ áp bức mình. Các thế hệ những người yêu nước nối tiếp nhau giương cao ngọn cờ đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, không sợ gian khổ hy sinh, bất chấp

sự khủng bố cực kỳ man rợ của kẻ địch. Bọn thực dân tuy đã chiếm được Việt-nam, nhưng chưa bao giờ chúng khuất phục được nhân dân Việt-nam.

Nhưng, trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã không mang lại kết quả : nhân dân Việt-nam vẫn quần quai trong xiềng xích của chế độ nô lệ thuộc địa. Cuộc đấu tranh chưa đi tới thắng lợi không phải vì những người cách mạng hồi ấy thiếu quả cảm và quyết tâm, mà vì *chưa có một đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn*.

Cách mạng Tháng Mười xã hội chủ nghĩa

vì đại đã đưa lại ánh bình minh cho loài người. Đó là ngọn đèn chiếu biển soi đường cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới đi đến thắng lợi.

Những người cách mạng Việt-nam đứng đầu là Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, là Hồ Chủ tịch sau này, và nhân dân Việt-nam, nhiệt liệt chào mừng Cách mạng Tháng Mười và Lê-nin :

Vì sao mà chủ nghĩa Lê-nin đã có một sức hấp dẫn kỳ diệu như vậy đối với những người cách mạng Việt-nam và nhân dân Việt-nam?

Trước hết, là vì trong chủ nghĩa Lê-nin, nhân tố động viên và cổ vũ mạnh mẽ, thức tỉnh nhanh chóng những người bị áp bức, bóc lột trên toàn thế giới là *linh chiến đấu, tinh thần cách mạng triệt để và liên tục*. Nguyên tắc của Lê-nin về quyền dân tộc tự quyết, cả quyền thành lập một quốc gia độc lập, hoàn toàn phù hợp với hoài bão, ý chí và phương hướng đấu tranh của nhân dân Việt-nam trong hàng nghìn năm trước kia cũng như dưới chế độ thực dân. Với truyền thống bất khuất sẵn có, trong gần 100 năm bị chủ nghĩa đế quốc nô dịch, nhân dân Việt-nam không bao giờ chịu đầu hàng, thỏa hiệp với bọn cướp nước, không bao giờ nghĩ rằng mình có thể thoát khỏi xiềng xích nô lệ bằng con đường nào khác, ngoài con đường đấu tranh cách mạng kiên quyết. Việt-nam là một nước thuộc địa, còn nhiều tàn dư phong kiến. Trong hàng nghìn năm, nền thống trị phong kiến đã đưa lại cho nhân dân Việt-nam vô vàn đau khổ. Nông dân Việt-nam đã liên tục và quyết liệt đấu tranh chống giai cấp phong kiến. Dưới chế độ thực dân, bọn phong kiến cấu kết với bọn đế quốc để bóc lột nhân dân đến tận xương tủy.

Vì vậy, nhân dân Việt-nam hoàn toàn tiếp thu đường lối cách mạng giải phóng thuộc địa của Lê-nin gắn chặt hai nhiệm vụ phản đế và phản phong — đánh đổ ách thực dân, đồng thời đánh đổ ách phong kiến, coi đó là đường lối duy nhất đúng đối với cách mạng Việt-nam.

Hai, là Lê-nin dạy rằng *sự nghiệp giải phóng những người lao động là công việc của chính những người lao động*, và, yếu tố cơ bản để cho cách mạng thắng lợi là *khối liên minh giữa hai giai cấp—công nhân và nông dân*. Thực tế Việt-nam đã chứng minh một cách đanh

« Những người cách mạng Việt-nam đã được tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác—Lê-nin tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn » (1).

Từ đó cách mạng Việt-nam kiên quyết đi theo đường lối Lê-nin đã vạch ra, lấy ngọn cờ của chủ nghĩa Mác—Lê-nin làm ngọn cờ quyết chiến và quyết thắng của mình.

thép lời chỉ giáo ấy. Trong lịch sử 4.000 năm dựng nước và giữ nước của Việt-nam, trong sản xuất và trong chiến đấu, nhân dân luôn luôn đóng vai trò chủ động. Cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc đi liền với cuộc đấu tranh giành tự do cho nhân dân. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt-nam và tập đoàn phong kiến thống trị lúc ấy sớm đầu hàng trước kẻ thù, nhân dân tự động cầm vũ khí, khắp nơi và liên tục nổi dậy chống bọn cướp nước. Sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân đã làm cho chúng phải mất hơn 30 năm mới chiếm được cả nước Việt-nam. Dưới ách thực dân Pháp, công nhân và nông dân chiếm 95% dân số, là hai thành phần bị áp bức và bị bóc lột hơn hết. Họ cũng là những tầng lớp có tiềm lực cách mạng lớn nhất, có tinh thần chiến đấu dẻo dai và cao nhất. Được giác ngộ và tổ chức, họ có thể làm nên những sự nghiệp kỳ diệu, đánh thắng bất kỳ tên đế quốc nào, và xây dựng cho mình đời sống no ấm, tự do, hạnh phúc. Chủ nghĩa Lê-nin đã tăng cường lòng tin tưởng của nhân dân lao động Việt-nam ở lực lượng của họ trong cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do.

Ba, là lời kêu gọi của Lê-nin « *Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới, đoàn kết lại!* » được nhân dân Việt-nam hưởng ứng nhiệt liệt. Chủ trương của Lê-nin—trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa là bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đã cổ vũ nhân dân Việt-nam rất mạnh. Nó làm cho cách mạng Việt-nam không bị lẻ loi mà còn thêm sức mạnh. Mặt khác, nó nâng cao địa vị quốc tế của cách mạng Việt-nam, làm cho nó có thể góp phần vào sự nghiệp giải phóng chung của nhân loại, chủ nghĩa quốc tế vô sản là một sức mạnh to lớn, bảo đảm cho cách mạng đi đến

(1) Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, tr. 652.

thắng lợi. Trong thời kỳ trước chiến tranh lần thứ nhất, những người cách mạng và những tổ chức yêu nước hồi ấy cũng đã đề ý đi tìm bạn đồng minh ở ngoài cho công cuộc giải phóng đất nước. Song, một là vì lập trường giai cấp của họ, hai là vì nhận thức chính trị còn non, chưa hiểu được tất cả sự phức tạp của hoàn cảnh lịch sử mới, cho nên không phân biệt được bạn thù, và việc đi tìm bạn đồng minh đã không có kết quả.

Có gì cớ vũ nhân dân Việt-nam hơn ý thức rằng mình là một đội ngũ của loài người tiến bộ, là một thành viên của mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, vì độc lập, tự do, và sự nghiệp giải phóng của mình được cả loài người tiến bộ ủng hộ?

Bốn, là Lê-nin đã mở ra trước nhân dân Việt-nam những chân trời lịch sử sáng lạn và bao la: *có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội*. Dân tộc Việt-nam không những là một dân tộc anh hùng, mà còn là một dân tộc có một sức sáng tạo to lớn. Cách đây mấy nghìn năm, Việt-nam đã tự tạo nên cho mình một nền văn hóa phong phú và độc đáo. Lòng tự hào dân tộc, ý thức dân tộc và năng lực sáng tạo của nhân dân Việt-nam đã làm cho Việt-nam chiến thắng những kẻ ngoại xâm mạnh nhất của các thời đại lịch sử ấy. Sau mỗi cơn thử thách như vậy, Việt-nam lại trở nên vững vàng, mạnh mẽ hơn trước. Nhưng, vì bên trong, bị bọn phong kiến áp bức nặng nề, cộng với những âm mưu xâm lược và thôn tính của bọn phong kiến bên ngoài luôn luôn đe dọa sự sống còn của dân tộc, cho nên Việt-nam đã không phát huy được những truyền thống tốt đẹp và những giá trị cao quý, cái bản sắc tươi sáng của mình.

Chế độ thuộc địa đã bắt buộc nhân dân Việt-nam làm đối tượng của sự cướp bóc,

bóc lột của bọn thực dân. Thậm chí tên tuổi của Việt-nam cũng bị gạch khỏi bản đồ thế giới! Chủ nghĩa thực dân là sự tiếp tục dưới hình thức trắng trợn và man rợ nhất chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa. Thực tế đau khổ và lịch sử đặt ra trước nhân dân Việt-nam con đường rõ ràng: không phải quay về quá khứ, mà tiến thẳng vào tương lai.

Trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên phạm vi thế giới, dưới một chế độ bên trong thật sự độc lập và dân chủ, được sự hợp tác và giúp đỡ của loài người tiến bộ, Việt-nam không những có thể tiếp tục mà còn phát huy đến mức cao nhất những đức tính ưu việt của mình, và có phần đóng góp tích cực vào nền văn minh thế giới. Vì vậy, Hồ Chủ tịch đã nói:

“...chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ... Chủ nghĩa Lê-nin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt-nam, không những là cái «cầm nang» thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản» (1).

Năm, và đây là điều quan trọng hơn hết, là Lê-nin dạy cho giai cấp công nhân thế giới và các dân tộc bị áp bức rằng muốn cho cách mạng thắng lợi thì điều kiện quyết định là giai cấp công nhân phải có *Đảng kiểu mới của mình—Đảng mác-xít lê-nin-nít* để lãnh đạo cách mạng. Đồng thời, với những người bạn chiến đấu và chiến sĩ cách mạng vô sản quốc tế lão thành gần gũi nhất với Người, Lê-nin đã thành lập Quốc tế cộng sản để thống nhất và lãnh đạo phong trào cộng sản quốc tế.

Giai cấp công nhân Việt-nam lúc đó tuy còn non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm đấu tranh và tổ chức, nhưng lại có tinh thần chiến đấu cách mạng rất cao. Họ thừa kế những truyền thống bất khuất của một dân tộc anh hùng. Họ ra đời sớm hơn giai cấp tư sản dân tộc. Những năm đầu thế kỷ 20, trước chiến tranh, họ đã bắt đầu đấu tranh cho quyền lợi của

(1) Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, tr. 794.

Việt-nam, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đã có hoàn cảnh thuận lợi để cho phong trào cộng sản nảy sinh và phát triển nhanh chóng. Giai cấp công nhân Việt-nam chưa hề có tổ chức chính trị của mình. Hàng ngũ của họ cũng chưa bị nhiễm độc bởi những tư tưởng cải lương, xét lại, vì ở thuộc địa không có cơ sở xã hội cho chủ nghĩa cơ hội, không có lớp công nhân quí tộc. Chủ nghĩa quốc gia tư sản cũng chưa thâm nhập vào họ. Giai

minh. Điều rất quan trọng là trước khi ở trong nước Đảng Cộng sản chính thức thành lập, giai cấp công nhân Việt-nam *thông qua những đại diện ưu tú nhất của mình—những người cộng sản Việt-nam đầu tiên, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã tích cực tham gia phong trào Cộng sản quốc tế*. Hồ Chủ tịch là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và của giai cấp công nhân Việt-nam, đồng thời là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào Cộng sản quốc tế từ khi phong trào này mới hình thành.

Tất cả những điều đó đã đưa tới một tình thế rất có lợi cho sự tiến triển của cách mạng Việt-nam, là lúc chính thức ra đời, đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Đông-dương mà người sáng lập là Hồ Chủ tịch, *đã có một đường lối đúng đắn, tranh thủ được giai cấp nông dân và giành được hoàn toàn về tay mình quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam*.

Ở trên là nói về những điều kiện trong nước đã làm cho Việt-nam tiếp thu nhanh và sâu, và vận dụng sáng tạo tư tưởng Mác—Lê-nin. Mặt khác, không nên quên rằng những điều kiện bên ngoài là rất quan trọng, trong đó những điều kiện đã có tác dụng rất to lớn là :

1) Giai cấp công nhân Nga đã giành được chính quyền và làm chủ một phần sáu trái đất, tạo ra một sự rạn nứt không thể nào hàn

gắn lại được trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, và mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người, kỷ nguyên cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên phạm vi thế giới, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

2) Những vấn đề mà lịch sử đặt ra trước Việt-nam bấy lâu nay, đã được Cách mạng Tháng Mười xã hội chủ nghĩa giải quyết ở Nga một cách thấu đáo, hợp tình, hợp lý nhất đối với thời đại, nghĩa là bằng con đường cách mạng : độc lập, tự do, người cày có ruộng, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, nhân dân thoát hẳn cảnh áp bức, nghèo đói, dốt nát, xây dựng một tương lai đầy ánh sáng.

3) Tiếp theo Cách mạng Tháng Mười Nga một cơn bão táp cách mạng vĩ đại đã rung chuyển cả thế giới, từ Âu sang Á, trong đó, hai sự kiện quan trọng đã phối hợp với sự thức tỉnh của nhân dân Việt-nam. Đó là sự ra đời của Đảng Cộng sản Pháp (1920) mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người tham gia thành lập, và sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung-quốc (1921). Cao trào cách mạng thế giới đó nói lên rằng những mâu thuẫn của thế giới cũ đã có *tính chất bùng nổ nhất, và lúc các lực lượng cách mạng thế giới tấn công chủ nghĩa đế quốc đã chín muồi*.

CUỘC tấn công của nhân dân Việt-nam chống chủ nghĩa đế quốc Pháp bắt đầu ngay sau khi Đảng Cộng sản Đông-dương ra đời. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929—1933 làm cho tình hình của nhân dân lao động vốn đã thống khổ lại càng thêm điêu đứng. Họ vô cùng bất mãn. Đảng đã phát động và lãnh đạo một phong trào đấu tranh của quảng đại quần chúng công nhân, nông dân và dân nghèo, với một linh thần cương quyết và trên một qui mô chưa từng có ở Việt-nam, và đã đưa tới sự hình thành chính quyền xô-viết ở một số vùng. Nền tảng của chủ nghĩa thực dân bị lung lay. Bằng việc huy động tất cả những phương tiện trấn áp của chúng ở Việt-nam, bọn thực dân đã nhận chìm trong bể máu làn sóng phản nộ của nhân dân Việt-nam. Dưới áp lực của cuộc khủng bố vô cùng man rợ, phong trào tạm lắng xuống. Nhưng nó đã *đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt-nam ở ba mặt : 1) chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Việt-nam đã bộc lộ tất cả sự suy yếu của*

nó, toàn thể nhân dân Việt-nam đều căm ghét chế độ thực dân, và quyết tâm đánh đổ nó, giai cấp nông dân, chiếm số đông nhất của dân số, đi theo giai cấp công nhân ; 2) từ nay Việt-nam chỉ có thể tiến theo con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ; 3) chỉ có giai cấp công nhân và Đảng liên phong của nó mới lãnh đạo được cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi.

Mặc dầu bị tổn thất nặng nề nhất trong cuộc khủng bố vô cùng tàn khốc này, chỉ trong vòng 2 năm, Đảng vừa phục hồi cơ sở vừa tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Và đến năm 1936 Đảng lại đứng đầu một cao trào cách mạng mới của quảng đại quần chúng nhân dân đòi cơm áo, tự do, dân chủ. Phong trào kết hợp khéo léo với Mặt trận nhân dân Pháp. Thực dân Pháp phải nhượng bộ ít nhiều. Đảng dựa vào những điều kiện nửa hợp pháp đã giành được để tăng cường công tác tổ chức quần chúng và phổ biến trong nhân dân đường lối cách mạng của Đảng và chủ nghĩa

Mác — Lê-nin. *Uy tín và ảnh hưởng của Đảng lãnh rất nhanh.*

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra. Một đợt khủng bố ác liệt lại ập đến. Không chút hoang mang dao động vì những tổn thất, Đảng đã tỉnh táo nhận định tình hình và hạ quyết tâm động viên, tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh của toàn dân theo hướng chuẩn bị sẵn sàng đề khi thời cơ đến, giành một đòn quyết định vào kẻ thù và giành chính quyền về tay nhân dân. Từ 1940 đến 1945 Đảng vừa lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng vì quyền lợi trước mắt, chống sự khủng bố và cướp bóc của hai bọn áp bức — thực dân Pháp và phát-xít Nhật, vừa chuẩn bị về mọi mặt chính trị, tư tưởng, quân sự, để đi đến tổng khởi nghĩa. Ngay sau khi Nhật đầu hàng đồng minh, cuộc Tổng khởi nghĩa đã nổ ra trong toàn quốc (19-8-1945) lật đổ phát-xít Nhật, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng trong cả nước. Ngày 2-9-1945 nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt-nam độc lập, trong một cuộc mít-tinh tập hợp nửa triệu người ở thủ đô Hà-nội, trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập trước toàn thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là cuộc *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa*. Nó mở đầu và đẩy mạnh sự tan rã của chủ nghĩa thực dân. Nó gắn liền và phối hợp với thắng lợi lịch sử vĩ đại của các lực lượng dân chủ thế giới, đứng đầu là các lực lượng vũ trang Liên-xô, đã đánh bại khối phát-xít Đức — Ý — Nhật. Nó đã góp phần tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang hình thành, tăng cường lực lượng cách mạng thế giới.

Song, những thử thách gay go lại đến với Việt-nam. Giành độc lập chưa đầy một năm, Việt-nam đã bị đế quốc Pháp được đế quốc Mỹ hết sức giúp đỡ, quay trở lại xâm lược. Cái gọi là cuộc chiến tranh Đông-dương bắt đầu (19-12-1946) và kéo dài 9 năm.

Đó là một cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa đầu tiên sau thế giới chiến tranh lần thứ hai của một đế quốc phương Tây chống một nước có độc lập, chủ quyền và sống dưới chế độ dân chủ nhân dân.

Đó là một thử thách không những đối với nền độc lập còn trong trứng nước của dân tộc Việt-nam, đối với tinh thần yêu nước và bất khuất, lòng dũng cảm, đức kiên cường và trí tuệ thông minh, sáng tạo của nhân dân Việt-nam. Nó còn là một thử thách đối với

thế giới mới mà Việt-nam là một thành viên vừa mới ra đời.

Nhưng Cách mạng Tháng Tám thành công và nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời, đã đưa dân tộc Việt-nam lên địa vị của một *kẻ chiến thắng đối với chủ nghĩa đế quốc, và là chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng của các dân tộc*. Ở Việt-nam bây giờ, Đảng của giai cấp công nhân đã trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chủ tịch là người lãnh đạo Nhà nước. Dựa trên những nhân tố ấy, nhân dân Việt-nam đã phát huy đến cao độ những đức tính tốt đẹp của dân tộc, và được sự ủng hộ và giúp đỡ ngày càng tích cực và có hiệu quả của các nước anh em, trước hết là Liên-xô và Trung-quốc, và của loài người tiến bộ, đã vượt qua muôn vàn khó khăn, vừa chiến đấu vừa xây dựng đất nước, đã lớn lên rất nhanh chóng, càng đánh càng mạnh, càng thắng to. *Chiến thắng lịch sử Điện-biên-phủ* vang dội khắp thế giới không những là một vinh dự lớn của Việt-nam, mà còn là một thắng lợi của phe xã hội chủ nghĩa mà Việt-nam là tiền đồn ở Đông Nam Á, một niềm tự hào và một cổ vũ mạnh mẽ đối với các dân tộc bị áp bức.

Nhân dân Việt-nam đã anh dũng vượt qua cơn thử thách, và kết quả là đã đánh sụp một đế quốc lớn, lần đầu tiên chứng minh trước thế giới rằng một dân tộc, dù còn nhỏ, trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên phạm vi thế giới, cũng có thể đánh thắng những đế quốc lớn.

Nhưng, qui luật của lịch sử là các giai cấp bóc lột không bao giờ tự nguyện rời bỏ vũ đài lịch sử. Càng bị thua đau, chúng càng ngoan cố và điên cuồng chống lại cách mạng, tìm muôn phương nghìn kế, nguy trang đủ kiểu để phục hồi cái thiên đường đã mất. Chủ nghĩa thực dân cũ bị sụp. Chủ nghĩa thực dân mới mà đế quốc Mỹ là tên cầm cờ, ngóc đầu lên. *Chúng lấy Việt-nam làm thí điểm cho chiến lược hoàn cầu của chúng*.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, trình trọng công nhận trước thế giới những quyền dân tộc cơ bản của Việt-nam mà Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp đã giành được, chưa rào mực thi đã bị đế quốc Mỹ chà đạp trắng trợn. Chúng tách miền Nam Việt-nam ra, biến thành một căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của chúng. Từ đó nhân dân Việt-nam, một mặt, phải đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mặt khác, đấu tranh nhằm giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc và hoàn thành

cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Từ đó đế quốc Mỹ, với « sách lược leo thang » đã bắt buộc nhân dân Việt-nam phải đương đầu với một cuộc chiến tranh xâm lược với một qui mô, những phương tiện giết người hiện đại nhất trừ bom nguyên tử, và có tính chất diệt chủng, mà lịch sử loài người chưa từng thấy.

Cũng từ đó, bất chấp những đau khổ và hy sinh vô ngần, Đảng Lao động Việt-nam quang vinh, giương cao ngọn cờ trăm trận trăm thắng của chủ nghĩa Lê-nin, noi gương anh dũng và sáng tạo tuyệt vời của Cách mạng tháng Mười và của nhân dân Xô-viết trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, và theo lời kêu gọi dậy khắp non sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1), đã động viên, tập hợp và lãnh đạo toàn thể nhân dân Việt-nam vừa chống giặc Mỹ xâm lược vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Trong cuộc chiến đấu thần thánh đó mà nhân dân thế giới đã nhận là một thiên anh hùng ca bất hủ của thế

kỷ này, nhân dân Việt-nam đã phát huy đến cao độ những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc và tinh hoa của loài người tiến bộ, giữ vững quyền làm chủ và phát huy tinh thần cách mạng tiến công.

Cũng từ đó, cả loài người tiến bộ, đứng đầu là các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, nhiệt liệt ủng hộ và tận tình giúp đỡ nhân dân Việt-nam đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Một việc thần kỳ đã diễn ra : trên một lãnh thổ không bằng một bang của nước Mỹ, với 14 triệu người, tên đế quốc mạnh nhất thế giới, với 1 triệu 20 vạn quân, liên tục bị đánh bại, và ngày càng sa vào thế bị động, chiến lược hoàn cầu của nó bị đảo lộn, cơ cấu xã hội, quân sự, kinh tế của nó bị lung lay, uy tín quốc tế của nó bị giảm. Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi của nhân dân Việt-nam là một đòn cơ bản đánh vào chủ nghĩa thực dân mới — đỉnh lỵ cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc.

ĐẾ quốc Mỹ tuy thua đã rõ ràng, nhưng nó rất ngoan cố. Những luận điệu bịp bợm của tổng thống Mỹ Ních-xơn về « thiện chí hòa bình » chỉ là màn khói che lấp âm mưu kéo dài chiến tranh dưới nhãn hiệu « phi Mỹ hóa chiến tranh », « Việt-nam hóa chiến tranh », cố bám lấy miền Nam Việt-nam như là một tấm ván đề hồng cứu vớt số phận của chiến lược hoàn cầu của nó,

Nhưng nhân dân Việt-nam đã bất trí và quyết tâm làm theo lời Di chúc của Hồ Chủ tịch :

« Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua nhiều gian khổ hy sinh hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn ».

Trong gần nửa thế kỷ này, từ khi cách mạng Việt-nam được tiếp xúc với chủ nghĩa Lê-nin, đặc biệt là từ khi có Đảng mác-xít lê-nin-nít của giai cấp công nhân lãnh đạo, mỗi một thắng lợi của cách mạng đều gắn

liền với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là một thắng lợi của chủ nghĩa Lê-nin.

Trung thành với ngọn cờ của Lê-nin và làm theo lời Di chúc của Hồ Chủ tịch — người học trò lỗi lạc của Mác và Lê-nin, nhân dân Việt-nam sẽ đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, « ra sức ủng hộ phong trào cách mạng của nhân dân các nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội » (1).

(1) Lời kêu gọi ngày 17 tháng 7-1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

(1) Trích Điều văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch.

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT-NAM

(THỜI KỲ TRƯỚC NĂM 1930)

ĐỨC THUẬN

I — GIAI CẤP CÔNG NHÂN, MỘT GIAI CẤP MỚI, TIỀN TIẾN SỚM HÌNH THÀNH TRONG XÃ HỘI THUỘC ĐỊA NỬA PHONG KIẾN VIỆT-NAM

Kể từ khi thực dân Pháp cướp nước, nhân dân ta đã liên tục, kiên cường, bất khuất đấu tranh giành lại độc lập, tự do. Nhân dân ta đã không ngừng đi tìm nhiều con đường cứu nước và đã sáng tạo ra nhiều phương pháp, hình thức đấu tranh cách mạng. Những phong trào giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chưa đi tới thành công vì chưa có một giai cấp lãnh đạo đủ khả năng đoàn kết cả dân tộc và giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản đặt ra trong xã hội Việt-nam thuộc địa nửa phong kiến. Nhưng cách mạng Việt-nam vẫn không dừng lại vì sự khủng hoảng lãnh đạo.

Cho đến cuối thế kỷ XIX, nước ta vẫn còn là một nước nông nghiệp lạc hậu, chủ nghĩa tư bản hãy còn ở trạng thái mầm mống, trong xã hội Việt-nam vẫn chỉ có hai giai cấp cơ bản là giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân. Ấy thế mà sang đầu thế kỷ XX, cùng với cuộc khai thác lần thứ nhất của đế quốc Pháp, một giai cấp mới đã sớm hình thành và xuất hiện, đó là giai cấp công nhân Việt-nam. Đây là một hiện tượng quan trọng

đánh dấu sự phân hóa sâu sắc trong lòng xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt-nam, đánh dấu triển vọng tốt đẹp cho sự tiến lên của cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam.

Đế quốc Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa không phải vì thiện ý muốn «khai hóa văn minh» cho nhân dân ta, như chúng thường huênh hoang tuyên bố, mà chẳng qua đây chỉ là một bức màn dối trá che đậy cuộc ăn cướp đại quy mô về ruộng đất và tài nguyên của nhân dân ta. Vấn đề đầu tiên mà chúng quan tâm là vấn đề nguyên liệu. Sau cuộc chiến tranh Pháp — Phổ 1870, Pháp mất vùng công nghiệp Alsace — Lorraine nên rất thiếu than và những quặng mỏ khác, hơn thế nữa, Đức lại còn bắt Pháp phải nộp một khoản tiền bồi thường chiến tranh rất lớn. Do đó bọn tư bản tài chính Pháp thấy cần phải khai thác và bóc lột thuộc địa để bù đắp số thiếu hụt này. Việt-nam là một nước rất giàu nguyên liệu và sẵn nhân công.

Đế quốc Pháp là một tên đế quốc cho vay nặng lãi. Chúng tiến hành cuộc khai thác không phải với ý đồ muốn mở mang công

nghiệp ở Đông-dương mà chỉ muốn biến Đông-dương thành nơi khai thác nguyên liệu và tiêu thụ hàng hóa kỹ nghệ của chúng. Số tiền đầu tư thì ít, nhưng bọn tư bản Pháp lại muốn thu về nhanh và nhiều lợi nhuận. Chúng tiến hành khai thác với mục đích rất thâm độc là giữ Việt-nam làm đất thuộc địa, đất phụ thuộc về kinh tế và chính trị để cho Việt-nam không thể vươn tới độc lập, tự do được. Mặc dầu vậy, cuộc khai thác của đế quốc Pháp không thể không nhanh chóng tạo ra một lực lượng công nhân, một giai cấp công nhân hiện đại.

Thực dân Pháp đã dốc vốn ra xây dựng đường sắt nhằm nhanh chóng muốn kiểm soát được những vùng chiến lược quan trọng và đồng thời chuyển vận những tài nguyên cướp được ở Việt-nam. Tính đến ngày 31-12-1912, chúng đã bỏ ra 424 triệu phật lạng và xây dựng được một hệ thống đường sắt dài 2.056 cây số (kể cả 464 cây số đường Hải-phòng—Vân-nam nằm ở bên địa phận Trung-quốc). Đó là chưa kể tới hàng ngàn cây số đường bộ rải đá và không rải đá. Công việc làm đường sá này đã thu hút một lực lượng nhân công khá lớn. Để có đủ số nhân công, chúng cưỡng bức các làng phải nộp phu cho chúng, nhưng về hình thức thì phu là những người được quyền tự do bán sức lao động và ký giao kèo với bọn chúng. Thủ đoạn bắt phu của chúng rất trắng trợn và tàn bạo, như bức thư của Thống sứ Bắc-kỳ gửi cho Giám đốc Sở công chính Bắc-kỳ ngày 21-7-1904 đã miêu tả: “Các quan chỉ định trực tiếp những người phải đi phu, thường các quan chọn những người có của. Những người này không muốn làm những vật hy sinh trong những vụ thăm sát lớn lao đã xảy ra trong khi xây dựng đường xe lửa Lạng-son, điều này mọi người ở thôn quê đều biết và nhớ cả. Họ tới lạy van các nhà chức trách An-nam và xin cho phép họ hoãn lại và cho họ có quyền chuộc tiền và tìm người khác thay thế vào. Ấn huệ này được chấp nhận, tất nhiên là phải có một món tiền lớn đi kèm theo, và một người khác sẽ được chỉ định để thay thế người thứ nhất. Một cảnh tượng thứ hai sẽ giống như cách trên sẽ lại diễn lại đối với người thứ hai, người được chỉ định thay thế người thứ nhất và cảnh tượng này lại được nối diễn tiếp với người dân nghèo khổ nhất, người này không có phương tiện gì để thoát khỏi tai vạ và họ kêu gọi vô ích tới lòng từ thiện chung» (1). Như vậy phu không phải là một hình thức lao dịch binh quân đối với mọi người Việt-nam, đây là một hình

thức bị bóc lột của những người nghèo khổ nhất. Bằng hình thức ký giao kèo, những người phu đã bước vào ngưỡng cửa của giai cấp công nhân. Năm 1903 chúng đã mộ được 13.000 nhân công để đào kênh Vàm-cổ, Tân-an (2). Có lúc, chúng đã dùng tới 80.000 nhân công, cả người Việt lẫn người Hoa, để xây dựng đường xe lửa Hải-phòng — Vân-nam (3).

Ngoài số phu này ra, lúc bấy giờ cũng đã có một số công nhân thực thụ trên các công trường xây dựng đường sắt, nghĩa là những người thợ có kỹ thuật và những người được quyền tự do bán sức lao động của mình, số này bao gồm 6.952 người (4).

Ngành đường sắt có phát triển thì bọn tư bản mới dễ dàng khai thác và chuyển vận được những quặng ở các mỏ than, thiếc, kẽm và đặc biệt là mỏ than, nhằm cung cấp nguyên liệu cho nền công nghiệp chính quốc hoặc bán ra thị trường châu Á, chủ yếu là Nhật-bản kiếm lời ngay. Việc khai thác than lại dễ dàng, thuận tiện vì phần lớn các mỏ than đều lộ thiên, ở gần các hải cảng ở vịnh Bắc-kỳ, nên dễ dàng chuyển vận than ra được nước ngoài. Nhịp độ phát triển của ngành khai thác mỏ nhanh hơn nhịp độ phát triển kinh tế ở Việt-nam nói chung. Năm 1913 chúng khai thác được 139 các loại mỏ ở trên toàn cõi Đông-dương, trong số đó có 11 mỏ than mà quan trọng nhất là mỏ than Hồng-gai. Số công nhân mỏ đã tăng tiến không ngừng. Năm 1909 toàn Đông-dương có 10.500 công nhân làm việc trong các hầm mỏ, nhưng đến năm 1910 con số này đã tăng lên 13.300 người, năm 1911 : 16.000 người (5).

Bọn thực dân cũng mở một số xí nghiệp chế biến nhằm sản xuất ra một số hàng hóa để bán ngay ở nước ta kiếm lời mà không có hại cho nền sản xuất ở chính quốc. Đến năm 1912, toàn Bắc-kỳ có 85 xí nghiệp với tổng số vốn là 50 triệu phật-lạng, bao gồm một số

(1) Cục lưu trữ. Hồ sơ số 21-193.

(2) René Bunout — *La main d'oeuvre et la législation du travail en Indochine*. Bordeaux 1936 tr 32.

(3) Virginia Thompson — *French Indochina*. George Allen & Unwin 1937 tr 108.

(4) H. Brenier — *Essai d'Atlas statistique de l'Indochine française*. Hanoi 1915 tr. 205.

(5) Ministère des colonies — *Indochine. Situation générale des travaux publics*. Année 1913. Hanoi IDEO tr. 206.

nhà máy rượu, dệt, xi măng, tơ, điện v.v... Số công nhân làm tại các xí nghiệp Bắc-kỳ là 15.308 người (6.376 đàn ông và 6.687 phụ nữ) năm 1908 và 17.000 người năm 1912 (1).

Ở Nam-kỳ cũng có một số nhà máy như Chợ-lớn có 9 nhà máy xay gạo, vốn là một triệu phật lảng, và một số nhà máy đường, gạch, ngói và xưởng đóng và chữa tàu Sài-gòn.

Trong nông nghiệp, ruộng đất chúng cướp được rất nhiều, nhưng hầu hết đều đem phát canh thu tô, không kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Đầu thế kỷ XX, việc trồng cao su mới ở giai đoạn đầu. Cho nên số công nhân nông nghiệp hãy còn ít.

Lịch sử hình thành của giai cấp công nhân gắn liền với nhịp độ phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa « tư bản tăng lên, có nghĩa là giai cấp vô sản tức giai cấp công nhân cũng đông lên » (2). Dĩ nhiên, chủ nghĩa tư bản phải phát triển tới một mức độ nào đó thì mới có một giai cấp công nhân. Nhưng cuộc khai thác đầu tiên, mang tính chất cướp đoạt trắng trợn và đại quy mô của đế quốc Pháp ở thuộc địa Việt-nam đã nhanh chóng sản sinh ra một lực lượng đáng kể của giai cấp công nhân. Do chủ trương của thực dân Pháp là không lập công nghiệp nặng ở thuộc địa, cũng như chúng hết sức phản đối việc công nghiệp hóa Đông-dương, nên lúc bấy giờ số lượng của giai cấp công nhân Việt-nam không nhiều so với dân số nước ta hồi đó, và cơ cấu của nó không đồng đều ở khắp các ngành kinh tế. Tuy vậy giai cấp công nhân Việt-nam không sống rải rác ở nhiều nơi trong nước, mà phần lớn lại tập trung tại các trung tâm kinh tế và chính trị lớn như các hầm mỏ, các đô thị Sài-gòn, Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định... Hơn nữa, đế quốc Pháp là một tên đế quốc cho vay nặng lãi. Trong quá trình khai thác thuộc địa, chúng rất ít đầu tư kỹ thuật và thiết bị, chúng dùng nguồn nhân công đông đảo, rẻ mạt để thay thế cho thiết bị hiện đại đắt tiền nhằm thu lợi nhuận cao. Do phương pháp bóc lột này nên giai cấp công nhân Việt-nam đã tăng nhanh và mạnh về mặt số lượng.

Cho đến trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, theo số liệu chính thức, chắc chưa hoàn toàn đúng sự thực, thì tổng số công nhân thực thụ làm tại trên 224 xí nghiệp và hầm mỏ là vào khoảng từ 50.000 tới 55.000 người, ấy chưa kể tới hàng vạn người lao động khác làm việc rải rác tại các đường xe lửa và các công trường nông giang.

Giai cấp công nhân Việt-nam không phải chỉ sớm tăng nhanh về số lượng, sớm tập trung ở những nơi yết hầu kinh tế của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Điều quan trọng là nó đã sớm có ý thức giai cấp qua cuộc đấu tranh chống bọn tư bản thực dân. Ý thức giai cấp này được nảy sinh từ trong cuộc sống mới của giai cấp công nhân, từ trong quá trình đấu tranh mới của giai cấp công nhân. Song ý thức giai cấp này không thể tách rời khỏi tinh thần dân tộc sẵn có, nó được thúc đẩy bởi tinh thần dân tộc, hòa vào tinh thần dân tộc, và kế thừa, phát huy mạnh mẽ tinh thần dân tộc.

Công nhân Việt-nam, là phu hay là công nhân chuyên nghiệp, đều hầu hết xuất thân từ nông thôn, mà ở nông thôn Việt-nam suốt từ Nam chí Bắc không có nơi nào là không đầy lên phong trào kháng Pháp. Bản thân họ hoặc cha, anh họ cũng đã cầm vũ khí giữ làng, chống giặc cứu nước, nên khi họ thành người công nhân thì họ dễ sẵn nung nấu căm thù dưới phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa và sẵn có tinh thần đấu tranh. Một số công nhân khác là từ dân nghèo thành thị chuyển thành, mà thành thị Việt-nam dù chỉ mới xuất hiện nhưng tại những nơi đây, ngay từ đầu thế kỷ XX, đã liên tiếp nổ ra những phong trào yêu nước chống Pháp như Hà thành đầu độc hay phong trào chống thuế rầm rộ ở nhiều tỉnh Trung-kỳ v.v...

Người công nhân Việt-nam đã mang ngay trong mình tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta, điều này không hạn chế mà trái lại chỉ càng làm cho giai cấp công nhân sớm có ý thức giai cấp và sự giác ngộ này càng thêm đậm đà và sâu sắc mà thôi. Ách áp bức bóc lột tàn bạo của đế quốc Pháp thúc đẩy quá trình cách mạng hóa của giai cấp công nhân và làm cho người công nhân sớm có ý thức giai cấp. Sự hình thành ý thức này do cơ cấu của giai cấp công nhân mà có những biểu hiện khác nhau.

Trước hết hãy nói về tinh cảnh và cuộc đấu tranh của những người phu mỏ. Mỗi lần bọn thực dân bắt phu là mỗi lần chúng gieo đau thương tang tóc cho nhân dân ta và càng làm cho những người phu căm thù chúng sâu sắc. Bức thư của thống sứ Bắc-kỳ gửi

(1) *Bulletin économique de l'Indochine* số 1, 2 năm 1913.

(2) Các Mác — *Lao động làm công và tư bản*. Nhà xuất bản Sự thật 1959, tr. 41.

giám đốc Sở Công chính Đông-dương ngày 21-7-1904 thừa nhận : « Không biết bao nhiêu là hần thù và căm ghét nền thống trị chúng ta đã được chứa chất lại do các vụ mua bán này gây ra, một khi chúng ta phải dùng tới việc mộ phu cưỡng bách. Những người lao động sẽ được phân phối ở nhiều công trường, nói chung người thầu khoán sẽ coi họ như con vật, và nói cho đúng hơn là người nô lệ. Người ta không bao giờ biết tới lòng thương. Các gia đình các người phu sẽ sống ra sao, khi những người này đang ở tận Yên-bái và Lào-kay ? Ai sẽ nuôi con cái, vợ con và bố mẹ già cho họ » (1).

Sẵn có tinh thần yêu nước, phu mộ đã tiến hành nhiều hình thức đấu tranh. Hình thức thuận tiện nhất là vừa làm vừa phá hoại, do đó giá thành của những đường xe lửa rất cao (tất nhiên còn có nhiều nguyên nhân khác nữa) : « lưu lượng hàng hóa của các con đường xe lửa Đông-dương có lẽ là một trong những nơi thấp nhất thế giới trong khi đó thì giá thành xây dựng lại rất cao » (2)... Ở những nước tư bản phương Tây, bọn tư bản lái sự căm thù của giai cấp công nhân vào việc phá hủy máy móc, lái thành kiến bất mãn của nông dân và dân thành phố vào công nhân. Hiện tượng phá hủy máy móc là biểu hiện của giai đoạn đấu tranh tự phát của giai cấp công nhân ở trình độ giác ngộ hazy còn thấp nhằm chống lại chế độ tư bản chủ nghĩa đương thời. Dưới chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, do bị tha hóa nên người công nhân không thấy ngay kẻ thù trực tiếp bóc lột mình là bọn tư bản, nên họ mới cho rằng máy móc là nguyên nhân làm cho nạn thất nghiệp, nghèo đói đề nặng lên đầu lên cổ họ. Ở nước ta có khác, do hoàn cảnh bóc lột trắng trợn của bọn đế quốc ở thuộc địa, ngay trong thời kỳ đấu tranh tự phát, cũng không có hiện tượng phá hủy máy móc. Hiện tượng đấu tranh phổ biến của phu lúc đó là tập thể bỏ việc không chịu làm cho bọn thực dân, tất nhiên nếu họ bị bắt lại thì họ sẽ bị bọn thực dân đàn áp. Điều này càng làm cho họ thấy rõ kẻ làm cho họ phải đau khổ và nghèo đói chính là bọn tư bản thực dân chứ không phải là ai khác. Vả lại ở nước ta, bọn tư bản thực dân cũng rất ít sử dụng đến kỹ thuật máy móc, chúng dùng thủ đoạn bóc lột trực tiếp sức lao động để thu được lợi nhuận cao. Do đó ngay từ đầu, người công nhân Việt-nam đã thấy rõ và sau này lại càng thấy rõ hơn bọn thực dân xâm lược là kẻ thù số một của mình.

Thực ra trong thời kỳ bình định bằng quân

sự trước kia, bọn xâm lược đã bắt nhiều phu đi phục vụ về vận tải trong các cuộc càn quét của chúng, nhiều người phu này đã tìm cách bỏ trốn. Song hình thức bỏ trốn của những người phu mộ đã ký giao kèo với Pháp lúc này có cái mới so với trước, đó là tính chất tập thể trong đấu tranh của họ. Từ lối sống rời rạc, lẻ tẻ ở nông thôn nay đi làm ở các công trường, những người phu đã chuyển sang một lối sống mới tập trung và tập thể hơn. Bọn thực dân đã phân phối những người phu theo từng khu vực nghĩa là những người ở cùng tổng hay cùng huyện sẽ ở cùng một chỗ để chúng dễ bề kiểm soát số phu bỏ trốn thuộc về địa phương nào và do đó bắt địa phương đó phải bù lại số phu bỏ trốn (3). Chính lối tổ chức này của bọn thực dân đã có tác dụng ngược lại ý đồ của bọn chúng, nó không ngăn cản nổi người phu không đấu tranh mà ngược lại nó đã giúp cho những người phu dễ thống nhất ý chí và hành động đứng đối phó với kẻ thù, vì họ biết rằng nếu đấu tranh lẻ tẻ thì họ sẽ dễ bị thắng tay đàn áp và rằng chỉ có đoàn kết lại thì họ mới mong giành được thắng lợi. Họ đã tiến từ hình thức đấu tranh thấp như chây lười lao động, lãn công tới viết thư yêu cầu hay phản đối và cuối cùng là tập thể bỏ việc kéo về xuôi.

Rất nhiều cuộc đấu tranh của phu đã nổ ra lúc bấy giờ, những tiêu biểu như vụ phu làm hầm đá ở Ôn-lâu, Hải-dương bỏ việc năm 1900 vì chủ lật lọng không trả tiền lương đã hứa khi mướn họ, phu làm đường xe lửa đoạn Yên-bái bỏ việc năm 1905. Năm 1903 phu ở mỏ Lang Hít Thái-nguyên đã bỏ đi nơi khác vì chủ đã hạ lương công nhật của họ từ 2 tới 6 xu, năm 1913, 235 người phu ở công trường Nam-đồn gần Tuyên-quang bỏ trốn vì chủ quỵt tiền lương của anh em...

Chúng tôi xin giới thiệu dưới đây một vài bức thư phản kháng của phu để chúng ta thấy ý thức đấu tranh của anh chị em hồi đó là như thế nào. Ngày 5-12-1904, một số phu làm đường xe lửa Yên-bái, Lào-kay đã gửi

(1) Cục lưu trữ. Hồ sơ số 21 193.

(2) Paul Bernard—*Le problème économique indochinois*. Paris. Nouvelles éditions latines 1934 tr 81.

(3) Société de construction de chemin de fer indochinois. « *Condition d'engagement et règlement de travail et de police des ateliers* ». Hanoi 1906. Điều 4. Cục Lưu trữ. Hồ sơ số 29 781.

thư cho công sứ Phủ-liễn, dưới đây là nguyên văn bức thư đó :

Chúng tôi là cu li những huyện Thủy-nguyên, An-dương, Tiên-lãng, Nghi-dương và An-lão xin trân trọng đến trình bày cùng quan. Trong tháng 8 vừa qua có lệnh bắt phu đi làm đường xe lửa Yên-bái Lào-kay; theo lệnh đó thì chúng tôi được nuôi cơm và ngoài ra mỗi ngày còn được nhận 0đ10. Nhưng từ hai tháng nay, chúng tôi không nhận được tiền gì cả, số thịt, cá và rượu ngày càng giảm, chúng tôi ăn không đủ, người ốm không được săn sóc. Chúng tôi xin quan ra lệnh cho họ săn sóc những người ốm để họ khỏi bệnh và lại tiếp tục làm việc » (1). Tháng 9 năm 1905, 34 người phu đã gửi thư cho tổng biện lý đòi chúng phải trả số tiền chúng đã ăn quýt của anh, chị em, dưới đây chúng tôi xin trích một đoạn trong bức thư đó (1): « Chúng tôi không khỏi không nghĩ đến những người phu đã trèo non, lội suối và đem sức mình ra làm việc, mùa nực đã đến, nóng thiếu người, nhiều người đã lẫn ra ốm khi về nhà đến nhà và nhiều người khác đã bỏ mạng, nhiều người khác đã chết ở dọc đường và không nhận được một đồng xu nào. Chúng tôi xin ông tổng biện lý can thiệp để họ trả lương cho chúng tôi ». Đời sống của anh chị em công nhân chuyên nghiệp cũng vô cùng cực khổ và làm than, không khác những người phu mỏ. Chúng chỉ trả cho họ một số tiền đủ để sống qua ngày, hay nói một cách chính xác là « chỉ xấp xỉ tiền chi phí đủ cho anh ta cầm hơi và khỏi mất giống » (2), còn bao nhiêu thì chúng đều bỏ túi ». Sự thực thì ngay trong thời kỳ này, những công nhân chuyên nghiệp đã có những hình thức đấu tranh tập thể để đòi quyền sống, biểu thị ý thức giác ngộ của họ. Điều đáng chú ý là nhiều cuộc bãi công của công nhân chuyên nghiệp đã nổ ra tại những trung tâm chính trị và kinh tế quan trọng. Tất nhiên lúc bấy giờ chỉ mới xuất hiện một số ít vụ bãi công, số lượng của các cuộc đấu tranh này không nhiều, nhưng nó cũng cho mọi người thấy rõ giai cấp công nhân Việt-nam sớm có ý thức giai cấp. Đó là những vụ bãi công tháng 5 năm 1909 của 200 công nhân và viên chức hãng LUCIA ở Hà-nội, của học sinh trường Bách Nghệ Sài-gòn và công nhân Ba-son năm 1912, của công nhân nhà máy xi-măng Hải-phòng năm 1912 và của công nhân mỏ than Cái Bàu năm 1916.

Cũng chính vì lòng tự tôn dân tộc bị xúc phạm nên nhiều cuộc bãi công đã nổ ra, như công nhân và viên chức hãng LUCIA đã

đấu tranh vì bọn thực dân đã đặt ra một quy chế mới, bắt họ phải bị khám xét trước khi ra vào cửa hàng vì chúng cho rằng « công nhân Việt-nam hay ăn cắp ». Luật pháp thực dân ngăn cấm bãi công, coi bãi công là một tội hình, nên bản thân bãi công đã là một hành động chính trị rồi, mặc dù các công nhân bãi công chỉ nêu ra những yêu sách kinh tế như tăng lương, chống ăn quýt tiền hay những yêu sách xã hội như chống đánh đập. Ở một nước thuộc địa lạc hậu như Việt-nam, thì một cuộc bãi công tuy nhỏ nhưng sự khủng bố của đế quốc lại không nhỏ. Vì vậy những cuộc bãi công nổ ra không nhiều như ở các nước tư bản phương Tây nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng. Những cuộc bãi công của công nhân để mang cả hai tính chất đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị. Điều này ngay bọn thực dân cũng phải thừa nhận, như báo cáo của tên công sứ Bélisaire đã viết : « Những sự kiện... đã rõ ràng chỉ rõ sự nguy hiểm của hoạt động công nhân, điều này ở những thuộc địa đã nhanh chóng mất tính chất thuần túy kinh tế của nó để chuyển sang một chiều hướng chính trị và bài ngoại » (3).

Tuy phong trào công nhân hãy còn ở mức đấu tranh kinh tế, nhưng đây cũng là một sự đóng góp đáng kể của giai cấp công nhân vào phong trào giải phóng dân tộc chung của toàn thể nhân dân ta. Những phong trào này đã giáng một đòn mạnh mẽ vào kế hoạch ăn cướp tài nguyên và bóc lột nhân dân ta của bọn thực dân Pháp. Do hoàn cảnh thuộc địa của nước ta nên đấu tranh chống tư bản cũng đồng thời là đấu tranh chống thực dân xâm lược. Bản thân nhà nước thuộc địa cũng đã trắng trợn bảo vệ bọn tư bản thực dân, như chúng đã bày đặt ra nhiều chính sách và thể lệ lao động khắc nghiệt nhằm bênh vực uy quyền và lợi ích của bọn tư bản thực dân. Thể lệ lao động ngày 26-8-1899 có điều khoản quy định cấm những người lao động không được tự ý bỏ việc, nếu không họ sẽ bị

(1) Cục Lưu trữ. Hồ sơ số 29 842. Không có nguyên bản nên chúng tôi phải dịch từ bản tiếng Pháp ra.

(2) Các Mác và F. Ăng-ghe-n - *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Sự thật xuất bản lần thứ 4 tr. 32.

(3) Báo cáo của Bélisaire gửi thống sứ Bắc kỳ ngày 22-4-1925. Cục lưu trữ. Hồ sơ số 38 890.

phạt tù và bị phạt tiền. Những hình thức này chỉ làm cho giai cấp công nhân Việt-nam thấy rõ bọn tư bản và bọn thực dân Pháp xâm lược chỉ là một, và với tinh thần yêu nước sẵn có trong mình thì họ lại càng thêm hăng hái đấu tranh chống những kẻ đã giày xéo lên quê hương đất nước mình đồng thời áp bức, bóc lột thậm tệ bản thân họ.

Từ đầu thế kỷ XX, trong phong trào giải phóng dân tộc Việt-nam đã xuất hiện một hình thức đấu tranh của một giai cấp mới, đó là giai cấp công nhân với những phương pháp đấu tranh riêng của mình. Phong trào đấu tranh của công nhân đã nở rộ tại những trung tâm chính trị và kinh tế quan trọng của đế quốc Pháp. Những phong trào này lại mang tính chất đoàn kết, tập thể của một giai cấp mới, và bao gồm nhiều người tham gia, do đó nó có một ảnh hưởng lâu dài ở thành thị lẫn nông thôn. Những phong trào này đều nhằm chống cả bọn tư bản áp bức lẫn bọn thực dân Pháp xâm lược và gây cho chúng nhiều thiệt hại đáng kể. Devallée đã viết: « Những vụ bỏ việc ấy có thể làm thiệt hại nghiêm trọng chẳng những cho người mướn nhân công mà đôi khi cũng gây thiệt hại cho cả trật tự xã hội » (1).

Tuy giai cấp công nhân Việt-nam chỉ mới hình thành và những phong trào đấu tranh chỉ mới xuất hiện nhưng nó cũng đã làm cho bọn thực dân Pháp xâm lược rất dỗi lo sợ. Trong báo cáo của thống đốc Nam-kỳ gửi cho toàn quyền Doumer đã lộ rõ thái độ này của bọn thực dân « Sự phát triển của những đô thị lớn như Sài-gòn—Chợ lớn cho ta thấy nay

sinh ra một thứ vô sản ở thành thị và ngoại ô ; thái độ và hành động của đám vô sản này làm cho những người châu Âu và những giai cấp giàu có bản xứ đều lo sợ một cách nghiêm trọng và hữu lý » (2). Đây là những triển vọng tốt đẹp của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã mang lại cho phong trào giải phóng dân tộc Việt-nam ngay từ trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất: Nó bảo hiệu rằng giai cấp công nhân, dù chỉ là một giai cấp mới xuất hiện và mới hình thành nhưng chắc chắn nó sẽ thổi một luồng gió mới và sẽ mang lại một sự đổi thay quan trọng và cơ bản đối với toàn thể phong trào giải phóng dân tộc Việt-nam.

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất cùng với sự khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp, giai cấp công nhân đã tăng tiến mạnh cả về mặt số lượng lẫn mặt chất lượng. Năm 1919 tổng số công nhân các ngành nghiệp mới có trên 10 vạn người, mà đến năm 1929 đã tăng lên đến trên 22 vạn người, đây là chưa kể tới hàng triệu người vô sản, nửa vô sản và những người thất nghiệp làm việc và sống phân tán ở thành thị và nông thôn, họ là đội quân hậu bị rất lớn của giai cấp công nhân sản nghiệp và tập trung. Tinh thần đấu tranh cách mạng và ý thức giác ngộ giai cấp cũng phát triển vượt bậc vì giai cấp công nhân đã sớm tiếp thu được chân lý của thời đại mới, sớm có lãnh tụ thiên tài là Hồ Chủ tịch đưa đường chỉ lối cho giai cấp và dân tộc, do đó vai trò của giai cấp công nhân sớm nổi bật lên trên vũ đài chính trị Việt-nam.

II — GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT-NAM KẾT TINH TRONG MÌNH TINH THẦN CÁCH MẠNG TRIỆT ĐỀ CỦA GIAI CẤP VÀ NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP NHẤT CỦA DÂN TỘC TA

1. Tinh thần triệt để chống đế quốc và phong kiến.

Trong sự nghiệp đấu tranh giành lại độc lập, tự do nhân dân ta đã không ngừng nổi lên đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời chống bọn phong kiến đầu hàng. Điều này đã tác động đến những người lãnh đạo các phong trào yêu nước. Song muốn lật đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến thì trước hết chỗ dựa của những người lãnh đạo, tức là bản thân giai cấp của những người lãnh đạo phải triệt để chống đế quốc và phong kiến. Điều này không thể có được đối với những sĩ phu phong kiến yêu nước và những

người cách mạng đứng trên lập trường tư sản. Chỉ có giai cấp công nhân mới là một giai cấp có tinh thần triệt để chống đế quốc và phong kiến.

Thực dân Pháp là kẻ tử thù của giai cấp công nhân. Quan hệ giữa công nhân với tư bản Pháp không đơn thuần là quan hệ giữa người thợ bị bóc lột với người

(1) Devallée — *La main d'oeuvre en Indo-chine*. Nancy Paul Scheffer 1905. Luận án tiến sĩ.

(2) Rapport du G^l Lamothe au G.G^l Doumer (1902).

chủ tư bản bóc lột mà còn là quan hệ giữa những dân mất nước với bọn thực dân xâm lược. Do đó người công nhân đã sớm giác ngộ quyền lợi dân tộc, điều này không hạn chế mà chỉ càng làm cho sự giác ngộ giai cấp thêm sâu sắc mà thôi. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết: “Giai cấp công nhân lớn lên khá nhanh chóng về mọi mặt; công nhân nước ta lúc bấy giờ, khi giác ngộ cách mạng thấy ngay người chủ nhà máy là kẻ trực tiếp áp bức, bóc lột mình, đồng thời là kẻ áp bức, bóc lột dân tộc mình, cho nên tự nhiên gần liền cuộc đấu tranh giai cấp với cuộc đấu tranh dân tộc, vì lẽ đó sẽ trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng” (1).

Bọn thực dân Pháp đã triệt để lợi dụng những tàn tích phong kiến để bóc lột công nhân. Ở nông thôn, bọn địa chủ chiếm đoạt ruộng đất và làm cho nông dân ngày càng bị bần cùng hóa cao độ. Bọn thực dân Pháp cũng đã triệt để lợi dụng bộ máy quan lại các cấp để phục vụ cho mục đích tuyền mộ nhân công. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, các đồn điền, hầm mỏ và xí nghiệp đã ngày càng phát triển và đòi hỏi đến một số lớn nhân công. Trong tình hình này thì cũng chính là bộ máy nhà nước thực dân cùng với bọn phong kiến quan lại đã đứng ra tổ chức, cung cấp đủ số nhân công cần thiết cho bọn tư bản thực dân, chúng bày đặt ra những hình thức như «mộ phu» hay «nhân công giao kèo», một đặc điểm của chế độ nhân công thời Pháp thuộc. Để bắt được một người nào đi phu thì chủ đồn điền hay chủ mỏ thiếp Tân-đảo, Tân thế giới: đều phải trả cho tên mộ phu 15 đồng tiền hoa hồng và cho ngân sách Bắc-kỳ (nếu là người Bắc) hay Trung-kỳ (nếu là người miền Trung) mỗi một người 20 đồng. Thời kỳ này đã xuất hiện những tên mộ phu khét tiếng tàn ác như Schmidt, Trouillaux, Bazin v.v... với lũ côn đồ tay chân của chúng như tổng đốc, tuần phủ, chánh tổng, lý trưởng, cường hào v.v... Trên tờ *Ý chí Đông-dương* số ra ngày 10-8-1927, De Monpezat đã phải viết như sau về tình trạng mộ phu này: “Đó là sự tái bản ở giữa thế kỷ này của cái chợ buôn nô lệ”.

Công nhân là lớp người khổ cực nhất trong xã hội Việt-nam. Theo sự tính toán của Paul Bernard, chắc còn dưới sự thực nhiều, thì thu nhập hàng năm của công nhân không bằng 1% thu nhập của một tên thực dân Pháp hay tư sản Việt-nam và chỉ bằng một phần ba tiền nuôi một con chó của một tên thực dân người Pháp (2).

Giai cấp công nhân châu Âu trước kia mặc dù bị tư bản bóc lột thậm tệ nhưng phải mất hàng thế kỷ mới chỉ “tỉnh dậy sau một giấc ngủ lâu đời” như Lê-nin đã nói. Ở nước ta, một nước thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, không có tình trạng này. Chế độ bóc lột nhân công là chế độ nô lệ của thế kỷ XX. Những hình thức bóc lột của thực dân và phong kiến được kết hợp chặt chẽ với nhau đã đè nặng lên giai cấp công nhân do đó nên giai cấp công nhân Việt-nam đã nung nấu căm thù không đội trời chung với bọn đế quốc xâm lược và có mâu thuẫn gay gắt với giai cấp địa chủ phong kiến. Giai cấp công nhân thấy phải thủ tiêu chế độ thuộc địa nửa phong kiến trước khi xây dựng một xã hội không người bóc lột người.

Giai cấp công nhân là lực lượng xã hội đại biểu cho lợi ích thiết thân nhất của dân tộc, là giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo dân tộc xóa bỏ ách thống trị của bọn đế quốc và phong kiến để đưa dân tộc tiến lên một chế độ tốt đẹp nhất của nhân loại. Có đặc điểm này chính là vì giai cấp công nhân Việt-nam đã kết tinh được trong mình những truyền thống tốt đẹp của dân tộc lẫn tính thần cách mạng triệt để chống đế quốc và phong kiến của giai cấp.

2. Giai cấp công nhân là một khối đoàn kết, nhất trí.

Ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân lên xâm lược nước ta, nhân dân ta đã có một yêu cầu cấp thiết là đoàn kết toàn dân để chống giặc ngoại xâm. Nhưng muốn đoàn kết được toàn dân thì trước hết bản thân giai cấp lãnh đạo phải là một khối đoàn kết, nhất trí, đó là điều mà những sĩ phu yêu nước không thể có được. Do điều kiện của chế độ thuộc địa tạo ra nên hơn bất cứ một giai cấp nào, giai cấp công nhân là một khối đoàn kết, nhất trí, đó là ưu điểm nổi bật của giai cấp công nhân Việt-nam.

Về mặt số lượng, theo thống kê của Sở thanh tra lao động, đây là con số thống kê đầu tiên về giai cấp công nhân Việt-nam, thì đến cuối năm 1929 toàn Đông-dương có 221.000

(1) Phạm Văn Đồng—*Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*. Nhà xuất bản Văn học 1969, tr. 210.

(2) Paul Bernard — *Le problème économique indochinois*. Paris, Nouvelles éditions latines 1934 tr.19, 20.

công nhân (1) được phân chia theo các ngành như sau: 86 624 người trong các xí nghiệp thương mại và công nghiệp chiếm 39,2% tổng số công nhân, 88 188 người tại các đồn điền chiếm 36,8%, 53 240 người tại các hầm mỏ chiếm 24%. So với năm 1906, tổng số công nhân đã tăng lên gấp 4 lần và trong tổng số 22 vạn công nhân này bao gồm có 189 000 người kinh, 18 800 hoa kiều và 7 400 đồng bào thiểu số. Ấy là chưa kể đến những người lao động làm tại các đường sắt và hệ thống nông trường (năm 1926 là trên 5 vạn người) và những người thợ thủ công làm các nghề như dệt chiếu, dệt vải, làm đồ gốm, đan len, thêu, chạm, khảm v.v... ở rải rác mọi nơi, có tới hơn một triệu người. Do những hoàn cảnh riêng biệt của nước ta, như Goudal có nhận xét (2), nên tình trạng vô sản hóa ở nước ta rất lớn, số lượng của giai cấp công nhân không phải là 22 vạn như số liệu thống kê chính thức đã nêu ra, mà con số này lên đến một triệu người. Nói cho đúng hơn, con số 22 vạn này chỉ biểu hiện 22 vạn chức nghiệp (emplois). Và nếu ta đem so con số này với toàn bộ dân số nước ta hồi đó, vào khoảng 17, 18 triệu người, thì giai cấp công nhân chiếm một tỷ lệ không phải là nhỏ quá, vào khoảng 5 hay 6 phần trăm.

Tuy giai cấp công nhân có mặt khắp ba kỳ nhưng giai cấp công nhân lại không sống rải rác ở nhiều nơi trong nước mà phần lớn lại tập trung tại các trung tâm kinh tế và chính trị như vùng mỏ, đồn điền cao su và mấy thành phố quan trọng và đầu não như Sài-gòn, Chợ-lớn, Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định v.v... Bắc-kỳ là nơi tập trung đông đảo công nhân nhất. Theo số liệu thống kê điều tra của Pháp năm 1928, thì Bắc-kỳ chiếm hơn 40% tổng số công nhân toàn Đông-dương (3). Hơn thế nữa Bắc-kỳ còn là nơi cung cấp phần lớn số nhân công cho các đồn điền cao su Nam-kỳ, và ở ngoài Bắc thì các tỉnh đồng đúc dân cư như Bắc-ninh, Hà-đông, Hải-dương, Hưng-yên, Kiến-an, Nam-định, Ninh-bình, Thái-bình, Hà-nam v.v... lại là quê hương bản quán của rất đông công nhân. Tại khắp các nơi trong nước, về cơ bản chế độ bóc lột công nhân là thống nhất. Nhưng điểm chủ yếu trong các thể lệ lao động khắp ba kỳ đều giống nhau, chúng đều trói buộc người công nhân phải làm việc thật nhiều cho bọn tư bản để bọn chúng thu được lợi nhuận cao.

Tính chất tập trung này có tác dụng như Mác đã viết trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản là làm tăng thêm lực lượng của giai cấp vô sản: « Nhưng trong khi phát triển, công

nh nghiệp không những đã tăng thêm số người vô sản, mà còn tập trung họ lại thành từng khối to lớn hơn, vô sản tăng thêm lực lượng và giác ngộ về quyền lợi của mình » (4).

Trong hoàn cảnh nước ta, một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu thì chúng ta lại càng phải nhấn mạnh tới tính chất tập trung này của giai cấp công nhân, như Hồ Chủ tịch đã nhận định trong báo cáo của Người tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VI, năm 1928: « Ở xứ chúng tôi tuy không có một giai cấp đông đảo trên khắp đất nước, nhưng trong các trung tâm công nghiệp lớn, đã có một giai cấp vô sản rất tập trung (5) (Thông tin quốc tế, năm 1928, số 128).

(1) Inspection générale du travail—*Le travail en Indochine*, tr. 8.

(2) Goudal có nhận xét như sau về cách tính số lượng của giai cấp công nhân Việt-nam: « Người ta cần phải nhấn mạnh ở đây sự khác biệt sâu sắc giữa giai cấp vô sản An-nam và những người vô sản phương Tây. Những người vô sản phương Tây có một tính chất liên tục và ổn định rõ nét, còn giai cấp lao động Đông-dương thì lại đặc biệt không ổn định và cơ động. Nhân công làm trong các xưởng máy cũng không có tính ổn định cao hơn. Tất cả những người lao động đều trở về làng quê của mình, ít nhất mỗi năm một lần vào dịp Tết, nên không hiếm xảy ra tình trạng các mỏ phải hoàn toàn mộ lại nhân công sau dịp Tết vì những công nhân về nghỉ không trở lại vị trí của mình. Mặc dù có những đặc điểm trên đây làm cho những người vô sản An-nam khác biệt sâu sắc với những người vô sản phương Tây, nhưng rõ ràng có sự tồn tại không thể chối cãi được của giai cấp vô sản An-nam, và nếu người ta muốn ước lượng về số lượng một cách gần đúng nhất thì người ta phải nhân gấp 4 hay 5 lần những con số do thống kê nêu ra » Goudal — *Problèmes du travail en Indochine*. Genève B.I.T 1937 tr. 279, 280. Lê Thành Khôi trong *Việt-nam, histoire et civilisation* trang 429 cũng có một quan điểm tương tự như vậy.

(3) Delamarre — *L'émigration et l'immigration ouvrière en Indochine*. Hanoi I.D.E.O. 1931 tr. 34.

(4) Các Mác — F. Ăng-ghe-n. *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Sự thật 1956 trang 32 — 33.

(5) Trích lại của Nguyễn Tịch. Một số vấn đề về tính chất đặc điểm của giai cấp công nhân Việt-nam. Nội san *Nghiên cứu lịch sử Đảng* số 1 năm 1970.

Bản thân giai cấp công nhân Việt-nam còn là một khối thuần nhất, không hề bị chia năm xẻ bảy như các giai cấp khác. Ở các nước tư bản phương Tây, giai cấp tư bản đã thành công trong việc chia rẽ phong trào công nhân bằng cách mua chuộc bộ phận công nhân quý tộc thuộc một phần siêu lợi nhuận cướp được ở thuộc địa, lôi kéo bộ phận này đi theo con đường cải lương từ bỏ đấu tranh cách mạng. Ở Việt-nam ta cũng không có và không thể có cơ sở cho bọn thực dân Pháp gây chia rẽ bằng cách đó. Bọn cai ký không thuộc vào hàng ngũ công nhân, đó là những phần tử được bọn thực dân tín nhiệm cho trông coi thợ thuyền, đó là những tên tay sai, mặt thâm cho chủ. Bản thân bọn thực dân cũng không coi cai ký là thuộc vào hàng ngũ công nhân, Dumarest có viết: « Cai là một người làm công ăn lương nhưng vì chức vụ trung gian giữa người chủ và người lao động nên cai đã tách biệt khỏi đám thợ thuyền và đối với đám thợ thuyền thì cai có một uy quyền rất lớn.

Ngay bản thân luật pháp cũng không coi cai là một người làm công ăn lương thật sự » (1).

Ngay sau khi giai cấp công nhân đã thành hình giai cấp và phong trào công nhân có tính chất toàn quốc thì bọn thực dân cũng không cho phép lập công đoàn vàng, chúng ra nghị định ngăn cấm công nhân lập hội. Không có tầng lớp công nhân quý tộc, không có công đoàn vàng thì làm gì có chỗ cho chủ nghĩa cải lương này mầm trong phong trào công nhân Việt-nam.

Với truyền thống đoàn kết của dân tộc được kết tinh ngay trong mình, giai cấp công nhân lại là một khối đoàn kết, nhất trí, nên giai cấp công nhân đã có điều kiện tiên quyết để đoàn kết toàn dân đứng đối phó lại một cách hữu hiệu với bọn thực dân phong kiến tàn bạo.

3. Giai cấp công nhân là lực lượng trụ cột để đoàn kết toàn dân.

Giai cấp công nhân có một mối liên hệ rất sâu sắc với quảng đại quần chúng nhân dân, trước hết là giai cấp nông dân. Giai cấp công nhân Việt-nam là một giai cấp bị đế quốc Pháp bóc lột theo lối tiền tư bản chủ nghĩa, nghĩa là về xã hội và quyền lợi giai cấp, lẽ lối bị bóc lột có quan hệ mật thiết với nông dân. Một số khá đông công nhân Việt-nam lại là công nhân nông nghiệp ở các đồn điền, hơn 36,8% tổng số công nhân. Bản thân người công nhân cũng rất gần bó với đồng ruộng, quê hương. Theo thống kê năm 1936, ngay tại các mỏ ở Bắc-kỳ, trong số 24 825

người làm việc tại đó, thì chỉ có 424 người là làm việc 300 ngày hay hơn trong một năm, còn 16 645 người chỉ làm việc dưới 150 ngày (2). Tình trạng này nói lên tính chất lạc hậu, tiền tư bản chủ nghĩa của lẽ lối bóc lột thực dân, nhưng đồng thời nó cũng làm cho quan hệ công nông thêm gần bó mật thiết. Đó cũng là một đặc điểm của giai cấp công nhân Việt-nam so với giai cấp công nhân các nước châu Âu. Người công nhân Việt-nam sinh trưởng trong một nước nông nghiệp lạc hậu nên mang tính chất bán công bán nông rất là phổ biến « dù thể nào đi chăng nữa, người nông dân vẫn là đại biểu cho nền tảng của xã hội An-nam và giai cấp nông dân vẫn thâm nhập vào tất cả các tầng lớp xã hội khác; chính từ nông dân đã xuất phát ra giai cấp vô sản nông nghiệp và công nghiệp, ngoài ra bản thân giai cấp vô sản nông nghiệp và công nghiệp lại thường xuyên quay trở về nông thôn. Do đó trong mỗi người công nhân vẫn tồn tại một người nông dân » (3). Chính trên cơ sở của khối công nông liên minh mà giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết toàn thể dân tộc ta.

Từ khi giai cấp địa chủ phong kiến đầu hàng và cấu kết với thực dân Pháp đè áp bức, bóc lột nhân dân ta, thì vấn đề lãnh đạo dân tộc chỉ có thể đặt ra đối với hai giai cấp, giai cấp tư sản hay giai cấp vô sản. Địa vị kinh tế yếu hèn, thấp kém và hết sức mỏng manh của giai cấp tư sản và sự bất lực của họ làm cho họ không thể lãnh đạo được cách mạng. Đối với phong kiến thì do chỗ có liên hệ về quyền lợi phần nào nên nó không triệt để phản phong. Giai cấp tư sản mất hết khả năng chiến đấu, nếu không có lực lượng nào thực sự lãnh đạo họ thì họ chỉ còn có một thái độ là thỏa hiệp với đế quốc. Hơn thế nữa, ở nước ta có tình trạng là giai cấp công nhân lại ra đời trước giai cấp tư sản. Giai cấp công nhân đã xuất hiện ngay từ thời kỳ khai thác lần thứ nhất, trái lại giai cấp tư sản chỉ được hình thành và lớn lên từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Ở vào địa vị bị áp bức bóc lột cùng kiệt nhất, giai cấp công nhân nước ta đã có tinh thần cách mạng kiên quyết nhất, cách mạng nhất, đồng thời lại có nhiều liên hệ với các

(1) Dumarest — *La Formation des classes sociales en pays annamite*. Lyon 1935, trang 181.

(2) Lê Thành Khôi. *Viet nam, histoire et civilisation*, trang 429.

(3) Dumarest, sách đã dẫn trang 251.

tầng lớp nhân dân lao động khác, đặc biệt là nông dân, cho nên trong đấu tranh cách mạng, giai cấp công nhân nước ta có đủ khả năng lãnh đạo và làm trung tâm đoàn kết các giai cấp cách mạng khác, nhất là với bạn đồng minh kiên cố nhất là nông dân, để tiến hành cách mạng đến cùng. Đúng như đồng chí Lê Duẩn đã nhận định: “Trong một xã hội nhất định, có một giai cấp mà quyền lợi căn bản đại biểu cho quyền lợi chung của các giai cấp khác. Trong thời kỳ tư bản chống phong kiến, quyền lợi của giai cấp tư sản đồng thời đại biểu cho quyền lợi của các giai cấp khác chống phong kiến; vì vậy mặt trận chống phong kiến là mặt trận có tính chất giai cấp tư sản. Trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, ở một nước nông nghiệp thuộc địa, quyền lợi của giai cấp công nhân đồng thời đại biểu cho quyền lợi của các giai cấp khác muốn chống bọn tư bản đế quốc và giai cấp phong kiến còn sống sót, vì vậy mặt trận chống đế quốc có tính chất giai cấp do giai cấp công nhân lãnh đạo» (1).

4. Giai cấp công nhân sớm tiếp thu được chân lý của thời đại mới.

Dân tộc ta đã sớm vùng dậy chống chế độ thực dân và đã đóng góp tích cực vào phong trào thức tỉnh của các dân tộc phương Đông hồi đầu thế kỷ XX. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, những người lãnh đạo các phong trào yêu nước đã cố đi tìm chân lý cách mạng đúng đắn đánh đuổi bọn thực dân xâm lược, nhưng điều này đã không thực hiện được cho đến khi có giai cấp công nhân Việt-nam.

Cách mạng tháng Mười Nga thành công đã mở ra một thời đại mới, thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa kết hợp với cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo. Cách mạng tháng Mười có ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt-nam, đến tư tưởng của nhân dân ta, nó gây ra cuộc chuyển biến tư tưởng lần thứ hai và là sự chuyển biến quyết định nhất trong phong trào cách mạng Việt-nam: chuyển từ ý thức hệ tư sản sang ý thức hệ vô sản. Giai cấp công nhân Việt-nam đã trưởng thành vào những năm sau Cách mạng tháng Mười, nghĩa là vào lúc không những chủ nghĩa Mác đã xuất hiện và truyền bá trên thế giới mà còn đã thắng lợi trên một phần sâu địa cầu. Do tinh thần dân tộc và ý thức giai cấp kết hợp rất sâu sắc nên giai cấp công nhân đã có cơ sở để tiếp thu được chân lý của thời đại mới do Cách mạng tháng Mười mở ra. Hơn thế nữa, giai cấp công nhân còn là một

khối đoàn kết, thống nhất, cương quyết chống đế quốc và phong kiến, trong nội bộ thì không có tầng lớp công nhân quý tộc và trong phong trào công nhân thì lại không có chỗ cho chủ nghĩa cải lương này nọ, đó là những tiền đề hết sức thuận lợi để giai cấp công nhân Việt-nam theo kịp và nhanh chóng hòa mình vào phong trào công nhân quốc tế đã có từ trước đó. Tình hình chính trị thế giới cũng như tình hình nội bộ của giai cấp công nhân Việt-nam đã sớm giúp nó tiếp thu được tinh thần cách mạng triệt để của chủ nghĩa xã hội khoa học vào lúc cao trào cách mạng vô sản và giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới vừa mới mở ra.

Giai cấp công nhân Việt-nam đã tiếp thu một cách trực tiếp chủ nghĩa xã hội khoa học và không hề chịu ảnh hưởng một chút nào của chủ nghĩa cơ hội quốc tế, như vậy là giai cấp công nhân nước ta đã sớm được vũ trang bằng lý luận cách mạng tiên phong của cách mạng giải phóng dân tộc để trở thành một đội quân xung kích anh dũng, đầy đủ năng lực để đập đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và giai cấp phong kiến bán nước, làm tròn sứ mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Hồ Chí Minh là người đầu tiên và có công lớn nhất trong việc truyền bá tư tưởng Mác-Lênin vào giai cấp công nhân nước ta. Năm 1911, Người đã xuất dương sang Tây Âu để tìm con đường cứu nước. Người đã làm nhiều nghề cực nhọc trong xã hội tư bản phương Tây. Là một người công nhân lại là một người dân mất nước nên Người đã sớm nhận rõ được chân lý của thời đại mới: Sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, giải phóng cho dân tộc khỏi ách thực dân không thể tách rời sự nghiệp giải phóng loài người khỏi ách đế quốc chủ nghĩa. Cho nên Người đã nói: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản» (2).

Như vậy là giai cấp công nhân nước ta đã sớm có ngay được một lãnh tụ thiên tài, lãnh tụ này đã xuất hiện ngay trong lúc giai cấp công nhân đang phát triển và trưởng thành và ngay trước khi có Đảng của giai cấp. Lãnh tụ này đã đưa chân lý cách mạng của thời

(1) Lê Duẩn — Một vài đặc điểm của cách mạng Việt-nam. Sự thật, 1967 tr 61.

(2) Hồ Chí Minh — Lời tựa những bài viết và bài nói chọn lọc. Xuất bản ở Liên-xô năm 1959.

đại mới vào giai cấp công nhân, làm cho giai cấp công nhân không bao giờ biết đến tình trạng chia năm xẻ bảy về tư tưởng và tổ chức. Và chúng ta cũng thấy có một hiện tượng độc đáo này, là giai cấp công nhân Việt-nam, 10 năm trước khi có Đảng tiền phong của mình ở trong nước, thông qua lãnh tụ của mình — Hồ Chủ tịch, đã tham gia tích cực, chủ động, xây dựng phong trào cộng sản quốc tế.

Trong cuộc đấu tranh gay go và phức tạp của dân tộc ta chống thực dân và phong kiến, sứ mệnh lịch sử đã giao phó cho giai cấp

công nhân, một giai cấp kiên quyết và triệt để cách mạng nhất, sứ mệnh lãnh đạo và đoàn kết toàn thể dân tộc đấu tranh, xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến để tiến lên xây dựng một chế độ tốt đẹp nhất, chế độ xã hội chủ nghĩa, mà thời đại mới vừa mới mở ra. Sứ mệnh lịch sử cũng đã chỉ rõ cách mạng Việt-nam chỉ đến thắng lợi hoàn toàn nếu nó được đặt dưới quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, một giai cấp đoàn kết nhất trí, có lý luận cách mạng đúng đắn, có đường lối đấu tranh thích hợp với hoàn cảnh mới và đại diện được quyền lợi của dân tộc và của nhân dân.

III — GIAI CẤP CÔNG NHÂN BƯỚC LÊN VŨ ĐÀI CHÍNH TRỊ VIỆT-NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT

Mặc dù thực dân Pháp đã ban hành hàng loạt những thể lệ lao động khắc nghiệt để trói buộc người công nhân Việt-nam, nhưng đã có giai cấp công nhân thì tất nhiên phải xuất hiện những hình thức đấu tranh của công nhân chống tư bản vì mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản là mâu thuẫn nằm trong bản thân chủ nghĩa tư bản. Giai cấp công nhân nước ta lại là một giai cấp đã kết hợp nhuần nhuyễn tinh thần căm thù giai cấp sâu sắc với truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc ta, hơn thế nữa giai cấp công nhân nước ta lại sống trong hoàn cảnh tập trung, nhiều người cùng cảnh ngộ như nhau, nên tinh thần đấu tranh cách mạng lại càng được hun đúc thêm, nhất là khi họ đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê-nin thì họ rất nhanh chóng chuyển từ đấu tranh tự phát lên đấu tranh tự giác.

Ở Việt-nam, bãi công dễ bị bọn thực dân ghép vào « tội phá rối trị an » và bị xử tới 5 năm tù và 10 năm biệt xứ, có thể còn nặng hơn thế nữa. Thế mà, theo thống kê của thực dân Pháp, chắc còn dưới sự thực nhiều, thì từ 1920 đến 1925 đã có 25 cuộc bãi công, đây còn chưa kể tới những cuộc lãn công, đưa yêu sách chung lên cho chủ, hò reo biểu tình tập thể chống đánh đập và những cuộc đấu tranh thấp như lẻ tẻ bỏ việc phá giao kèo (riêng từ 1919 đến 1923 đã có 2.743 vụ phá giao kèo của công nhân đồn điền) (1). Số lượng của những cuộc đấu tranh ấy tuy chưa phải là nhiều, nhưng đó là sự trỗi dậy mạnh mẽ và là biểu thị của tinh thần chiến đấu cao của giai cấp công nhân ở thuộc địa Việt-nam.

Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh thời kỳ này là những vụ 600 thợ nhuộm Chợ-lớn bãi công, năm 1924 công nhân nhà máy dệt và nhà máy rượu Nam-dịnh, Hải-dương, Hà-nội bãi đấu tranh bãi công thắng lợi. Đáng kể nhất là cuộc bãi công thắng lợi của công nhân xưởng sửa chữa tàu Ba-son năm 1925 do đồng chí Tôn Đức Thắng lãnh đạo, làm cản trở chiếc tàu chiến Michelet của Pháp sang can thiệp cách mạng Trung-quốc, để tỏ thái độ đồng tình ủng hộ với giai cấp công nhân và nhân dân Trung-quốc. Từ mấy cuộc đấu tranh bồi đầu thế kỷ XX, không đầy sáu năm sau chiến tranh, ở nước ta đã nở ra hàng mấy chục cuộc bãi công, những cuộc bãi công này cho mọi người thấy rõ giai cấp công nhân nước ta giác ngộ rất nhanh, sớm và sâu sắc. Tuy lúc bấy giờ, phong trào công nhân chưa đạt tới trình độ tự giác nhưng nó đang mang rõ rệt yếu tố của thời đại mới: tinh thần chính trị, lan rộng khắp toàn quốc và có quan hệ với phong trào công nhân quốc tế. Cuộc bãi công Ba-son chấm dứt giai đoạn đấu tranh tự phát của công nhân Việt-nam và mở đầu cho giai đoạn đấu tranh có tổ chức, có cơ sở công hội rải khắp Việt-nam, giai đoạn phong trào công nhân dần dần đi lên tự giác. Từ đây giai cấp công nhân nước ta đã tiếp thu được kinh nghiệm đấu tranh cách mạng thắng lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới. Tư tưởng xã

(1) Trần Văn Giàu — *Giai cấp công nhân Việt-nam*. Sự thật xuất bản 1958, tr. 358.

hội chủ nghĩa cũng dần dần thấm sâu vào giai cấp công nhân và làm cho giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành mau chóng và nổi bật vai trò của mình trên vũ đài chính trị Việt-nam.

Nhưng để trở thành một giai cấp công nhân giác ngộ, nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình thì giai cấp công nhân phải cần phải có sự lãnh đạo của một chính đảng của giai cấp mình. Trên tờ *Le Paria* (Người cùng khổ) do Hồ Chủ tịch sáng lập, tháng 9 năm 1923 Người đã viết: "Hỡi anh em lao khổ! Đoàn kết nhau lại, xiết chặt hàng ngũ của chúng ta quanh lá cờ Quốc tế cộng sản, lá cờ này là lá cờ duy nhất để giải phóng những người bị áp bức."

...Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta mới tìm thấy được sự giải phóng của chúng ta".

Đúng vào lúc phong trào công nhân đòi hỏi một đội ngũ tiên phong, đúng vào lúc phong trào yêu nước và dân chủ đòi hỏi một sự lãnh đạo sáng suốt thì một tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản chủ nghĩa đã ra đời: Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội do Hồ Chủ tịch thành lập ở Trung-quốc vào năm 1925.

Từ năm 1925 trở đi, sau khi Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội được thành lập, phong trào công nhân đã ngày càng phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng, điều này chứng tỏ rằng giai cấp công nhân đã trưởng thành vượt bậc. Số lượng của các cuộc bãi công ngày càng nhiều và quy mô ngày càng lớn, và đặc biệt là từ những cuộc đấu tranh lẻ tẻ, tự phát tiến lên những cuộc đấu tranh có tổ chức, có lãnh đạo, có sự đoàn kết tương trợ và không những nhằm mục đích kinh tế mà còn cả về mục đích chính trị nữa. Theo số liệu thống kê của Hồng Thế Công (1), chắc chưa hoàn toàn đầy đủ, thì năm 1927 có 7 cuộc bãi công với 350 người tham gia, năm 1928 có 9 cuộc bãi công với 1.900 người tham gia, năm 1929 có 24 cuộc bãi công với 6.000 người tham gia, nhưng đến năm 1930 con số các cuộc bãi công đã tăng vọt hẳn lên, 98 cuộc, số người tham gia cũng ngày càng đông đảo hơn 31.680 người. Bắc-kỳ là nơi tập trung đông đảo nhất công nhân của nước ta thì cũng là nơi nổ ra nhiều cuộc bãi công nhất, cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt hơn cả ở Việt-nam. Công nhân ngoại kiều và thuộc các dân tộc ít người cũng được lôi cuốn vào cuộc đấu tranh.

Đáng kể là từ khi tư tưởng xã hội chủ nghĩa và phương pháp đấu tranh mới thấm vào

những đảng viên Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, rồi qua họ đi vào quần chúng công nông, nghĩa là từ 1927, 1928 trở đi, thì phong trào công nhân ngày càng mang tính chất tự giác sâu sắc hơn. Những cuộc bãi công từ đó trở đi đã thấy rõ có tổ chức, có đoàn kết tương trợ của một giai cấp tự giác. Nhiều cuộc bãi công quan trọng và có tiếng vang rộng lớn đã nổ ra như cuộc bãi công của công nhân hãng A-vi-a Hà-nội, nhà máy xi-măng Hải-phòng, nhà máy Trường-thị ở Vinh, đồn điền Phú Riềng v.v... Đáng chú ý là cuộc bãi công của công nhân lò nhuộm Mác-sô ở nhà máy dệt Nam-định đấu tranh chống đánh đập, đòi tăng lương và bớt giờ làm đã được công hội vận động công nhân cả nhà máy dệt và các nhà máy khác trong thành phố và các tỉnh khác ở Bắc-kỳ cùng hưởng ứng, quyền tiền giúp đỡ và cuộc đấu tranh kết thúc thắng lợi. Đây là chưa kể tới hàng ngàn vụ phá giao kèo của công nhân nông nghiệp ở các đồn điền, 14.462 vụ trong thời gian từ 1926 tới 1929 chiếm một tỷ lệ tương đối lớn so với số công nhân làm việc, như năm 1929 có 4.301 vụ so với 36.500 công nhân, chiếm một tỷ lệ là 11,2% (2).

Đặc điểm của phong trào công nhân trong thời kỳ này là những cuộc bãi công đã cho thấy rõ tính chất tổ chức, đoàn kết tương trợ của một giai cấp tự giác, phong trào công nhân lan rộng khắp ba kỳ, trong mỗi kỳ nó lan rộng ở nhiều tỉnh và ở mỗi tỉnh thành quan trọng thì nó lại bao gồm nhiều loại công nhân khác nhau, so với thời gian trước thì số lượng của các cuộc bãi công và số người tham gia cũng đều tăng lên. Phong trào công nhân bắt đầu lôi kéo được một số cuộc đấu tranh của nhiều tầng lớp nhân dân khác.

Tổ chức công hội đã xuất hiện rất sớm trong phong trào công nhân, xuất hiện trước cả nhiều tổ chức yêu nước của những thanh niên tiểu tư sản như Tâm tâm xã, Phục Việt. Năm 1920. Cụ Tôn Đức Thắng từ Pháp trở về Sài-gòn mang theo ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào công nhân Pháp. Ngay từ 1920 Cụ Tôn đã đứng ra tổ chức công hội bí mật. Lúc cuộc bãi công Ba-son nổ ra năm 1925 thì công hội đã có trên 300 hội viên và cũng chính công hội đã đứng ra tổ chức và vận động ra cuộc bãi công này. Thời gian sau, những phần tử tiên tiến trong công nhân

(1) *Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt-nam*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, trang 92.

(2) *Problèmes du travail en Indochine*, tr. 85

đã bí mật đứng ra tổ chức công hội đồ. Công nhân đồn điền Dầu-tiêng kêu gọi thành lập công hội đấu tranh chống bọn tư bản. Công hội đồ đã xuất hiện ở một số xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền quan trọng, và ở nơi nào có cơ sở công hội đồ thì ở đó phong trào công nhân lên cao. Chính công hội đồ đã đứng ra tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân chống áp bức, bóc lột, đòi cải thiện đời sống.

Giai cấp công nhân đã sớm đấu tranh như một lực lượng độc lập và sớm đóng một vai trò tiên phong, xung kích trong phong trào giải phóng dân tộc. Trong thời gian này, giai cấp công nhân có tham gia những cuộc đấu tranh chính trị do những nhóm trí thức tiến bộ và yêu nước tổ chức như phong trào đòi chính phủ thực dân Pháp thả nhà ái quốc Phan Bội Châu năm 1925, phong trào nhân dân truy điệu Phan Chu Trinh hay phong trào đòi thả Nguyễn An Ninh, vì đây là những cuộc vận động yêu nước chung. Không một nhóm chính trị yêu nước nào lại không công nhận trực tiếp hay gián tiếp rằng công nhân là một lực lượng chính trị lớn, phải kể đến một cách hữu hiệu với bọn thực dân và bọn bán nước: đưa ma cho Phan Chu Trinh thì tư sản, viên chức đi đầu, nhưng đánh nhau với bọn thực dân ngoan cố và ngu xuẩn thì lại là công nhân và học sinh trường Bách nghệ. Do đó chúng ta có thể coi sự diễn biến của phong trào cách mạng Việt-nam từ 1919 đến 1929 như là giai đoạn chuẩn bị cho giai cấp công nhân về tổ chức, ý thức và chính trị để giành hẳn quyền lãnh đạo cách mạng về mình. Trong quyển "Một vài đặc điểm của cách mạng Việt-nam" đồng chí Lê Duẩn đã viết: "Sự thực, phong trào công nông đã phát triển mạnh mẽ khắp toàn quốc trước khi có bạo động Yên-bái. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam không tiến tuần tự từ tính chất tư sản qua tính chất vô sản, hết tư sản rồi mới đến vô sản mà bản chất của nó là nhẩy vọt".

Dưới chế độ thực dân phong kiến, người nông dân Việt-nam đã từ lâu ôm ấp nguyện vọng tha thiết là có ruộng đất vì họ biết rằng họ phải chịu trăm ngàn nỗi đắng cay vì thiếu ruộng hay không có ruộng đất. Tuy nhiên nếu không được giai cấp công nhân lãnh đạo thì người nông dân không thể tự mình được rằng: Việc tước đoạt lại ruộng đất từ trong tay địa chủ hay việc xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ để chia lại cho nông dân là một điều có thể thực

hiện được và thực hiện bằng con đường đấu tranh cách mạng. Người nông dân trước đây cũng đã có nhiều hình thức đấu tranh chống lại địa chủ như đánh bọn cường hào ác bá, chống hào lý ăn quýt tiền công quỹ. Nhưng từ khi có giai cấp công nhân và nhất là từ khi có đảng tiên bối của Đảng Cộng sản xuất hiện như Thanh niên cách mạng đồng chí Hội thì tình hình đã có sự đổi thay quan trọng. Các đảng viên của tổ chức này không chỉ đi vào xí nghiệp, nhà máy, đồn điền mà còn tỏa về nông thôn để hoạt động trên nhiều lĩnh vực, thức tỉnh lòng yêu nước, chỉ quật khởi, tư tưởng dân tộc dân chủ, chống đế quốc, chống phong kiến của nông dân. Đặc biệt họ cũng đã từng thâm nhập vào quần chúng nông dân trong phong trào đấu tranh giành lại ruộng đất công. Thanh niên cách mạng đồng chí Hội còn rải nhiều truyền đơn chống bắt phu ở Bắc và Trung-kỳ vào làm trong các đồn điền ở Nam-kỳ, điều này đã gây ảnh hưởng lớn trong nông dân cũng như trong công nhân. Đến khi Đông-dương Cộng sản Đảng ra đời giữa năm 1929 thì lần đầu tiên trong lịch sử Việt-nam, vấn đề ruộng đất đã được nêu lên gắn liền với yêu cầu độc lập và tự do. Bên cạnh những khẩu hiệu như «đập đổ tư bản chủ nghĩa» còn có những khẩu hiệu như «giao ruộng đất cho dân cày». Bản tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông-dương tháng 6 năm 1929 vạch ra một cương lĩnh tranh đấu về ruộng đất như sau: «tịch ký ruộng đất của đại địa chủ, quý tộc và cố đạo», «quyền sở hữu ruộng đất thuộc về nhà nước», «ruộng đất phân phối cho dân cày cày chung» (1).

Như vậy là lần đầu tiên trong lịch sử Việt-nam, người nông dân đã tìm thấy người lãnh đạo đồng thời là người bạn đồng minh đáng tin cậy của mình trong giai cấp công nhân. Chủ nghĩa đế quốc Pháp đã gắn chặt người nông dân vào với người công nhân về các mặt quyền lợi giai cấp, thân phận nô lệ và nửa nô lệ và ý chí cách mạng. Giai cấp công nhân cũng đã tìm thấy ở giai cấp nông dân một người bạn đồng minh đáng tin cậy nhất, đồng đạo, có nghị lực cách mạng lớn mà chưa bị phân tán về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, hàng loạt những cuộc bãi công quan trọng đã

(1) Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt-nam. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, tr. 48.

nở ra, điều này báo biểu rằng việc tổ chức Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội là một nhu cầu cấp bách của lịch sử. Về sau trong Đảng Thanh niên đã xuất hiện phong trào vô sản hóa, nghĩa là phong trào những thanh niên trí thức tiểu tư sản yêu nước, tiến bộ đi thâm nhập quần chúng công nông để tự cải tạo mình thành người tiền phong của giai cấp vô sản và đồng thời hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống tư bản bóc lột. Càng đi sát phong trào công nhân bao nhiêu thì những thanh niên này lại càng xích gần lại chủ nghĩa cộng sản bấy nhiêu, điều này đã góp phần quan trọng để tạo ra tiền đề cho một chính đảng vô sản xuất hiện ở nước ta. Thanh niên cách mạng đồng chí Hội đã trở thành trung tâm hấp dẫn ngày càng đông đảo các lực lượng cách mạng, những bộ phận có tinh thần cách mạng chân chính ở những đảng phái cách mạng và yêu nước này ngày càng nhận rõ sự cần thiết phải đi theo đường lối mới dựa vào công nông. Một sự phân hóa đã diễn ra trong các nhóm, đảng phái cách mạng, yêu nước lúc bấy giờ.

Khi tư tưởng Mác-Lê-nin do các chiến sĩ cách mạng truyền vào giai cấp công nhân thì phong trào công nhân lại càng lên cao, và chính sự phát triển vượt bậc của phong trào công nhân từ 1926 — 1929 đã đưa đến sự phân liệt trong Đảng Thanh niên, Tân Việt, đưa tới việc thành lập ba tổ chức cộng sản vào năm 1929. Dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết, và lại bản thân giai cấp công nhân Việt-

nam cũng là một khối đoàn kết nhất trí, cho nên giai cấp công nhân đã sớm đòi hỏi có một chính đảng thống nhất về tổ chức, tư tưởng và hành động. Cho nên việc thành lập Đảng cộng sản Đông-dương vào đầu năm 1930 là một tất yếu lịch sử.

Việc thành lập Đảng cộng sản Đông-dương, chính đảng của giai cấp công nhân, với cương lĩnh chính trị đúng đắn và sáng tạo là chống đế quốc phong kiến và tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là sự chuyển biến chất lượng, là bước nhảy vọt, là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tư tưởng cách mạng nhất của thời đại với phong trào đấu tranh quyết liệt của giai cấp công nhân, giai cấp cách mạng nhất, liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, và với phong trào yêu nước của một dân tộc đang sức sôi cách mạng. Đảng Cộng sản Đông-dương ra đời đánh dấu một sự nhận thức sâu sắc của giai cấp công nhân về trách nhiệm của mình đối với lịch sử, đối với đất nước.

Bước đi của giai cấp công nhân từ «tự mình» đến «cho mình» là một sự nhảy vọt. Những phẩm chất ưu tú của giai cấp công nhân là sự nhân lên gấp bội lần những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc ta. Từ sau khi có Đảng tiên phong lãnh đạo, trên đất nước Việt-nam yêu quý, giai cấp công nhân đã giương cao ngọn cờ dân tộc và dân chủ, đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt-nam đi hết từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

VÀI Ý NGHĨ VỀ

Giai cấp công nhân Việt-nam những năm đầu dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông-dương

VŨ HUY PHÚC

N GÀY 3 tháng 2 năm 1930 đồng chí Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và dân tộc ta nhân danh Quốc tế cộng sản triệu tập hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương. Chỉ 15 năm sau, Người đã đứng trên lễ đài tại quảng trường Ba-dình Hà-nội đọc bản Tuyên ngôn độc lập bất hủ, khai sinh nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Chẳng đường lịch sử ấy thực ngăn ngui song đầy thắng lợi. Nó mở đầu bằng cao trào cách mạng 1930—1931 và kết thúc với thành công rực rỡ của khởi nghĩa tháng Tám 1945. Cái mở đầu đúng đắn dẫn đến cái kết thúc tốt đẹp, như con chim én báo hiệu mùa xuân. Cách mạng tháng Tám quả đã qua cuộc tổng tập dượt của nó ngay từ 1930—31, khi Đảng của giai cấp công nhân

Việt-nam vừa ra đời. Điểm đặc sắc này của cách mạng Việt-nam, của lịch sử dân tộc Việt-nam gắn liền với sự nghiệp vĩ đại của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, gắn liền với lịch sử oanh liệt của giai cấp công nhân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương. Khi tìm hiểu sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của lịch sử dân tộc kể từ 1930, không thể không nghiên cứu giai cấp công nhân Việt-nam như một động lực lịch sử chủ yếu, đặc biệt là trong những năm cao trào cách mạng đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của dân tộc. Bước ngoặt này đã nâng địa vị nước ta vào hàng những nước đi đầu ở thời đại mới, thời đại chiến thắng của các dân tộc thuộc địa, thời đại các dân tộc bị áp bức bước theo ngọn cờ của Cách mạng tháng Mười Nga.

1

CHO tới trước 1930 Tổ quốc ta đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử đặc biệt. Một sự kiện có tầm lớn lao nhất là : từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến đã hình thành và phát triển một giai cấp công nhân ; giai cấp công nhân ấy đã bước lên vũ đài

chính trị đầy dũng khí, đầy tự hào. Không những nó sớm ra đời như một nét rất hiện đại của lịch sử dân tộc mà nó còn trải qua một giai đoạn đấu tranh phát triển cực kỳ nhanh chóng từ một giai cấp tự phát lên giai cấp tự giác. Giai cấp công nhân Việt-nam

hầu hết xuất thân từ nông dân. Trong hoàn cảnh thuộc địa như nước ta, điều đó chỉ có nghĩa là họ chuyển từ thân phận những kẻ tòi đòi của giai cấp địa chủ phong kiến sang thân phận nô lệ cho bọn tư bản thực dân nước ngoài. Do đó họ là lớp người bị áp bức nhất, cực khổ nhất. Cuộc sống đói khổ, nhân phẩm bị chà đạp v.v... là những mầm phản kháng trong lòng họ. Vì sống tập trung, giống nhau về cảnh ngộ và nguyện vọng, lại thêm kẻ thù giai cấp đồng thời là kẻ thù của dân tộc, nên trước khi đứng dậy là một giai cấp độc lập tranh đấu, họ đã từng tham gia các phong trào yêu nước khác. Qua ngọn lửa đấu tranh của dân tộc, họ được tôi luyện thêm lòng yêu nước thiết tha và chính đó là một nhân tố quan trọng làm cho họ tự phát tranh đấu và sớm có ý thức về mình.

Sau những thất bại của các đường lối cứu nước mang các màu sắc khác nhau kể từ đầu thế kỷ XX, trước năm 1930 đã song song phát triển hai dòng vận động cách mạng: một dòng theo ý thức hệ tư sản dưới sự lãnh đạo của một nhóm tiểu tư sản yêu nước và một dòng của giai cấp công nhân Việt-nam. Dòng thứ hai này phát triển mạnh, nhất là từ 1925 trở đi; đã tạo nên một không khí cách mạng sôi sục mà từ đó nảy sinh các nhóm cộng sản đầu tiên. Nhưng đến đầu năm 1930, trong lúc dòng thứ nhất tan rã, đánh dấu sự bất lực của ý thức hệ tư sản bằng thất bại nhanh chóng của khởi nghĩa Yên-bái, thì dòng cách mạng của giai cấp công nhân cứ ngày càng lớn lên, càng thu hút được sự đồng tình của toàn dân mà đại bộ phận là nông dân. Do đó, trong cùng tháng 2-1930 đã xảy ra hai sự kiện đầy ý nghĩa: Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương và sự tan vỡ của Việt-nam Quốc dân đảng. Như thế là giai cấp công nhân từ đây độc quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Tuy nhiên, không phải bản thân sự thất bại của khởi nghĩa Yên-bái đã mang lại cho giai cấp công nhân độc quyền ấy, mà chính là sự bất lực của giai cấp tư sản và dững khi cách mạng của giai cấp công nhân qua ngọn lửa đấu tranh từ những năm trước đã mang lại cho giai cấp công nhân cái độc quyền đó. Phác lại mấy nét lớn trên đây để thấy rằng chính do những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt-nam mà, kể từ 1930, vận mệnh của dân tộc ta gắn liền với vận mệnh của giai cấp công nhân Việt-nam. Sự phát triển khách quan của lịch sử dân tộc Việt-nam đã bước đến chỗ trước hết đặt sự giải phóng giai cấp nằm trong sự giải phóng dân tộc. Mối liên hệ giữa giai cấp và dân tộc trên một khía cạnh

nào đó đã được biểu hiện rõ ngay trong sự hình thành Đảng Cộng sản Đông-dương. Ở nước ta Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập là kết quả của sự kết hợp ba yếu tố: chủ nghĩa Mác—Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước (1). Do đó, Đảng, giai cấp công nhân và dân tộc là ba nhân tố có khác nhau nhưng lại quan hệ mật thiết với nhau. Đảng Cộng sản Đông-dương là bộ tham mưu, là đầu não chỉ huy của giai cấp công nhân Việt-nam. Trong ý nghĩa ấy và so với dân tộc thì Đảng và giai cấp là một. Giai cấp công nhân Việt-nam hay Đảng Cộng sản Đông-dương nằm trong dân tộc Việt-nam, là đội tiên phong giành lấy tương lai tươi đẹp cho giai cấp và dân tộc. Hồ Chủ tịch đã nói: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc” (2).

Chính nhờ có Đảng chỉ lối sáng suốt mà giai cấp công nhân hiểu được thực tiễn phong phú của nước ta, hiểu được vị trí và vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp chung, hiểu được con đường cách mạng tất phải trải qua. Đây là một bước nhảy vọt về nhận thức về trình độ giác ngộ hay nói cách khác một bước bột phát về chất của giai cấp công nhân Việt-nam. Ngay từ những văn kiện đầu tiên, Đảng Cộng sản Đông-dương đã nêu bật ngay được cho giai cấp, cho dân tộc hiểu rõ sự gắn bó mật thiết giữa vận mệnh giai cấp và vận mệnh dân tộc. Ngày 18-2-1930 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt-nam:

“Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh!

Hỡi đồng bào bị áp bức bóc lột!

Đảng Cộng sản ở Đông-dương đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp công nhân. Đảng sẽ đấu đả giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng để đấu tranh cho quyền lợi của toàn thể nhân dân bị áp bức, bóc lột...” (3).

Bản cương lĩnh chính trị của Đảng sau đó xác định rõ vai trò của giai cấp vô sản:

...“Vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được”.

(1) Hồ Chí Minh — “Ba mươi năm hoạt động của Đảng”. Báo *Học tập* số đặc biệt kỷ niệm 6-1-1960.

(2) Bài nói tại trường cán bộ Công đoàn ngày 19-1-1957. *Hồ Chí Minh tuyển tập* tr. 611.

(3) *Văn kiện Đảng* (1929—1935) tr. 18.

Vị trí của giai cấp công nhân như vậy, ắt cuộc cách mạng ở nước ta kể từ năm 1930 phải là một cuộc cách mạng « tư sản dân quyền ». Nó đáp ứng đúng hai yêu cầu cơ bản của toàn dân ta hồi ấy là độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Trong lịch sử tranh đấu của đất nước ta cho đến lúc ấy, chưa bao giờ hai mục tiêu trên được nêu lên gần liền với nhau một cách triệt để như trong luận cương của Đảng Cộng sản Đông-dương. Có thể nói đây là một phát triển mới của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nó phản ánh đúng thực tiễn lịch sử và rất phù hợp với nguyện vọng nhân dân. Chính vì thế, cả dân tộc đã đứng lên theo ngọn cờ đỏ của giai cấp công nhân chuyển sang một bước ngoặt vĩ đại trong đời mình, bước ngoặt có tiếng vang quốc tế.

Bộ tham mưu của giai cấp công nhân Việt-nam không những đã vạch ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt-nam, mà còn chỉ rõ con đường cách mạng tiến lên không ngừng trong tương lai. Bản cương lĩnh chính trị đã nêu lên luận điểm nổi tiếng về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Việc đề ra con đường này, một mặt chứng tỏ sự sáng tạo, dũng cảm và kiên quyết cách mạng không

ngừng của giai cấp công nhân nước ta, mặt khác còn khẳng định hơn nữa vị trí lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn bộ sự nghiệp của dân tộc. Một con đường phát triển như vậy chỉ có thể do giai cấp công nhân lãnh đạo, thực hiện và chỉ có nó mới có đủ năng lực khắc phục được những khó khăn to lớn và phát huy được hết mức những ưu thế mà con đường đó tất trải qua.

Như vậy, do hoàn cảnh lịch sử nước ta quy định, từ năm 1930 vận mệnh dân tộc ta đã kết hợp khăng khít với lịch sử của giai cấp công nhân Việt-nam. Sự thực này không những là một hệ luận của sự phát triển lịch sử và được bản thân giai cấp công nhân nhận thức được đầy đủ, mà còn biến thành hiện thực và được cả dân tộc thừa nhận. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực tế đó chính là ở chỗ : ngay từ 1930 giai cấp công nhân Việt-nam đã có một Đảng mác-xít lên-nin-nít chân chính, một Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lập nên, một Đảng giỏi vận dụng lý luận vào thực tiễn. Hơn thế nữa, giai cấp công nhân ta đã chiến đấu theo đúng đường lối của bộ tham mưu của mình, đã biểu lộ bản chất cách mạng ưu việt và tỏ ra xứng đáng với địa vị của lịch sử giao phó cho nó.

2

MÙA xuân 1930 đến đúng lúc nhân dân ta phải chịu sự tàn sát cực kỳ man rợ của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên-bái. Nhưng Việt-nam vẫn đang đứng trước một cao trào cách mạng mà Quốc tế Cộng sản từng tiên đoán từ tháng 10 năm 1929 :

Cuộc cách mạng ở Đông-dương « có điều kiện và có thể có một cao trào lớn và sẽ phát triển rất mau, làm cho có thể và chắc rằng ở bên Đông-dương sẽ xảy ra một cuộc vận động cách mạng dữ dội » (1).

Lời tiên đoán ấy quả nhiên đã trở thành hiện thực; đất nước ta đã chứng kiến một cao trào cách mạng chưa từng thấy.

Bước vào thời kỳ sôi sục cách mạng này, về mặt số lượng các công nhân chuyên nghiệp mới chỉ lên tới con số 200.000 (2). Nhưng họ sống tập trung trong những khu vực công nghiệp hoặc đồn điền ở khắp Bắc, Trung, Nam như : Hòn-gai, Cẩm-phà, Hải-phòng, Hà-nội, Vinh — Bến-thủy, Sài-gòn — Chợ lớn, Biên-hòa, Thủ-dầu-một... Những địa điểm đó hầu hết cũng là những trung tâm đầu não chính trị, kinh tế của chính quyền thuộc địa. Trước năm 1930, cũng chính trong những dinh lũy ấy của đế quốc và bè lũ phong kiến tay sai,

những cuộc bãi công, đình công, rải truyền đơn v.v... đã nổ ra liên tiếp ngày nhiều do sự vận động và chỉ huy của các đảng tiền thân của Đảng cộng sản Đông-dương (3). Giờ đây, được sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông-dương thống nhất toàn quốc, giai cấp công nhân bước vào một đợt đấu tranh kể thừa truyền thống cũ, phát huy một bước rực rỡ hơn nữa bản chất cách mạng của mình, khiến cho khắp nước ta đã dấy lên một cao

(1) *Văn kiện Đảng* (1929—1935) tr. 5.

(2) Louis Marty — *Le Parti communiste indo-chinois* Bản đánh máy của Viện Sử.

(3) Theo tài liệu của đồng chí Hồng Thế Công « Dự thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông-dương » do Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng công bố, số lượng các cuộc bãi công là : 1927 : 7 cuộc : 350 người tham gia (số người đã biết trong 5 cuộc)

1928 : 9 cuộc : 1.900 người tham gia (số người đã biết trong 5 cuộc)

1929 : 24 cuộc : 6.000 người tham gia (số người đã biết trong 2 cuộc)

1930 : 98 cuộc : 31.000 người tham gia (số người đã biết trong 34 cuộc)

trào đấu tranh từ tháng 5-1930 đến cuối năm 1931, mà đỉnh của nó là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Trong vòng hơn một năm trời chiến đấu, *giai cấp công nhân tỏ ra là một giai cấp đi tiên phong*. Nếu xem mốc mở đầu cao trào 1930-31 là ngày 1-5-1930 thì phải nói ngay rằng kể từ tháng 1-1930 những cuộc đấu tranh mãnh liệt mở màn đã nổ ra rồi. Nhất là tháng 4, một tháng đấu tranh sôi sục khắp ba kỳ trong đó về mặt số lượng các cuộc đấu tranh còn nhiều hơn tháng 5 sau đó. (Xin xem biểu đồ vẽ dựa theo số liệu của H.T. Công). Như vậy giai đoạn tháng 1 đến tháng 4 là giai đoạn chuẩn bị, làm đà cho giai đoạn sau. Và cũng chính trong giai đoạn chuẩn bị này, hầu như chỉ có giai cấp công nhân chiến đấu oanh liệt nhất trên vũ đài. 5.000 công nhân đồn điền Phú-riêng vinh dự là những người con đầu tiên của giai cấp công nhân mở màn giai đoạn chiến đấu này bằng một cuộc bãi công toàn thể rất mạnh mẽ ngày 30-1-1930 (1). Tiếp theo đó, công nhân Phú-riêng lại nổi dậy vào tháng 3 cùng với hàng loạt các cuộc bãi công khác của công nhân ở khắp ba kỳ: Bãi công của công nhân đồn điền cao-su Dầu-tiếng, của công nhân làm đường Oatinat và Espagne tại Sài-gòn (14-3), của 300 công nhân trạm xe lửa Dĩ-an ở Gia-định (16-3), công nhân hãng dầu Nhà Bè, máy sợi Nam-định (hồi 11 giờ ngày 28-3)... Cuộc bãi công của công nhân sợi Nam-định do Xứ ủy Bắc-kỳ Đảng Cộng sản Đông-dương trực tiếp lãnh đạo có tiếng vang lớn. Báo chí hồi đó đã nêu lên: các nam nữ công nhân « lần này lại biểu tình bãi công với đặc điểm tổng bãi công » (2).

Sang tháng 4-1930 phong trào lại lan rộng và sôi nổi hơn trước với tốc độ ngày càng tăng. Ngoài những nơi đã có phong trào từ trước, còn thêm các cuộc đấu tranh của công nhân cảng Hải-phòng, công nhân mỏ than Mông-dương, Nông-sơn, Bồng-miêu, công nhân các ga xe lửa Đà-nẵng, Quy-nhơn. Đặc điểm phong trào tháng 4 này là sự xuất hiện ở khắp nơi, kể cả Hà-nội, nhiều cờ đỏ búa liềm và truyền đơn của Đảng cộng sản Đông-dương kêu gọi tranh đấu nhân dịp kỷ niệm Quốc tế lao động 1-5. Điều đó khiến cho toàn bộ phong trào mang tính chất chính trị và có tính chất quốc tế. Nó có ý nghĩa rằng, từ đây Việt-nam đã bước hẳn vào cuộc cách mạng chung của thế giới dưới ngọn cờ của giai cấp vô sản. Còn phải kể một đặc điểm thứ hai của phong trào tháng 4 là sự hiện diện của nông dân Việt-nam qua các cuộc đấu tranh của nông dân Tiền-hải (Thái-bình) và Bình-lục (Hà-nam) (3). Cả hai điểm trên kết hợp,

làm nổi bật một sự thực không thể chối cãi là: ngay trong những ngày đầu tranh chuẩn bị cao trào, giai cấp công nhân đã đi tiên phong trên đường tranh đấu, đã thu hút được trước tiên là nông dân cùng bước lên vũ đài. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cao trào cách mạng kể từ ngày 1-5-1930.

Nếu trước tháng 5 giai cấp công nhân đã mở đường tranh đấu thì trong ngày 1-5, ngày có tính chất quyết định nở bùng cao trào cách mạng, giai cấp công nhân vẫn tỏ rõ vị trí hàng đầu, vai trò lãnh đạo của mình. Sự mệnh tiên phong của giai cấp công nhân không đòi hỏi nó phải dẫn đầu cả về mặt số lượng các cuộc tranh đấu. Ở một nước mà quần chúng nông dân đông đảo tới 90% dân số như nước ta, thì một khi được phát động, họ tất chiếm số lượng tuyệt đối về tranh đấu. Do đó không có gì lạ thấy trong cao trào 30-31, các cuộc đấu tranh của nông dân luôn luôn nhiều hơn số cuộc đấu tranh của công nhân. Tính riêng năm 1930, nếu có 98 cuộc bãi công (ước tính hơn 60.000 người tham gia) thì số cuộc biểu tình của nông dân là 400 (ước tính trên 600.000 người). Chính trong điều kiện này, quần chúng cách mạng hồi đó vẫn thấy rõ và công nhận vai trò dẫn đầu của công nhân, Họ đã mô tả:

*Kìa Bến-thủy đứng đầu dậy trước,
Nợ Thanh-chương nổi gót bước lên;
Nam-dân, Nghi-lộc, Hưng-nguyên,
Anh-sơn, Hà-lĩnh mấy phen dậy rồi...*

Thực vậy, ngay từ sau đêm 27-4-1930 theo quyết định của Tỉnh ủy Nghệ-an, các cán bộ lãnh đạo các nhà máy ở Vinh Bến-thủy tỏa về nông thôn lãnh đạo nông dân chuẩn bị cuộc biểu tình lớn vào Vinh để phối hợp đấu tranh với công nhân ở đây (4). Thế rồi khi cuộc biểu tình đã nổ ra ngày 1-5, công nhân Vinh Bến-thủy đã chia nhau đi hàng đầu, hàng cuối và xung quanh bảo vệ đoàn nông dân xếp hàng 5 dài hơn 1 cây số (5). Hôm đó, bước dưới lá cờ đỏ búa liềm, công nông, hai lực

(1) Xem hồi ký « Phú riêng đỏ » của Trần Tử Bình. Nhà xuất bản Lao động Hà-nội 1965.

(2) Xem báo *L'ami du peuple indochinois* số 18 ngày 1-4-1930.

(3) Theo đồng chí Hồng Thế Công, trong tháng 4 chỉ có một cuộc biểu tình của 200 nông dân Thái-bình.

(4) Theo tài liệu tổng hợp hồi ký ở Nghệ-an.

(5) Theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Phúc, cán bộ Xứ ủy Trung-kỳ.

lượng chủ yếu của cách mạng, đã mặt đối mặt với kẻ thù; và người đứng hàng đầu, đứng mũi chịu sào là công nhân. Cũng trong ngày hôm đó, biết bao cuộc bãi công biểu tình của công nhân và nông dân đã nổ ra sôi nổi khắp Nam Trung Bắc dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Đông dương, bộ tham mưu đầy năng lực của giai cấp công nhân Việt-nam.

Sau ngày 1-5-1930 phong trào ngày càng dâng cao. Nông dân vùng đứng dậy, tỏ rõ năng lực tiềm tàng vô cùng hùng hậu của mình và đã tiến tới thành lập chính quyền Xô viết ở nông thôn Nghệ Tĩnh. Trong lúc đó, giai cấp công nhân luôn luôn có mặt trên vũ đài, nhất là vào những mốc lớn của phong trào. Xem biểu đồ đã trình bày, các cuộc đấu tranh của công nhân vụt trở nên sôi sục vào tháng 8 (nhân ngày 1-8 chống đế quốc chiến tranh) tháng 9, 10, 11, 12 (ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh) và tháng 4, 5 năm 1931 (kỷ niệm Quốc tế lao động) Ngày 12-9-1930 đánh dấu một mốc đáng ghi nhớ trong phong trào 30-31. Cuộc đấu tranh hôm đó của nông dân Hưng-nguyên và Nam-đàn đã bị thực dân Pháp nhận chìm trong máu; nhưng đó là cuộc đấu tranh đông đảo nhất (gồm 2 vạn người) và mở đầu thời kỳ chiến đấu mãnh liệt hơn trước tiến tới lập chính quyền xô-viết. Cuộc đấu tranh này tiến hành dưới sự chỉ huy của huyện ủy và của 300 công nhân Bến-thủy trở về giúp sức (1). Như vậy, qua sự kiện này và nhìn toàn cục, phong trào công nhân như những mối lửa nổ ra đúng lúc, đúng chỗ làm cho phong trào nói chung dâng lên mãnh liệt, đều khắp; rồi khi rút xuống cũng hạ dần dần.

Trong các cuộc đấu tranh tiên phong của giai cấp công nhân đã nổi lên một đặc điểm nêu bật tính ưu việt của giai cấp lãnh đạo. Đó là *tính chất có tổ chức của phong trào công nhân*. Bản thân Đảng Cộng sản Đông-dương là một tổ chức chặt chẽ và sự thành lập Đảng chứng tỏ phong trào công nhân đã được tổ chức lại dưới một sự chỉ đạo chung. Thực vậy, để thống nhất giai cấp công nhân thành một đội ngũ, qua bản cương lĩnh chính trị năm 1930, Đảng đã vạch rõ hướng đi của cách mạng Việt-nam. Đảng nêu cao mục tiêu đấu tranh ấy cho công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân. Mặt khác vấn đề tổ chức cũng rất được coi trọng. Ngay khi vừa thành lập, Đảng đã đề ra đường lối công vận, nông vận, thanh vận, phụ vận v.v... Riêng về mặt công vận, Đảng vạch rõ:

Cách mạng «*tự sản dân quyền*» phải do giai cấp vô sản lãnh đạo mới thắng lợi. Muốn vậy, vô sản phải được tổ chức chặt chẽ. Vì

vậy nên «*công nhân vận động rất là cần kíp. Công hội là các đoàn thể rất quan trọng của vô sản giai cấp. Bởi vậy cho nên việc tổ chức Công hội cho vững bền và công tác trong Công hội để lãnh đạo thợ thuyền tranh đấu là công việc cần kíp và cốt yếu của Đảng...*» (2).

Có thể nói toàn bộ phong trào đấu tranh của công nhân từ 1930 đều dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua Công hội đỏ và các tổ chức của công nhân. Đó là nguồn gốc đem lại tính tổ chức cho phong trào công nhân. Ví dụ cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Phú-riêng do chi bộ Đảng ở đây lãnh đạo thông qua Nghiệp đoàn cao-su Phú-riêng (3); cuộc bãi công Nam-định do Xứ ủy Bắc-kỳ chỉ huy thông qua Công hội, ủy ban bãi công v.v... Cuộc đấu tranh ở Vinh Bến-thủy do Xứ ủy Trung-kỳ chỉ đạo qua tổ chức công hội v.v... Tính tổ chức của phong trào còn biểu hiện ở việc xuất bản hàng loạt các tờ báo bí mật từ trung ương đến các cấp địa phương để tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn công nông tranh đấu. Cho tới trước cách mạng tháng 8-1945 chưa bao giờ báo chí bí mật ra nhiều bằng hồi 1930—31: Báo «*Tin tranh đấu*» (của Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương) «*Người lao khổ*», «*Tạp chí đỏ*», «*Cờ vô sản*» (Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương) «*Lao động*» (của Tổng Công hội Nam-kỳ) «*Xi-moong*» (của công nhân nhà máy xi-măng Hải-phòng) «*Bồi bếp*» (của anh em bồi bếp Hải-phòng) «*Lao khổ*» (của công nhân Bến-thủy) «*Thùng dầu*» (công nhân các hãng dầu Nhà bè) v.v... Ngoài tác dụng tuyên truyền, các báo này thực sự là người tổ chức và động viên công nhân tranh đấu. Một trong những mục quan trọng trên các báo là những bài rút kinh nghiệm tranh đấu, kịp thời phê bình sửa chữa các khuyết điểm trong đấu tranh. Báo «*Cờ vô sản*» số 1 do Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương xuất bản năm 1930 đã nói rõ:

«*Cờ vô sản là cơ quan tranh đấu của vô sản giai cấp và quần chúng lao khổ, lấy sự rút kinh nghiệm tranh đấu cách mạng ở Đông-dương và toàn thế giới mà chỉ đạo cho quần chúng tranh đấu được thắng lợi*» (4).

(1) Theo Hồng Thế Công, tài liệu đã dẫn

(2) «*Công nhân vận động*» 10-1930; dẫn trong «*Giai cấp công nhân Việt-nam*» của Trần Văn Giàu tập I, trang 78.

(3) Xem *Phú riêng đỏ*. Trần Tử Bình.

(4) Tài liệu của Viện Sử học.

Trên mặt báo đã từng đăng bài khá dài nói về kinh nghiệm bãi công ở hai hãng dầu Nhà Bè và Ấng-lê ở Sài-gòn ngày 9-1-1931, phê bình các sai lầm trong phong trào ở Nghệ-Tĩnh v.v... Trên tờ *Tạp chí đỏ* có những bài phổ biến kinh nghiệm đấu tranh của công nhân Trung-quốc, nhiều tin tức về phong trào đấu tranh của công nhân các nước ngoài. Việc đăng tin và nhận xét phương pháp đấu tranh là nội dung chủ yếu của báo chí bí mật hồi đó. Cho nên, so với thời kỳ trước đó, tính chất có tổ chức trên phạm vi toàn quốc của phong trào công nhân 30—31 trở thành một nét nổi bật. Do được các cấp bộ Đảng chỉ đạo thông qua các tổ chức công hội, các ủy ban bãi công, các đội tự vệ công nhân..., hầu hết các cuộc bãi công đều diễn ra một cách quy củ, có mục đích rõ ràng, có kế hoạch tiến công kẻ cả kẻ hoạch rút lui. Công hội đỏ đã biết vận động quần góp tiền lương thực để bãi công dài ngày, giúp đỡ nhau lúc thiếu thốn, ủng hộ các công nhân bãi công ở những nhà máy khác v.v... Một ví dụ: cuộc đình công của hãng dầu Franco-Asiatique « duy trì được khá lâu nên Đảng Cộng sản có gói tiền đến giúp giùm những người túng thiếu, Tổng Công hội cũng có quyền một món tiền khá lớn để giùm thợ Nhà Bè duy trì cuộc reo » (1). Hiện tượng này không phải là cá biệt, mà phổ biến; bởi vì đây là chủ trương chung. Cho nên ở các nơi khác như Nam-định, Hà-nội... cũng tỏ rõ tinh hữu ái giai cấp cao như thế. Cuộc đấu tranh có tổ chức tốt nhất là cuộc bãi công của công nhân đồn điền Phú-riêng (2). Tính chất có tổ chức là một nhân tố quan trọng trong tranh đấu. Nó đảm bảo cho cuộc đấu tranh thực sự là trường học rèn luyện quần chúng; nó đảm bảo lòng tin tưởng và quyết tâm của quần chúng; nó góp phần đưa đấu tranh đến thắng lợi. Không phải tất cả, nhưng một số cuộc bãi công đã đi tới thắng lợi, bọn chủ đã phải nhượng bộ yêu sách của công nhân. Ví dụ tính đến trước tháng 9-1930 đã có 10 cuộc thắng lợi: cuộc bãi công của công nhân Phú-riêng, công nhân nhà máy điện và công ty dầu lửa Nam-định, Cam-tiệm (Trung-kỳ) Cầm-phả, nhà máy điện Hà-nội, ga Tháp Chàm, Biên-hòa, Bến-thủy, nhà máy tơ Nam-định v.v... (3). Song thắng lợi lớn nhất của giai cấp công nhân không chỉ là những thắng lợi bộ phận kể trên, mà là thắng lợi về mặt bước trưởng thành nhanh, mạnh về trình độ giác ngộ. Đấu tranh có tổ chức chặt chẽ biểu hiện trình độ giác ngộ cao, biểu hiện cả tính tiên phong, tính chất mẫu mực của

giai cấp công nhân trên trận tuyến phản đế phản phong. Đó mới là điều đáng chú ý hơn. Ngoài ra, nếu so với tính chất có tổ chức của phong trào công nhân trước 1930 thì cũng cần phải nêu rõ rằng: mặc dù đôi chỗ còn có hiện tượng đấu tranh tự phát: phá phách xưởng, đánh cai v.v... Nhưng nhìn chung, tính chất có tổ chức trong đấu tranh những năm 1930—31 cao hẳn hơn trước. Từ đây, phong trào công nhân nở ra với nội dung gắn liền khẩu hiệu kinh tế với khẩu hiệu chính trị. Nói cách khác, mỗi cuộc đấu tranh đều đồng thời là đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị rõ rệt. (Điểm này sau đây sẽ nói cụ thể hơn). Bất cứ một cuộc đấu tranh nào đó của công nhân được tổ chức nên trong những năm 1930—31 đều nhằm vào việc thực hiện đường lối chính trị của đội tiên phong của mình. Cho nên, tính tổ chức của phong trào công nhân 1930—31 được nâng lên đến trình độ cao.

Tính chất giác ngộ của phong trào công nhân cũng là một nét đặc sắc cần nêu lên. Trong hoàn cảnh nước ta, đình công, bãi công là điều phạm pháp và có thể chịu án tù, vậy chỉ đấu tranh với khẩu hiệu kinh tế thôi cũng là có tính chất phản đối chính thể, phủ nhận sự tồn tại của chế độ thuộc địa Pháp; và như thế là làm cách mạng, do vậy bị đế quốc và tay sai thẳng tay đàn áp đến đổ máu. Đó là con đường giai cấp công nhân Việt-nam đã trải qua. Huống chi, trong đấu tranh, ngoài khẩu hiệu kinh tế còn gắn thêm các khẩu hiệu chính trị; và các cuộc đấu tranh này đều nổ ra vào những dịp kỷ niệm có tính chất sinh hoạt chính trị. Vậy toàn bộ phong trào này chứng tỏ sự nâng cao rõ rệt về trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân Việt-nam. Trong các cuộc bãi công, các khẩu hiệu: làm 8 giờ, tăng lương, bỏ cúp phạt đánh đập, v.v... đã được kết hợp với các khẩu hiệu: chống khủng bố trắng, thả tù chính trị, ủng hộ Nghệ—Tĩnh đỏ, hồi hương lính Việt ở Pháp, Trung-quốc và thuộc địa Pháp, quân Pháp rút khỏi Đông-dương, ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga, phản đối đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến, ruộng đất về tay dân cày, nhà máy về tay thợ thuyền v.v... Giữa rừng cờ đỏ phấp phới trên toàn quốc, đã bùng lên bài hát của giai cấp công nhân và những người lao động toàn thế giới: bài Quốc tế ca theo làn điệu Việt-nam:

(1) Báo *Cờ đỏ* số 6 ngày 4-8-1930.

(2) Xem *Phú riêng đỏ*. Trần Tử Bình.

(3) Hồng Thế Công, tài liệu đã dẫn.

*Hỡi ai nỏ lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!*

Những cuộc đấu tranh trên càng trở nên sôi nổi trong những ngày kỷ niệm như: Kỷ niệm 3 vj L (Các Líp-nếch, Rô-da Lú-xăm-bua, V. Lê-nin) ngày 21-1, Quốc tế lao động 1-5, phản đối đế quốc chiến tranh 1-8, Cách mạng tháng Mười Nga 7-11, Quảng-châu công xâ 12-12 v.v... Bọn mật thám Pháp đã phải nhận xét: Các cuộc đấu tranh biểu tình « ở khắp nơi đều mở đầu với những ngày kỷ niệm lớn theo lịch cộng sản » (1). Kẻ địch muốn nhấn mạnh vào tính chất chính trị, tính chất « nghiêm trọng » của phong trào. Sự thực cũng đúng như vậy và nhận xét trên không sai; nó phản ánh sự lo sợ của địch, do đó cũng phản ánh tính chất tiến công chống Pháp, chống Nam triều phong kiến là mục tiêu chính, chung cho toàn bộ phong trào lúc ấy. Giữa các cuộc đấu tranh, không những có sự nhất trí về mục đích chính trị mà còn biểu lộ ý thức giai cấp cao. Tin công nhân Nam-định bãi công là nguồn khích lệ công nhân Vinh—Bến-thủy đứng lên tranh đấu. Anh em công nhân Vinh Bến-thủy đã nêu cao khẩu hiệu: « Ủng hộ anh em máy dệt Nam-định bãi công! ». Ở Nam-định, công nhân bãi công trong 2 ngày, nhiều chiến sỹ bị bắt; lập tức một cuộc bãi công khác lại nổ ra với 4.000 người để hưởng ứng. Hoặc cuộc bãi công ở nhà máy điện Hải-phòng vừa nổ ra thì công nhân nhà máy điện Hà-nội liền bãi công hưởng ứng và còn cử đại biểu sang Đáp-cầu để nghị công nhân thị xã cùng hỗ trợ (2) v.v... Trong Nam, từ ngày 9-1-1931, 200 công nhân hãng dầu Nhà Bè bãi công liền 14 ngày, rồi bị đàn áp. Lập tức 800 công nhân hãng dầu Pháp—Á bãi công hưởng ứng. Rút cục bọn chủ phải nhượng bộ (3). Đây là một sự kiện điển hình chung cho phong trào hồi ấy về ý thức giai cấp của công nhân. Báo *Cờ đỏ* (số 6 ngày thứ hai 4-8-1930) đã mô tả:

« Trong lúc thợ ở hãng Franco-Asiatique đình công thì thợ ở hãng Standard-Oil cũng vận động đình công rất dữ để trợ lực cho thợ ở hãng Franco-Asiatique. Chủ hãng dầu Standard-Oil sợ quá nên phải thôi trước, bớt giờ làm cho thợ hãng ấy. Trước làm 9 giờ nay giảm đi nửa giờ chỉ còn 8 giờ rưỡi mà thôi. Đó là một điều thắng lợi của cuộc tranh đấu ở Nhà Bè. Vô sản giai cấp tranh đấu dựng mưu lợi quyền chung cho cả giai cấp chứ không phải lo cho thợ trong một hãng mà thôi. Phong trào lao động đã nổi lên thì bọn đế quốc phải nhượng bộ » (4).

Sự giác ngộ của giai cấp công nhân đạt tới một đỉnh khá cao qua cách nhậ nhận cuộc khởi nghĩa Yên-bái. Sau khi khởi nghĩa Yên-bái thất bại, đế quốc Pháp mượn cơ khủng bố cách mạng rất dữ dội; nhiều chiến sỹ yêu nước bị cầm tù và đưa xử trước tòa án thực dân. Chính trong những ngày đó, giai cấp công nhân đã đứng lên bênh vực các chiến sỹ Yên-bái, đòi thả tù chính trị, chống khủng bố. Ở nhiều nơi công nhân biểu tình đòi thả các chiến sỹ Yên-bái. Ngày 1-5-1931 công nhân Vinh Bến-thủy cũng nêu khẩu hiệu đòi bồi thường cho gia đình những người tham dự khởi nghĩa Yên-bái. Những khẩu hiệu đấu tranh này tuy không nhiều nhưng tỏ rõ trình độ giác ngộ cách mạng sâu của công nhân, được thể hiện trên đường lối của Đảng. « Khi ấy Đảng ta tuy không tán thành chủ trương khởi nghĩa non của Việt-nam Quốc dân đảng nhưng vẫn phát động quần chúng nhân dân chống khủng bố trắng, đòi trả lại tự do cho các chiến sỹ đã tham gia khởi nghĩa Yên-bái, đồng thời đề ra những khẩu hiệu kinh tế, đòi cải thiện đời sống cho nhân dân » (5). Báo *Cờ vô sản*, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Đông-dương số 3 (1-2-1931) đã đăng bài kỷ niệm lần thứ nhất cuộc khởi nghĩa Yên-bái. Bài báo dành phần lớn để nêu lên những bài học của khởi nghĩa Yên-bái cho cách mạng Đông-dương. Bài báo nói rõ: Kỷ niệm ngày 9-2-1930 là kỷ niệm ngày « đế quốc Pháp tàn sát những người bị áp bức ở xứ này ». « Nhưng không phải vì sung bài cái chủ nghĩa quốc gia, hoặc muốn dự một cuộc Yên-bái nữa mà kỷ niệm đâu! ». « Đứng về phương diện vô sản mà nói thì cuộc bạo động ấy là một cuộc tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa rất can đảm, rất chân thành; song cái cách hiểu nhiệm vụ cách mạng và cái kế hoạch thực hành cách mạng thì rất sai lầm ». Cần nhớ lại rằng khi nghe tin Quốc dân đảng chuẩn bị khởi nghĩa, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, vị lãnh tụ thiên tài và người thầy cách mạng của dân tộc ta lúc ấy ở Xiêm, đã vội tìm cách về nước định bàn với Quốc dân đảng về vấn đề khởi nghĩa. Nhưng chưa về đến nơi thì khởi nghĩa Yên-bái đã nổ ra rồi (6). Những

(1) Louis Marty, tài liệu đã dẫn.

(2) Theo Hồng Thế Công, sách đã dẫn.

(3) Theo báo *Cờ vô sản* số 3 (1-2-1931).

(4) Người trích dẫn nhấn mạnh.

(5) 35 năm đấu tranh của Đảng. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, tập I trang 29.

(6) Xem « Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch » của Trần Dân Tiên.

sự thực lịch sử kể trên nói rõ một điều. Đảng cộng sản Đông-dương và giai cấp công nhân Việt-nam giác ngộ rõ rệt vị trí của mình đối với toàn dân tộc, và vì vậy luôn đại diện cho dân tộc, nói lên tiếng nói dân tộc, vì quyền lợi của dân tộc. Đó là một đặc điểm và là một ưu điểm rất quý báu của cách mạng Việt-nam dưới sự dui dắt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Điểm chót cần nói về bản chất cách mạng của giai cấp công nhân Việt-nam những năm 1930-31 là *chủ nghĩa anh hùng*. Trước năm 1930, quá trình thai nghén và nảy sinh của giai cấp công nhân thấm đầy máu và nước mắt. Nhưng cũng chính vì vậy giai cấp công nhân có một quyết tâm sắt đá không gì lay chuyển nổi trong tranh đấu cho lý tưởng của mình và của dân tộc. Đúng như chủ nghĩa Mác đã nói, công nhân đấu tranh chỉ mất xiềng xích và được thi được cả thế giới. Quyết tâm đó nảy nở và phát triển trên cơ sở truyền thống anh hùng của dân tộc. Quá trình tranh đấu những năm trước 1930, đặc biệt từ 1925, đã chứng minh điều đó. Nay lại thêm có Đảng lãnh đạo, giai cấp công nhân phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng lên một bước cao hơn. Xem biểu đồ đấu tranh, đường biểu diễn đột nhiên vút lên như một làn sóng mãnh liệt. Riêng năm 1930 số cuộc bãi công tăng lên gấp 2,5 lần số lượng cả 3 năm trước đó cộng lại. Dững khi cách mạng của giai cấp công nhân ngùn ngụt như lửa cháy bùng lên không riêng ở Bắc-kỳ mà lan rộng toàn quốc. Dững khi ấy làm cho các cuộc đấu tranh đơm khi thế tiến công và có tính chất quyết liệt. Hầu hết các cuộc bãi công, biểu tình đều không vũ trang, nhưng ngược lại, không cuộc nào không bị đế quốc khủng bố, đàn áp, thậm chí dìm trong bể máu. Số người bị bắt tăng lên nhanh chóng. Nhưng giai cấp công nhân không hề sờn lòng. Ngay trong cuộc biểu tình ở Bến-thủy ngày 1-5-1930, trước sự dọa nạt của tên giám binh Petit, một đồng chí hội viên Công hội đỏ đã xông lên, tay không giật súng của nó, đập gãy làm đôi, đánh gục uy thế của địch. Cuộc biểu tình liền bị đàn áp bằng súng đạn. Máu đã chảy trên đường phố, nhưng chỉ thôi thúc thêm ngọn lửa căm thù. Một tuần sau, ngày 10-5-30 toàn bộ 650 công nhân nhà máy Diêm Bến-thủy bãi công lần thứ hai. Hai ngày sau, 760 anh chị em công nhân 2 nhà máy khác tại Vinh Bến-thủy đều lần công, đình công. Cuộc đấu tranh lần này trở thành cuộc tổng bãi công suốt 20 ngày liền. Bọn chủ phải nhượng bộ. Nhưng đến giữa tháng 7, vì thấy

bọn chủ vẫn lần khăn không chịu giữ lời hứa mà còn ra lệnh cấm biểu tình, hội họp v.v... công nhân nhà máy diêm và một số nhà máy khác lại bãi công. Lần này kèm thêm cả biểu tình vây nhà tên bang tá Vinh. Bị lính đến đánh đập, đàn áp, công nhân liền đốt nhà một tên cai chuyên chống đối đàn áp cách mạng. Cuộc bãi công trở thành trận chiến đấu chống đế quốc kéo dài trong 40 ngày liền. Sau cuộc này, công nhân Vinh Bến-thủy còn tiếp tục nổi dậy. Như vậy trong vòng 2 tháng, riêng một Vinh Bến-thủy đã có tới 4 lần bãi công lớn (1). Tính chất quyết liệt liên tục với cường độ tăng lên không chỉ nổi bật ở phong trào Vinh Bến-thủy. Công nhân Phú-riêng, Dầu-tiếng nổi dậy mấy lần liền; công nhân Nam-định bãi công liên tục 3 tuần lễ v.v... Như thế, phong trào công nhân 1930-1931 là một trận quyết chiến trong đó giai cấp công nhân tỏ rõ dũng khí xông lên, không sợ đau rơi máu chảy, một mực tiến liên tục, bền bỉ. Nói gọn lại, đó là tinh thần tiến công liên tục phát triển thành bạo lực cách mạng. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của giai cấp công nhân 30-31 được đánh dấu bằng đặc điểm ấy. Hình thức đấu tranh chính trị trực diện với kẻ địch vũ trang đến tận răng là sản phẩm đầy sáng tạo của chủ nghĩa anh hùng của giai cấp công nhân Việt-nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, ngay giữa lòng dinh lũy đế quốc, hàng vạn người anh hùng xếp thành đội ngũ, tay không vũ khí xông lên, mặt sấp mặt với quân thù, dùng sức mạnh của chính nghĩa, niềm tin và lòng căm hờn để áp đảo trở lại những họng súng trước mắt. Chính đám người ấy, chính giai cấp công nhân kiên cường ấy là cái nôi nuôi dưỡng nên những người cộng sản ưu tú. Phong trào mang tên là « vô sản hóa » đã có tác dụng tích cực. Qua cao trào tranh đấu, những người cộng sản đã tỏ ra xứng đáng với giai cấp, với dân tộc. Đồng chí Lê Viết Thuật là người công nhân Bến-thủy chỉ hiểu với mẹ già, một lòng một dạ với Đảng, với giai cấp. Để hoạt động bí mật ngay tại quê làng, anh đã đốt mặt thành sẹo cho biến dạng đến người trong nhà cũng không nhận ra được. Anh hăng hái hoạt động và được bầu làm bí thư Xứ ủy Trung-kỳ giữa lúc phong trào đang dâng lên mãnh liệt. Mùa thu năm 1931 anh bị bắt, bị tra tấn cực kỳ dã man, nhưng không một nửa lời lộ bí mật của Đảng. Trước khi chết, anh dùng máu nơi

(1) Theo Hồng Thệ Công (Tài liệu đã dẫn) và theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Phúc trong Xứ ủy Trung-kỳ.

ngón tay bị đánh cụt một nửa viết lên tường nhà giam: « Đảng cộng sản Đông-dương muôn năm! « Liên bang Xô-viết muôn năm! ». « Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, ủy viên thường vụ Xứ ủy Trung-kỳ vốn xuất thân học sinh đã qua cuộc đời người thợ ở Hải-phòng. Đồng chí bị bắt tháng 4-1931. Sau khi chịu bao cực hình, đồng chí đã gờ tay cầm cả năm đinh ghim nuốt vào bụng trước con mắt xanh lét vì kinh ngạc của bọn cướp nước. Đồng chí ung dung lên máy chém không cần bịt mắt, không hề một chút sợ hãi. Đồng chí Nguyễn Thị Nghĩa, xuất thân học sinh, đã rời bỏ gia đình êm ấm dư dật, đi làm công nhân xưởng máy ở Hải-phòng rồi Nam-định sau tới Bến-thủy. Đồng chí bị bắt đầu năm 1931 khi làm nhiệm vụ giao thông cho Xứ ủy Trung-kỳ. Trước mọi thủ đoạn cực kỳ man rợ của đế quốc, chị vẫn giữ vững khí tiết. Chị cần lười già cầm đề bảo vệ cách mạng, bảo vệ Đảng. Chị giữ vững tinh thần cho đến hơi thở cuối cùng, hy sinh vì đôn tra tấn khi tuổi đời mới ngoài đôi mươi... Những tấm gương như trên không hiếm trong số các đảng viên cộng sản. Ở họ, hành động anh hùng xuất phát từ một niềm tin không lay chuyển vào

thắng lợi tất yếu cuối cùng. Ánh sáng của chủ nghĩa cộng sản là ánh sáng chân lý của thời đại. Có chân lý ấy là có niềm tin sắt đá. Cho nên dù phải hy sinh tính mệnh giai cấp công nhân không hề bị quan. Đây là điểm khác nhiều với các anh hùng thời trước. Cũng vì vậy, đối với người cộng sản, đổ máu hy sinh là cống hiến. Chủ nghĩa anh hùng của giai cấp công nhân đã biểu lộ rõ rệt trong thời kỳ 1930—31 như một viên ngọc quý giá tô điểm thêm cho truyền thống anh hùng của dân tộc ta. Dũng khí của giai cấp công nhân ta và nhân dân ta đã vượt ra khỏi phạm vi nước ta, gây ra chấn động trước hết ở Pháp. Trên báo *Nhân đạo*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, đồng chí Maurice Thorez đã viết:

« Từ một năm nay, bất chấp sự khủng bố khủng khiếp, phong trào cách mạng Đông-dương vẫn đang tiếp diễn, nếu cho thể giới công nhân một tấm gương hiếm có về lòng quả cảm và chủ nghĩa anh hùng. Hơn 40 án tử hình, hàng ngàn đàn ông đàn bà bị cầm tù hay đi đày, hàng trăm người bị giết chết, nhưng không một cái gì có thể « áp chế » được nhân dân An-nam » (1).

3

BẰNG cuộc đấu tranh trực tiếp, quyết liệt của mình, giai cấp công nhân Việt-nam đã động viên và tổ chức nên cao trào cách mạng 1930—31. Đồng thời qua đó, giai cấp công nhân nước ta cũng xác lập được quyền lãnh đạo và vai trò quyết định của mình đối với sự nghiệp của cả dân tộc. Nhưng cũng chính vì có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà cao trào 30—31 nói chung đã có một số ưu điểm lớn, một số bài học quý giá giúp cho giai cấp công nhân càng củng cố và phát huy được vai trò của mình đối với cách mạng Việt-nam trong những năm sau; nhất là đã tiến tới thắng lợi rực rỡ của khối nghĩa tháng 8-1945.

Những năm 1930—31 lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc có một phong trào phản đế phản phong thực mãnh liệt. Đỉnh cao của nó là Xô-viết Nghệ—Tĩnh. Tính chất phản đế phản phong đã quá rõ rệt, song ở đây cần nhấn mạnh ở chỗ lần đầu tiên hai mục tiêu này được gắn chặt với nhau. Giai cấp công nhân rất có ý thức về mối liên hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ đó. Bởi vậy nó cũng đánh giá đúng vai trò của nông dân trong cuộc cách mạng « tư sản dân quyền ». Trên thực tế giai

cấp công nhân đã chủ động lôi cuốn được nông dân đi với mình, thực hiện được một cách tài tình khối công nông liên minh như đã nêu ra trong chính cương. Sự hiện diện đông đảo và đầy khí thế của nông dân trên vũ đài phản ánh sức thu hút mạnh mẽ của giai cấp công nhân, phản ánh thắng lợi rất vĩ đại của công nhân và Đảng Cộng sản Đông-dương. Chính người Pháp cũng phải nhận xét: « Lần đầu tiên một Đảng đã biết đưa quần chúng nhân dân thôn quê vào phong trào, những người mà cho tới trước đó còn đứng ngoài mọi hoạt động chính trị » (2). Dù sai lầm song rõ ràng ý kiến này biểu lộ sự kinh ngạc xen thêm lòng khâm phục về một chuyển biến bất ngờ của nông dân trong đấu tranh chính trị. Ngay trong ngày 1-5-1930 mối liên minh công nông đã tỏ ra rất chặt chẽ. Được sự lãnh đạo của Đảng, của công nhân Vinh Bến-thủy, nông

(1) Báo *L'Humanité* ra ngày 13-5-1931 in trong *Oeuvres de Maurice Thorez*. Nhà xuất bản xã hội, Paris. Livre deuxième, tome premier, 1950, tr. 212. Do người trích dẫn gạch dưới.

(2) P. Devillers — *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952* tr. 61.

dân Hưng-nguyên kéo vào thị uy giữa đường phố. Công nông sát vai nhau cùng tiến bước, hô vang các khẩu hiệu kinh tế và chính trị. Trong sự cần áp của đế quốc, máu công nhân hòa lẫn máu nông dân cùng tổ thắm ngọn cờ cách mạng. Khi bãi công, công nhân thường nêu cao các khẩu hiệu đòi ruộng đất, chống đàn áp biểu tình, ủng hộ Xô-viết Nghệ - Tĩnh. Báo *Lao động* cơ quan của Tổng Công hội Nam-kỳ kêu gọi công nhân bót tiền ủng hộ nông dân bị Pháp bắn giết trong các cuộc biểu tình (1) v.v... Ngược lại, trong các cuộc biểu tình của nông dân cũng vang lên những tiếng thét: Thả công nhân Bến-thủy bị bắt! Không được đàn áp các cuộc bãi công! v.v... Hãy chứng kiến một hình ảnh đẹp nữa tiếp theo ngày 1-5-1930 ở Nghệ-an: « Ngày 13-12-1930 một toán nông dân tụ họp ở dặm chùa An-hậu rồi tuần hành lên Đức-hậu thì gặp một toán công nhân Trường-thị; hai toán nhập bọn tất cả 300 đều vỗ tay hô khẩu hiệu. Tổng chỉ huy ra lệnh thì quần chúng đứng vây tròn lại. Một đại biểu nông dân diễn thuyết phản đối chính sách khủng bố của đế quốc Pháp, rồi đến một đại biểu công nhân diễn thuyết hô hào nông dân liên hiệp với công nhân để tranh đấu chống đế quốc Pháp. Quần chúng đều hoan nghênh và vỗ tay tán thành » (2). Công nông liên minh như vậy không chỉ là trên mặt đường lối, mục đích mà còn biểu hiện trên thực tế, cụ thể, sinh động. Ngay hồi ấy giai cấp công nhân đã đánh giá: « Anh em nông dân vì bệnh vực anh em công nhân mà biểu tình. Thiệt lần này là lần đầu tiên mà công nông binh gặp nhau giữa mặt trận và tổ tình bệnh vực lẫn nhau. Cái tình đoàn kết đó đã phát sinh ở dưới bóng cờ đỏ và trong khi anh em nông dân bị đổ máu thì sẽ ngày một bền chặt và làm cơ sở cho cuộc cách mạng cộng sản sau này » (3).

Tin tưởng ở giai cấp công nhân, nông dân vùng lên dữ dội nhất là ở Nghệ-Tĩnh. Tại đây các cuộc biểu tình xảy ra rất nhiều; có những cuộc đông tới hàng vạn, thậm chí 2 vạn người kéo vào các huyện lỵ. Lửa căm thù bốc cao, quần chúng xung đột với lính, đốt phá huyện đường và nhà cửa bọn quan lại, địa chủ tay sai đế quốc. Khiếp đảm sức mạnh nhân dân, bọn huyện quan bỏ trốn trả đầu. Thế là chính quyền địch tan rã và chính quyền xô-viết hình thành. Phong trào nông dân lên cao chưa từng thấy, lại mang những đặc điểm một phong trào dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, khác hẳn các phong trào nông dân trước đó. Phong trào lần này đều:

— Dưới sự chỉ huy của chi bộ Đảng Cộng sản Đông-dương và Ban chấp hành Nông hội. Cần chú ý rằng báo chí của Đảng thấy đều rất chú tâm đến phong trào nông dân và thường xuyên phê bình, rút kinh nghiệm, hướng dẫn nông dân đấu tranh.

— Giương cao cờ đỏ, hô khẩu hiệu đòi ruộng đất cùng với các khẩu hiệu chính trị khác: nhà máy về tay thợ thuyền, ủng hộ công nhân bãi công, ủng hộ Liên bang xô-viết, đánh đổ đế quốc và Nam triều! v.v...

— Nổi ra nhiều vào những dịp kỷ niệm của phong trào công nhân quốc tế.

— Diễn ra một cách có tổ chức, có kế hoạch có hàng ngũ với quy mô lớn có mục đích rõ rệt trong sự bảo vệ của các đội xích vệ. Khi bị khủng bố dã man, như ở Hưng-nguyên ngày 12-9-1930, phong trào vẫn dâng cao, tiến tới lập chính quyền xô-viết.

— Sáng tạo nên một chính quyền đỏ trên cơ sở các Ban chấp hành Nông hội xã, làm nhiệm vụ của chuyên chính công nông.

Như vậy phong trào nông dân 30—31 khác xa với thời kỳ trước đó. Nó trở thành chủ lực quân thứ hai của cách mạng Việt-nam. Có ưu điểm đó chính vì đã liên minh được với công nhân, được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Bây giờ nói tới ưu điểm lớn thứ hai, đồng thời là bài học của cao trào 1930—31 với tư cách dấu ấn của giai cấp công nhân đối với phong trào hồi ấy. Đó là vấn đề đoàn kết toàn dân. Ở nước ta thực chất của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân, và thực chất của vấn đề nông dân là vấn đề ruộng đất. Vậy thực chất của cao trào 1930—31 là một phong trào dân tộc, dân chủ. Song hơn thế nữa, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cách mạng đã thu hút được cả các tầng lớp khác tham gia. Người ta thấy có nhiều cuộc bãi khóa, bãi thị nổi ra ở những nơi phong trào công nông dâng cao như Nghệ-an, Quảng-nam, Mỹ-tho, Hà-nội v.v... Ngay từ tháng 4-1930 một cuộc bãi thị lớn đã nổi ra nhân dịp chuẩn bị kỷ niệm ngày 1-5-30 tại Hà-nội. Chợ Đồng-xuân là chợ lớn nhất và ở trung tâm thủ đô Hà-nội. Ngày 26-4-1930, dưới sự lãnh đạo của một nữ đảng viên Đảng Cộng sản Đông-dương, cuộc bãi thị ở chợ Đồng-xuân nổi ra có sự

(1) Trần Văn Giàu — *Giai cấp công nhân Việt nam*, tập I, tr. 114.

(2) Báo *Tin tranh đấu* ngày 5-1-1931.

(3) Báo *Người lao khổ* số đặc biệt 6-9-1930.

phối hợp xung phong tuyên truyền của học sinh đoàn. Các đại biểu hàng rau, hàng cơm, hàng vải, hoa quả v.v... yêu cầu giảm thuế, chống đồn chỗ ngồi, chống thái độ đàn áp của bọn cai và chủ chợ. Cuộc đấu tranh làm xôn xao dư luận về tên đốc lý Hà-nội đã phải nhượng bộ (1). Ở huyện Thanh-chương bãi thị đã nổ ra trong phạm vi toàn huyện ngày 11-12-1930 với mục đích chính trị rõ rệt là đề kỷ niệm Quảng-châu công xã (2). Hoặc ở Mỹ-tho bãi thị đã nổ ra tại chợ Búng ngày 21-1-1931 đề kỷ niệm 3 vị L. Bọn lính tới kéo từng người ra bắt họp chợ cũng vô hiệu (3).

Bên cạnh các cuộc bãi thị còn có những cuộc bãi khóa. Giới học sinh, thầy giáo đã chuyển biến theo phong trào, đặc biệt ở Nghệ-an. Ngay trong ngày 1-5-1930, học sinh biến tình ở Chợ Rộ, học sinh và giáo viên trường quốc học Vinh tham dự cuộc bãi công biểu tình lịch sử của công nông Vinh Bến-thủy. Phong trào đấu tranh dâng cao trong trường quốc học Vinh phối hợp với công nông, phản đối tên đốc học H.Đ. Khải. Tình thần đấu tranh, bãi khóa ở đây sôi nổi đến nỗi bọn Nam triều đã phải ra lệnh đóng cửa nhà trường vào tháng 9-1930. Thực dân Pháp cũng đã bắt bớ giam cầm nhiều học sinh, thầy giáo các trường trong toàn quốc.

Như vậy, tuy chưa hình thành một Mặt trận thống nhất dân tộc nhưng quanh khối công nông liên minh đã có một số tầng lớp khác bước theo ngọn cờ dân tộc dân chủ của giai cấp công nhân. Thực ra trên mặt nhận thức, vấn đề mặt trận đã xác lập trong tư tưởng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, qua những văn kiện Người viết khi lập Đảng. Tư tưởng mặt trận này cũng thấy rõ ở Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông-dương. Ngày 18-11-1930 Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch rõ trong bản chỉ thị thành lập Hội Phản đế đồng minh rằng: giai cấp vô sản « không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công ». Trung ương cho rằng còn thiếu một tổ chức hấp thụ các trí thức dân tộc, các địa chủ chống đế quốc, các phái cách mạng quốc gia. Trong thực tiễn phong trào, quả đúng như vậy. Tình hình này rõ ràng không phải xuất phát từ sự thiếu nhận thức, mà từ điều kiện cụ thể. Lúc đó là lúc Đảng vừa ra đời, phong trào 30—31 là trận chiến đấu đầu tiên nên giai cấp công nhân phải dồn sức trước hết vào việc xây dựng khối liên minh công nông cho vững. Khối liên minh này bất cứ ở đâu, vào lúc nào, đều là cái lõi, cái cơ sở cho mặt trận

thống nhất dân tộc. Cho nên tuy chưa thực hiện được một mặt trận rộng rãi, song giai cấp công nhân đã xây dựng được cái đường cột cho mặt trận dân tộc ấy. Thực hiện được khối liên minh này thực chất là đã xác lập được quyền lãnh đạo duy nhất của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt-nam ngay sau khi Đảng Cộng sản Đông-dương vừa mới ra đời. Đó là một thành công to lớn của giai cấp công nhân ngay từ những năm đầu của cuộc cách mạng phản đế phản phong.

Hai bài học lớn nói trên không tách rời nhau và suy cho cùng đều nằm trong một vấn đề rất cơ bản, *vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc*. Như đã trình bày ở trên, Đảng ta và giai cấp công nhân ta coi việc giải quyết vấn đề này là một quá trình liên tục từ thấp đến cao. Trước khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa phải qua cách mạng « tư sản dân quyền » và không qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa. Muốn tiến mạnh và liên tục trên quá trình đó một cách thắng lợi thì nhất thiết phải có sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Như thế, do sự phát triển khách quan của đất nước ta, trong điều kiện nhân loại đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội kể từ sau 1917, lòng yêu nước chân chính gắn chặt với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa yêu nước hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Con đường tất yếu này của dân tộc ta đã biểu hiện rõ động và diễn hình ở cuộc đời của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trên con đường này, nếu ngay từ đầu, nhiệm vụ trung tâm của giai cấp công nhân là « nắm lấy ngọn cờ dân tộc » thì đó chính là một bước để « tự mình trở thành dân tộc ». Nhìn vào thời kỳ 30—31, giai cấp công nhân ta quả đã nắm vững ngọn cờ dân tộc. Vấn đề dân tộc suy cho cùng (hay về thực chất) mới là vấn đề nông dân. Nên vấn đề dân tộc lúc này là vấn đề xây dựng khối công nông liên minh đồng thời cũng là vấn đề lập mặt trận dân tộc thống nhất phản đế. Xây dựng mặt trận không có nghĩa là xóa bỏ (hoặc hoàn toàn không giải quyết một mức nào) mối mâu thuẫn giữa các giai cấp công nhân, nông dân với tư sản dân tộc và địa chủ. Ở nước ta, nếu nhìn chung, bọn tư bản nước ngoài, tức thực dân Pháp, vừa là kẻ thù giai cấp vừa là kẻ áp bức dân tộc Việt-nam trong đó có công nông, thì nhìn riêng trong nội bộ

(1) Theo tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà-nội.

(2) Báo « Tin tranh đấu Trung-kỳ » ngày 5-1-1931.

(3) Báo *Cờ vô sản* ngày 1-2-1931.

nhân dân, vẫn tồn tại một mâu thuẫn đối kháng giữa nông dân với địa chủ và giữa công nhân với tư bản dân tộc (dù mâu thuẫn này còn ở mức độ quan trọng thấp hơn so với tư bản nước ngoài). Do đó trong những năm đầu của cách mạng dân tộc dân chủ này, nói đến giai cấp tức là nói đến giai cấp công nhân và nông dân, và cơ sở của vấn đề dân tộc cũng là khối công nông liên minh. Như thế vấn đề giai cấp là vấn đề giải quyết những mâu thuẫn giai cấp trong chừng mực vấn đề bảo xây dựng được một mặt trận dân tộc thống nhất.

Ngoài những điểm trên, giai cấp công nhân ta còn rút ra được những bài học quý báu khác. Ví dụ vấn đề bạo lực và vấn đề chính quyền. Cái đích trung tâm của cách mạng bao giờ cũng là vấn đề chính quyền; biện pháp đạt tới mục đích đó chủ yếu là vấn đề bạo lực. Chính quyền xô-viết ở nông thôn Nghệ-Tĩnh đã hình thành sau những cuộc biểu tình có tính chất tiến công của hàng ngàn, vạn công dân không vũ trang hoặc vũ trang thô sơ. Ở đây hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu. Ngay từ khi ra đời, bộ tham mưu của giai cấp công nhân Việt-nam đã xác định con đường cách mạng Việt-nam chủ yếu bằng đấu tranh vũ trang. Song cao trào xô-viết Nghệ-Tĩnh mở ra kinh nghiệm đấu tranh phong phú thêm, khiến Đảng ta đánh giá được đúng vai trò của đấu tranh chính trị, của lực lượng chính trị. Kinh nghiệm này đã được áp dụng trong khởi nghĩa tháng Tám. Khi chính quyền địch tan rã, chính quyền xô-viết hình thành trên cơ sở các Ban chấp hành Nông hội xã. Các « xã bộ nông » đã giải quyết vấn đề ruộng đất công, một ít ruộng đất của địa chủ và xóa bỏ những luật lệ bất công, xây dựng cuộc sống mới. Đó thực sự là một chính quyền công nông chuyên chính dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Hình dáng một chính quyền nhân dân chưa từng có ở Việt-nam đã xuất hiện. Nó là bản mẫu đầu tiên cho chính quyền dân chủ nhân dân sau này. Chính quyền đó tùy tình hình phát triển cách mạng từng xã mà xuất hiện công khai hay tồn tại

song song dưới hình thức « hai mang ». Đây cũng là kinh nghiệm tốt về việc xây dựng chính quyền trong điều kiện chưa có tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc.

Do ý nghĩa quan trọng của cao trào này, cách mạng Việt-nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ năm 1931, Đảng Cộng sản Đông-dương vừa đầy 1 tuổi đã được Ban chấp hành Quốc tế cộng sản thừa nhận là một chi bộ chính thức của Quốc tế cộng sản.

Những bài học quý giá trên về những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng đã được triết để phát huy trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám khiến cho cao trào 1930—31 quả là cuộc tổng tập dượt của Cách mạng tháng Tám. Đó là sự thành lập và phát triển mặt trận Việt Minh, khiến cho đồng bào cả nước cùng đoàn kết thành một khối vững chắc, một nhân tố quyết định thắng lợi của khởi nghĩa. Đó là chủ trương khởi nghĩa từng phần lập chính quyền cách mạng ở nhiều nơi trước khi tổng khởi nghĩa nổ ra. Đó cũng là đường lối kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang để giành được chính quyền nhanh chóng khi hồng quân Liên-xô đã đánh bại phát-xít Nhật.

Quá trình phát triển và hình thái diễn biến của khởi nghĩa tháng Tám vì vậy đã nêu một kinh nghiệm đầy sáng tạo trong nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa của giai cấp công nhân và Đảng ta. Điều bao trùm hơn cả là: Phản đế phản phong gắn chặt với nhau song về sách lược không nhất thiết ngang nhau. Từ đó giai cấp công nhân ta đã giải quyết đúng đắn, hợp lý vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trên cơ sở lập trường giai cấp vô sản, đã nêu cao được ngọn cờ dân tộc, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Hình ảnh nhuần nhuyễn, trong sáng đẹp đẽ tượng trưng cho mối quan hệ dân tộc và giai cấp ấy chính là Bác Hồ vô vàn kính yêu của dân tộc ta.

DÂN tộc anh hùng đã sản sinh ra một giai cấp công nhân anh hùng. Kể từ khi có Đảng, giai cấp công nhân Việt-nam đã tự giác nhận lấy nhiệm vụ nặng nề nhưng vẻ vang mà lịch sử đã giao phó và nó tỏ ra

xứng đáng với kỳ vọng của Tổ quốc. Từ 1930 đến 1945 giai cấp công nhân có công lao rất to lớn đối với lịch sử dân tộc ta. Công lao đó được đền đáp lại bằng lòng tin tưởng tuyệt đối của cả dân tộc đối với giai cấp công

nhân, với Đảng tiên phong. Từ sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, giai cấp công nhân Việt-nam càng xứng đáng hơn nữa với lịch sử dân tộc. Nhờ có Đảng, Bác Hồ và giai cấp công nhân lãnh đạo, nhân dân ta

đã góp một trang sử đẹp đẽ trong lịch sử nhân loại. Càng tự hào bao nhiêu về sự nghiệp anh hùng của dân tộc lại càng yêu quý bấy nhiêu giai cấp công nhân tiên phong đứng đầu là Đảng và Bác Hồ quang vinh.

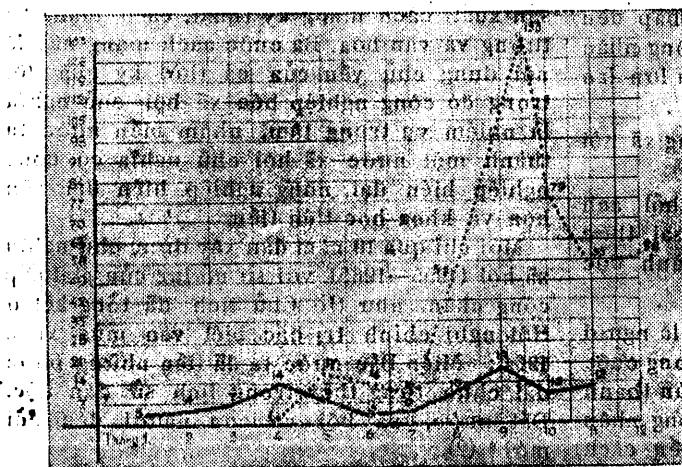
MỘT SỐ SỐ TỐM

ÔNG IO NAM BÀN HỘI (1927-1930)

Các cuộc bãi công
1927 - 1930



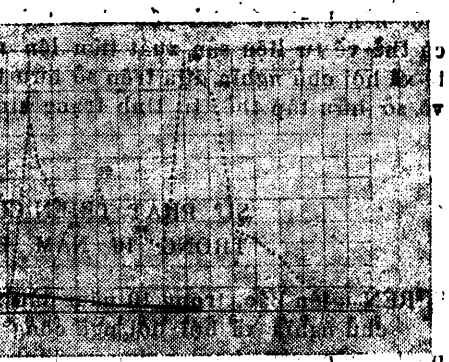
Đầu tranh của công nhân và nông dân Nghệ Tĩnh 1930 - 1931



Đầu tranh của công nhân và nông dân năm 1930

— Các cuộc bãi công của công nhân
— Các cuộc biểu tình của nông dân

Đầu tranh của công nhân và nông dân Nghệ Tĩnh 1930 - 1931



— Các cuộc bãi công của công nhân

— Các cuộc đấu tranh của nông dân

Đầu tranh của công nhân và nông dân Nghệ Tĩnh 1930 - 1931

CÔNG NHÂN MIỀN BẮC TRONG 10 NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1955-1965)

— NGHIÊM VĂN THÁI —

GIAI cấp công nhân Việt-nam đã lãnh đạo sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ thời kỳ 1930—1945 thành công rực rỡ, đã đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi vẻ vang. Từ 1954 giai cấp công nhân Việt-nam lại đứng trước hai nhiệm vụ lớn lao của lịch sử :

“ Một là, tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước ” (1).

Ở miền Bắc giai cấp công nhân vừa là người lãnh đạo, vừa là đội quân chủ lực trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này giai cấp công nhân đã thực hiện một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ tình trạng kinh tế rời

rạc và lạc hậu xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại. Đó là quá trình phát triển tổng hợp của cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Ba cuộc cách mạng này là nội dung chủ yếu của cả thời kỳ quá độ, trong đó công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm, nhằm biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Mới chỉ qua 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1955—1965), với sự nỗ lực của giai cấp công nhân, như Hồ Chủ tịch đã tổng kết ở Hội nghị chính trị đặc biệt vào mùa xuân 1964 : “ Miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới ” (2).

Những thắng lợi của miền Bắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã làm cho miền Bắc trở thành cơ sở vững chắc trong sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

I

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG NHÂN MIỀN BẮC TRONG 10 NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TRÊN miền Bắc, trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội đội ngũ công nhân đã phát triển rất nhanh chóng. Tính tới năm

(1) Văn kiện Đại hội III. Tập I tr. 174.

(2) Báo cáo của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị chính trị đặc biệt—báo « Nhân dân » 28-3-1964.

1965 ở miền Bắc đã có một lực lượng công nhân vào khoảng 60 vạn người, gồm 186.700 công nhân công nghiệp, 6 vạn công nhân nông nghiệp, 4 vạn công nhân xây dựng, 2 vạn công nhân giao thông và gần 30 vạn thợ thủ công chuyên nghiệp đã được tổ chức vào các hình thức hợp tác xã hội chủ nghĩa. Đứng về nhịp độ phát triển, thì năm 1965 riêng đội ngũ công nhân công nghiệp đã tăng gấp hơn 10 lần năm 1955 (1).

Nếu coi số lượng công nhân là biểu hiện sự phát triển của một nền công nghiệp, ta có thể so sánh: Gần một thế kỷ thống trị của thực dân Pháp, toàn Đông-dương lúc cao nhất con số công nhân chỉ đạt tới trên 20 vạn người, bằng 1/3 số công nhân của miền Bắc sau 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, sau 10 năm dưới sự thống trị của Mỹ, nguy số lượng công nhân công nghiệp hầu như không phát triển và chỉ bằng khoảng 1/6 số lượng công nhân công nghiệp của miền Bắc, trong khi đó số lượng công nhân thương mại và chuyên chở lại chiếm một tỷ lệ lớn (khoảng trên 50% trong tổng số công nhân miền Nam), điều đó biểu hiện rất rõ tính chất phần vĩnh giả tạo của nền kinh tế trong các đô thị miền Nam (2).

Sự so sánh trên cho ta hình dung thấy một bước tiến nhảy vọt của nền công nghiệp, của lực lượng công nhân miền Bắc trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, điều mà trước đây dưới sự thống trị của thực dân Pháp, cũng như hiện nay trong các đô thị miền Nam dưới sự thống trị của Mỹ, nguy không thể nào đạt được. Bước phát triển nhanh, mạnh của lực lượng công nhân miền Bắc là kết quả tất yếu của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là kết quả của đường lối xây dựng kinh tế độc lập và tự chủ của giai cấp công nhân Việt-nam sau khi miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng.

Chính tính chất xã hội chủ nghĩa của miền Bắc đã tạo nên những đặc trưng mới về sự phát triển của lực lượng giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân miền Bắc hoàn toàn không còn là kết quả của quá trình bị vô sản hóa nữa. Vì sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và giải phóng đất nước mà đồng bào những người lao động sau khi đã thoát khỏi ách đế quốc và phong kiến đã tự nguyện gia nhập hàng ngũ giai cấp công nhân, hăng hái lao động xây dựng miền Bắc. Họ không còn là những người «vô sản» bị áp bức và bóc lột, mà đã trở thành giai cấp làm chủ tập thể

tư liệu sản xuất, làm việc vì sự ấm no hạnh phúc của mình và của toàn dân tộc.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu bị hàng chục năm chiến tranh tàn phá, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển từ bản chủ nghĩa, thế mà chỉ trong một thời gian ngắn, giai cấp công nhân miền Bắc đã thu hút vào đội ngũ của mình đồng bào lực lượng lao động mới. Từng năm, số công nhân mới được bổ sung tăng lên với một tỷ lệ lớn. Tính riêng trong khu vực công nghiệp số công nhân mới (từ 1955 đến 1965) chiếm hơn 90%. Ngay ở một số cơ sở công nghiệp cũ, như nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, một nhà máy xây dựng từ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vào năm 1964 trong số gần 1.300 công nhân của nhà máy có tới 1.200 là thợ mới (3). Ở những ngành công nghiệp mới phát triển và ở những xí nghiệp mới xây dựng tỷ lệ thợ mới lại càng cao hơn. Nhiều cơ sở gần như hầu hết đều là thợ mới.

Nông thôn miền Bắc, nhất là sau khi đã đi vào con đường hợp tác xã hội chủ nghĩa đã trở thành nguồn nhân lực vô tận bổ sung cho đội ngũ công nhân. Từ 1955 đến 1965 khoảng 65 vạn lao động từ nông thôn đã bổ sung cho các ngành công nghiệp, xây dựng, vận tải, v.v... Những người này hầu hết là xã viên hay con em các gia đình xã viên hợp tác xã nông nghiệp. Phần đông họ đã có trình độ văn hóa cấp một, một số có trình độ văn hóa cấp 2, cấp 3, nhất là vào những năm sau. Cho nên lực lượng bổ sung này là một lực lượng lao động trẻ khỏe, bước đầu được giác ngộ về chủ nghĩa xã hội và có văn hóa nên có điều kiện tiếp thu kỹ thuật nhanh, mau chóng đáp ứng được yêu cầu của lao động công nghiệp.

Ngoài số trực tiếp xuất thân từ nông dân còn có hàng vạn bộ đội, cán bộ, và đồng bào miền Nam tập kết cũng gia nhập đội ngũ công nhân miền Bắc. Đó là một lực lượng hùng hậu đã được tôi luyện trong chiến đấu, có giác ngộ chính trị và có tinh tổ chức của người quân nhân và cán bộ cách mạng. Số này đã trở thành nòng cốt xây dựng nên những lực lượng công nhân mới, nhất là ở những cơ sở công nghiệp mới.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp trước đây, những người gia nhập đội ngũ công nhân công nghiệp quốc doanh phần đông là

(1) Theo số liệu của Tổng cục thống kê các năm 1955, 1965.

(2) Xem tạp chí «Nghiên cứu kinh tế» số 6-1964.

(3) Báo «Nhân dân» 26-5-1964.

do tự nguyện và do đoàn thể phân công. Họ có ý thức rõ ràng về yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến trên mặt trận lao động công nghiệp. Lúc này cũng vậy, hàng chục vạn người tham gia xây dựng công nghiệp trước hết là do họ có nhiệt tình đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước. Được Đảng giáo dục, họ nhìn thấy sự vững mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định tương lai tốt đẹp của cả nước. Một số lớn đã được các đoàn thể động viên và phân công vào mặt trận lao động công nghiệp và họ đã trở thành công nhân. Đoàn thanh niên đã động viên và tổ chức cho hàng chục vạn thanh niên từ đồng ruộng, từ đường phố, từ trường học đi lên các công trường xây dựng, đi vào các nhà máy, hầm mỏ, nông trường, lâm trường v.v..., nhất là đi vào những nơi đang có khó khăn về nhân lực. Riêng trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961—1965) Đoàn thanh niên đã động viên và tổ chức hàng chục vạn thanh niên bổ sung cho đội ngũ công nhân các ngành mỏ và lâm nghiệp v.v...

Hàng chục vạn công nhân đi vào xây dựng công nghiệp trong những năm này chủ yếu lại là lực lượng lao động trẻ tuổi. Công nhân miền Bắc trở nên một đội ngũ rất trẻ. Số công nhân dưới 30 tuổi trung bình chiếm vào khoảng 70% trong tổng số công nhân (1). Ở Hà-nội là nơi có nhiều cơ sở công nghiệp cũ, số thanh niên công nhân cũng chiếm từ 30% đến 70% (2). Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo trong số gần 1.300 công nhân có 75% là thanh niên công nhân (3). Khu mỏ Quảng-ninh, một khu công nghiệp có từ lâu, nhưng vào năm 1964 trong tổng số 14.886 công nhân có khoảng 6.000 là thanh niên công nhân (4). Lớp công nhân trẻ này « rất thông minh và anh dũng... có khả năng vươn lên nắm khoa học, kỹ thuật hiện đại » (5). Điều đó được thể hiện rất rõ trong phong trào thi đua yêu nước, như các phong trào thi đua phấn đấu trở thành tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, và phong trào thi đua giành « 3 điểm cao » (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều) là những phong trào thi đua vừa có nội dung toàn diện vừa có yêu cầu cao về kỹ thuật. Năm 1963 trong tổng số 1.059 tổ, đội được Chính phủ công nhận là tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, 393 tổ có từ 60% thanh niên trở lên, 434 tổ có từ 45 đến 60% thanh niên. Toàn ngành lâm nghiệp có 40 tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa thì 37 tổ có từ 75% thanh niên trở lên. Trong số 7.150 tổ,

đội và 59.415 người đạt 3 điểm cao có 2.145 tổ, đội có từ 50% thanh niên trở lên chiếm 30% và có 26.736 thanh niên chiếm tỷ lệ 45% (6).

Qua 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng phụ nữ đã được thu hút ngày càng đông đảo vào trong lao động công nghiệp. Họ đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, đức tính lao động cần cù vốn có của người phụ nữ Việt-nam trong công cuộc xây dựng nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1965 số nữ công nhân chiếm trung bình vào khoảng 30% trong tổng số công nhân. Ở nhiều ngành và ở nhiều nhà máy tỷ lệ nữ công nhân chiếm tới 60% đến 70% (7). Những con số 83% nữ công nhân nhà máy thuốc lá Thăng-long, 67% nữ công nhân nhà máy diêm Thống-nhất v.v... đạt « 3 điểm cao » trong phong trào thi đua giành năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều đã nói lên khả năng và lực lượng to lớn của phụ nữ trong lao động công nghiệp.

Cùng với sự phát triển nhảy vọt về số lượng, tổ chức công đoàn, tổ chức quần chúng của giai cấp công nhân cũng không ngừng lớn mạnh. Năm 1955 công đoàn mới có 1.099 tổ chức cơ sở, gồm 14 vạn đoàn viên, chiếm 35% trong tổng số công nhân viên chức, tới năm 1965 đã tăng lên 4.534 tổ chức cơ sở, gồm 766.493 đoàn viên, chiếm 78,5% trong tổng số công nhân viên chức (8). Năm 1957 Luật công đoàn đã được ban hành, xác định rõ vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức công đoàn trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước

(1) Hoàng Quốc Việt — « Giai cấp công nhân với chủ nghĩa cộng sản » — Nhà xuất bản Lao động — 1968, trang 46.

(2) Báo « Tiền phong » 6-11-1961.

(3) Báo « Nhân dân » 26-5-1964.

(4) Báo « Tiền phong » 10-4-1964.

(5) Lê Duẩn — « Vai trò của giai cấp công nhân Việt-nam và nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn trước mắt » (In lần thứ hai). Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội 1968, trang 82.

(6) Theo Báo cáo của Trung ương Đoàn thanh niên lao động Việt-nam tại Đại hội « 3 điểm cao ». Báo Tiền phong 19-2-1965.

(7) Hoàng Quốc Việt — « Giai cấp công nhân với chủ nghĩa cộng sản » — Nhà xuất bản Lao động Hà-nội 1968, tr. 46.

(8) Theo tài liệu của Phòng lưu trữ Tổng công đoàn — Hồ^b — P1^B.

ta, công đoàn là công cụ đấu tranh để đòi quyền lợi kinh tế và chính trị của quần chúng công nhân chống bọn tư bản và bọn thống trị. Nay, công đoàn đã trở thành một tổ chức trong hệ thống nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Công đoàn trở thành trường học quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, trường học của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của giai cấp công nhân.

Ở trên đã trình bày về sự phát triển và những bộ phận cấu thành của lực lượng công nhân miền Bắc trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng do sự phát triển nhanh về số lượng, ta không thể không chú ý về mặt phức tạp về thành phần xuất thân của lớp công nhân mới này. Theo số liệu điều tra sơ bộ ở một số nhà máy cho ta thấy rõ điều đó, như ở một xí nghiệp thuộc công ty gang thép Thái-nguyên, xí nghiệp này có 647 công

nhân, thành phần xuất thân như sau: 52,8% là nông dân lao động, 7,7% là thợ thủ công, dân nghèo thành thị và tiểu tư sản viên chức, 0,6% là địa chủ, phú nông, trong đó chỉ có 4% là xuất thân từ công nhân (1). Do số đông những công nhân mới xuất thân từ nông dân, tiểu tư sản v.v... nên trong tư tưởng, trong sinh hoạt, cũng như trong lao động sản xuất còn mang nhiều vết tích của người sản xuất nhỏ. Số này lại bước vào hàng ngũ công nhân trong hoàn cảnh đã giành được chính quyền nên chưa hiểu một cách cụ thể về sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chưa có kinh nghiệm về đấu tranh giai cấp. Trình độ văn hóa tuy khá, nhưng sự hiểu biết chưa toàn diện. Vì vậy nhược điểm chung của lớp công nhân mới này là giác ngộ giai cấp chưa cao, ý thức tổ chức, kỷ luật còn thấp. Nhưng những nhược điểm này sẽ dần dần được khắc phục trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

II

CÔNG NHÂN MIỀN BẮC — LỰC LƯỢNG TIỀN PHONG TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGHAY từ khi mới thành lập, trong Luận cương chính trị năm 1930, Đảng cộng sản Đông-dương, đặt tiền phong của giai cấp công nhân Việt-nam đã nhận định nước ta có điều kiện vượt qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Luận điểm trên đã trở thành hiện thực sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân « phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng văn hóa và kỹ thuật; biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến » (2). Đó là đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng Lao động Việt-nam đã đề ra cho cả thời quá độ.

Cách mạng về quan hệ sản xuất là nhiệm vụ quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau khi tịch thu và quốc hữu hóa các nhà máy, hầm mỏ của đế quốc, giai cấp công nhân đã đưa nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ vào con đường hợp tác xã hội chủ nghĩa, đồng thời cải tạo xã hội chủ nghĩa thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh để giải phóng và mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã được hoàn thành cơ bản vào năm 1960, 85,83% tổng số nông hộ đã vào hợp tác xã nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công và 84,6% người buôn bán nhỏ trong diện cải tạo đã tham gia các tổ chức hợp tác, các cơ sở công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo và tổ chức thành các xí nghiệp công tư hợp doanh hay xí nghiệp hợp tác (3).

Như vậy là, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cuộc đấu tranh « ai thắng ai »

(1) Theo tài liệu Phòng lưu trữ Tổng công đoàn.

(2) Văn kiện Đại hội III tập I trang 179.

(3) Theo số liệu của Tổng cục thống kê xuất bản năm 1961.

giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, con đường xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định.

Thắng lợi của cách mạng về quan hệ sản xuất và xây dựng kinh tế đã đưa thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa từ 15,79% trong thu nhập quốc dân năm 1957 tăng lên 62,7% trong thu nhập quốc dân năm 1960, tới năm 1963 thì tỷ trọng thành phần xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân đã giữ một địa vị tuyệt đối, chiếm 75,8% trong thu nhập quốc dân, trên 90% trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp, gần 80% trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp (1).

Trong quá trình cách mạng về quan hệ sản xuất, công nhân luôn luôn là người đi đầu và đóng vai trò chủ lực. Ngay từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cùng với sự hình thành bộ phận công nghiệp quốc doanh, công nhân thuộc khu vực kinh tế này đã tích cực tham gia quản lý xí nghiệp Nhà nước, tức là đã bước vào việc xây dựng một quan hệ sản xuất mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng thì phong trào lao động xây dựng đất nước và ý thức làm chủ tập thể xí nghiệp của công nhân ngày càng phát triển. Đó là cơ sở để xây dựng nên Luật công đoàn, trong đó quyền hạn và trách nhiệm của gia quản lý Nhà nước, quản lý xí nghiệp của công nhân và tổ chức công đoàn được xác định.

Trong thời kỳ khôi phục kinh tế (1955—1957) và nhất là trong thời kỳ cải tạo (1958—1960) công nhân thuộc khu vực kinh tế tư bản tư doanh là lực lượng chủ yếu thực hiện đường lối cải tạo thành phần kinh tế này. Công nhân đã giúp đỡ các nhà tư sản dân tộc tiếp thu và thực hiện đúng các chính sách cải tạo của Nhà nước, đấu tranh hạn chế mặt tiêu cực của họ, đưa họ đi vào con đường xã hội chủ nghĩa. Chỉ tính ở 2.135 cơ sở công thương nghiệp tư bản tư doanh qua thắng lợi của công cuộc cải tạo đã có 12.134 công nhân được giải phóng khỏi quan hệ bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Qua cuộc đấu tranh 165 công nhân đã được đề bạt giữ những cương vị phụ trách trong xí nghiệp (2).

Để tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, từ năm 1958 công nhân miền Bắc tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp trong các xí nghiệp quốc doanh. Phong trào này tới năm 1960 phát triển rộng rãi cả trong các xí nghiệp công tư hợp doanh và các hợp

tác xã thủ công nghiệp. Tiếp theo là cuộc vận động « Tăng cường ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu », gọi tắt là cuộc vận động « 3 xây, 3 chống » đã động viên công nhân phát huy ngày một đầy đủ vai trò làm chủ tập thể trong xí nghiệp. Trong các cuộc vận động này công nhân đã trực tiếp đóng góp và dân chủ bàn bạc, tự giải quyết nhiều vấn đề quan trọng của xí nghiệp (3).

Tính chất dẫn đầu và liên tục của phong trào công nhân trong cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Công nhân miền Bắc là lực lượng quyết định thắng lợi trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa của người nông dân, người thợ thủ công, cũng như đối với người tư sản dân tộc. Trong quá trình hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, tư tưởng làm chủ tập thể của giai cấp công nhân đã trở thành tấm gương mà những người nông dân tập thể hay người thợ trong các hợp tác xã tiểu thủ công noi theo. Những người nông dân tiên tiến và thợ thủ công tiên tiến đã nêu ra khẩu hiệu « Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ » làm mục tiêu phấn đấu của mình.

Song song với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, cuộc cách mạng kỹ thuật, một nhiệm vụ then chốt của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong 10 năm qua cũng đã bước đầu được tiến hành. Xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, lao động thủ công chiếm tuyệt đại bộ phận trong nền kinh tế quốc dân, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc khi tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đã thực hiện phương châm « kết hợp

(1) Theo số liệu của Tổng cục thống kê các năm 1957, 1960 và 1963.

(2) Báo « Nhân dân » 23-12-1960.

(3) Như ở nhà máy cơ khí Hòa-nội, trong hội nghị công nhân viên chức năm 1959 công nhân đã đóng góp trên 2.000 ý kiến; 883 ý kiến được đưa ra thảo luận tại hội nghị đại biểu của nhà máy, 598 ý kiến được hội nghị giải quyết, 200 ý kiến để lại tiếp tục nghiên cứu, chỉ có 10 ý kiến đề đạt lên trên; trong đó có 232 ý kiến về thiết bị, 152 ý kiến về kỹ thuật, 131 ý kiến về kế hoạch, 133 ý kiến về cải thiện đời sống, 84 ý kiến về sửa đổi thể lệ, chế độ v.v...—Theo báo « Nhân dân » 12-5-1959.

những xí nghiệp quy mô lớn với những xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ, kết hợp kỹ thuật hiện đại với kỹ thuật thô sơ, kết hợp việc xây dựng những xí nghiệp mới với việc tận dụng những xí nghiệp cũ, kết hợp việc phát triển công nghiệp trung ương với việc phát triển công nghiệp địa phương». (1)

Sau 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ những con số ít ỏi buổi đầu, tới năm 1965 trên miền Bắc đã có 1.235 xí nghiệp, gồm hơn 200 xí nghiệp trung ương và khoảng 1.000 xí nghiệp địa phương, trong đó số xí nghiệp công nghiệp nặng so với năm 1955 tăng hơn 10 lần. Trên miền Bắc đã dần dần hình thành một nền công nghiệp vừa khai thác, vừa chế tạo, vừa chế biến, bao gồm nhiều ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, với các loại xí nghiệp lớn, vừa và nhỏ, kết hợp hiện đại và thô sơ. Công nghiệp đã dần dần đủ sức sản xuất phần lớn hàng tiêu dùng và hơn một nửa số tư liệu sản xuất, bao gồm thiết bị lễ, vật tư kỹ thuật.

Đứng ở vị trí trung tâm của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đội ngũ công nhân miền Bắc không những chỉ phát triển nhanh về số lượng mà còn tiến bộ nhanh về cả trình độ nghề nghiệp, công nhân kỹ thuật, từ con số buổi đầu không đáng kể, tới năm 1957 đã có khoảng 5 vạn người, tới năm 1965 đã tăng vọt lên trên 30 vạn người (2), và trở thành đội quân chủ lực trong cách mạng kỹ thuật.

Khí thế của công nhân trong cách mạng kỹ thuật được thể hiện một cách mạnh mẽ qua các phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa. Từ trong thực tiễn phong phú của lao động sản xuất hàng chục vạn sáng kiến phát minh của đông đảo công nhân đã xuất hiện. Chỉ riêng trong phong trào thi đua giành 3 điểm cao (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều) công nhân đã đề ra hơn 15 vạn sáng kiến. Trong những sáng kiến đã được tổng kết này phần lớn đều nhằm giải quyết các vấn đề kỹ thuật của sản xuất, như trên 4.800 sáng kiến của công nhân ngành cơ khí đã đi sâu vào việc đúc kết và phổ biến kinh nghiệm về cắt gọt kim loại, cải tiến công cụ và quản lý sản xuất; trên 2.200 sáng kiến của công nhân ngành hóa chất đều tập trung vào việc bổ sung và cải tiến quy trình kỹ thuật, hoặc khắc phục khó khăn về nguyên liệu, vật liệu để sản xuất các hóa chất thay cho hàng mua của nước ngoài; 8.000 sáng kiến của công nhân ngành than cải tiến quy trình thao tác, tập trung vào các khâu khoan, bắn mìn, máy xúc, hầm lò, vận tải, có khi sửa chữa; hay 1.764 sáng kiến

của công nhân ngành điện đều tập trung vào hai khâu sửa chữa lò và chống sự cố trên đường dây cao thế nhằm xây dựng chỉ tiêu kỹ thuật tiến tiến v.v... (3).

Được sự hỗ trợ mạnh mẽ của giai cấp công nhân, những người nông dân tập thể cũng đã tiến hành việc cải tiến phương pháp canh tác, thực hiện một bước cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp. Trước hết là vấn đề thủy lợi hóa. Ở miền Bắc đã có một mạng lưới thủy lợi rộng lớn bao gồm hàng trăm công trình thủy lợi lớn và vừa, kết hợp với hàng vạn trạm bơm điện, bơm dầu, hồ chứa nước, đập nước, hệ thống kênh mương đã bảo đảm tưới và tiêu cho 73% diện tích gieo trồng, trong đó 1 phần 3 được tưới và tiêu theo phương pháp khoa học. Phong trào kiến thiết đồng ruộng, dùng nông cụ cải tiến, máy móc, nông nghiệp nhỏ, áp dụng kỹ thuật mới ngày một mở rộng. Đến cuối năm 1965 hơn 1.000 hợp tác xã nông nghiệp đã được trang bị máy móc nhỏ. Đó là những cơ sở vật chất kỹ thuật mới của các hợp tác xã nông nghiệp đang được áp dụng vào việc thâm canh tăng năng suất. Trên toàn miền Bắc đã có 162 xã, gồm 700 hợp tác xã nông nghiệp đạt hoặc vượt năng suất 5 tấn lúa một hecta (4).

Cùng với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng và văn hóa giữ một vị trí quan trọng. Giai cấp công nhân vừa là lực lượng đi đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa là lực lượng tiên phong trong việc tự rèn luyện mình để trở thành một giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa: nâng cao trình độ văn hóa, khoa học và tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Qua 10 năm đấu tranh cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cho sự nghiệp thống nhất đất nước, trên mặt trận này giai cấp công nhân cũng đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng.

Chiến thắng «giặc đói», một di sản của chế độ cũ để lại là một trong những nhiệm vụ cấp bách đối với giai cấp công nhân. Tới năm 1958 trong công nhân miền Bắc đã căn bản xóa xong nạn mù chữ (5), và theo con số

(1) Văn kiện Đại hội III. Tập I trang 183.

(2) Theo số liệu của Tổng cục thống kê các năm 1957 - 1965.

(3) Theo tài liệu của Đại hội « 3 điểm cao » 2-1965.

(4) Theo số liệu thống kê năm 1965.

(5) Theo Báo cáo của Bộ công nghiệp - Bảo « Nhân dân » 8-4-1958.

ước tính thì trong 10 năm, từ 1955 đến 1965 trong công nhân có khoảng hơn 2 triệu học viên đã mãn khóa bổ túc văn hóa ngoài giờ ở các cấp 1 cấp 2 và 3 (kể cả số học viên đã mãn khóa cấp dưới những năm trước lại tiếp tục học và mãn khóa cấp trên). Tới năm 1965 hầu hết công nhân đã có trình độ văn hóa từ cấp một trở lên, trong đó số công nhân có trình độ văn hóa từ cấp 2 trở lên chiếm khoảng 50%, một số không ít công nhân kỹ thuật đã có trình độ văn hóa cấp 3 và đại học. Công nhân miền Bắc đã trở thành những người có văn hóa. Hàng nghìn câu lạc bộ và thư viện, tủ sách đã được thành lập ở các nhà máy, thu hút đông đảo công nhân sau những giờ lao động làm cho đời sống văn hóa của người công nhân ngày càng phong phú.

Đảng luôn luôn quan tâm vũ trang cho giai cấp công nhân về chủ nghĩa xã hội khoa học cũng như về những đường lối của cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới. Công nhân thường xuyên được học tập về chính trị thời sự. Những đợt chỉnh huấn chính trị đã mang lại cho công nhân những tiến bộ mới về nhận thức tư tưởng.

Cùng với việc không ngừng nâng cao về mặt văn hóa, công nhân miền Bắc được Đảng và tổ chức công đoàn thường xuyên giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ về giai cấp, trình độ chính trị tư tưởng theo yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất đất nước. Cho nên, mặc dù mới ở giai đoạn đầu thực hiện quá trình

chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, và trong quá trình phát triển, số người mới gia nhập đội ngũ công nhân ngày càng đông đảo, nhưng tổ chức của giai cấp công nhân vẫn ngày được củng cố vững mạnh và nhất trí về tư tưởng chính trị.

Do trình độ giác ngộ về chủ nghĩa xã hội ngày càng được nâng cao, chủ nghĩa anh hùng cách mạng ngày càng nảy nở rực rỡ trong công nhân miền Bắc. Trong phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều cá nhân và tập thể anh hùng trong sản xuất và chiến đấu. Qua 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội đã có 51 công nhân được Chính phủ tuyên dương là anh hùng lao động. Riêng năm 1965, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, một năm vừa sản xuất vừa chiến đấu, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong giai cấp công nhân lại càng được thể hiện một cách rực rỡ, 3.626 tổ, đội đã được chính phủ công nhận là tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa (năm 1963 mới có 1.059 tổ, đội được công nhận là tổ đội xã hội chủ nghĩa), 12.965 chiến sĩ thi đua và 298.960 lao động tiên tiến. Những tấm gương về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của công nhân đã có tác dụng cổ vũ rất lớn trong toàn dân. Nhưng người nông dân tập thể đã hăng hái đi theo con đường của giai cấp công nhân ra sức thi đua lao động sản xuất và xây dựng hợp tác xã. Nhiều tập thể và xã viên tiên tiến cũng đã đạt được những phẩm chất cao quý của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

III

CÔNG NHÂN MIỀN BẮC – ĐỘI QUÂN CHỦ LỰC TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ Củng cố MIỀN BẮC LÀM CƠ SỞ CHO SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

KHÍ bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, giai cấp công nhân đứng trước một hoàn cảnh có nhiều khó khăn. Gần một thế kỷ thống trị, thực dân Pháp đã kìm hãm nước ta ở vào một tình trạng vô cùng lạc hậu với một nền công nghiệp kìm phát triển và què quặt. Sau 15 năm bị chiến tranh tàn phá, nền kinh tế vốn đã nghèo nàn đó lại càng kiệt quệ hơn. Rút khỏi miền Bắc, thực dân Pháp đã để lại trên 14 vạn héc-ta ruộng đất bị bỏ hoang, hầu hết công trình thủy lợi bị phá hủy, hàng vạn trâu bò bị bắn giết, trên một triệu người bị thiếu đói. Nền thủ công nghiệp bị phá sản, hơn 10 vạn người không có công ăn việc làm. Giao thông vận

tải bị tê liệt. Số nhà máy ít ỏi còn lại trong những vùng mới giải phóng hầu hết ngừng hoạt động vì bị địch đánh cắp hoặc phá hủy máy móc, nguyên liệu, vật liệu, tài liệu kỹ thuật v.v... Giá trị sản lượng công nghiệp lúc này chỉ còn bằng 1,5% giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp ở miền Bắc, trong đó công nghiệp nặng chiếm khoảng 1% (1).

Khắc phục mọi khó khăn, công nhân miền Bắc đã đóng vai trò xung kích trong công cuộc khôi phục kinh tế. Chỉ trong 3 năm (1955—1957) miền Bắc đã căn bản hàn gắn

(1) Theo số liệu thống kê 1955.

xong vết thương chiến tranh. Sản xuất công nghiệp tới năm 1957 và về giá trị sản lượng đã đạt xấp xỉ mức năm 1939 là năm phát triển cao nhất trước đây. So với năm 1955 giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp miền Bắc tăng 146,6% trong đó riêng giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 273,1%, chiếm 31,4% trong giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp. Các hệ thống giao thông và các công trình thủy lợi được khôi phục và mở rộng (1).

Bước sang những năm sau, trong thời kỳ cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa (1958—1960), và nhất là trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961—1965) với nhiệm vụ bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, công nhân miền Bắc đã trở thành một lực lượng chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tới năm 1965, tuy về mặt số lượng mới chiếm vào khoảng 10% trong toàn bộ lực lượng lao động xã hội, nhưng công nhân miền Bắc đã tạo ra một giá trị sản lượng công nghiệp là 2.764 triệu đồng, bằng 53,33% trong tổng giá trị công nông nghiệp, so với năm 1955 tăng 872,71%, trong đó riêng công nghiệp nặng tăng hơn 10 lần. Những cố gắng của giai cấp công nhân đã góp phần quyết định đưa tổng sản lượng công, nông nghiệp miền Bắc năm 1965 lên 5.482,8 triệu đồng, so với năm 1955 tăng hơn 291,46% (2).

Sự nỗ lực của giai cấp công nhân đã quyết định những thắng lợi trong 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Với nhịp độ phát triển nhanh của công nghiệp, nhất là của công nghiệp nặng, nền kinh tế quốc dân của miền Bắc đã có một cơ sở vật chất kỹ thuật tuy chưa lớn, nhưng rất quan trọng để tiến hành cải tạo và trang bị kỹ thuật mới.

Công nghiệp nặng đã góp phần ngày càng tích cực vào việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, thúc đẩy việc cải tạo và nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp. Để phục vụ thủy lợi hóa, công nghiệp đã cung cấp ngày càng nhiều sức điện, các loại máy động cơ, máy phát lực vừa và nhỏ, các loại máy bơm nước, một khối lượng rất lớn vật liệu xây dựng; để phục vụ thâm canh tăng năng suất cây trồng, đặc biệt là lúa, nông nghiệp đã được cung cấp ngày càng nhiều các loại phân hóa học và thuốc trừ sâu v.v... Khối lượng tư liệu sản xuất cung cấp cho nông nghiệp hàng năm tăng từ 25% đến 30%, tới năm 1965 chiếm 1 phần 4 giá trị sản lượng của công nghiệp nặng.

Công nghiệp nặng cũng đã cung cấp được một phần tư liệu sản xuất để phát triển nền kinh tế quốc dân như năng lượng, nhiên liệu, vật liệu xây dựng, các loại máy công cụ, các loại mô-tơ điện, máy phát lực, các loại phụ tùng, thiết bị máy móc và một số sản phẩm cần thiết cho quốc phòng. Các nhà máy cơ khí đã bước đầu chế tạo thiết bị toàn bộ cho một số ngành.

Từ chỗ hầu hết hàng tiêu dùng phải nhập của nước ngoài, ngành công nghiệp nhẹ đã sản xuất được một khối lượng hàng hóa gồm trên 12.000 mặt hàng khác nhau, đáp ứng trên 80% nhu cầu về hàng tiêu dùng trong nước.

Trong xuất khẩu, khối lượng sản phẩm công nghiệp giữ một tỷ trọng tuyệt đối, năm 1965 trong tổng trị giá kim ngạch xuất khẩu của Nhà nước hàng công nghiệp chiếm 84,65% (3).

Những con số trên đã nói lên một thực tế rất có ý nghĩa, là ở miền Bắc giai cấp công nhân không những chỉ là giai cấp tiên phong lãnh đạo cách mạng mà còn là một đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Giai cấp công nhân đã ra sức xây dựng và củng cố miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân không những quan tâm về mặt xây dựng kinh tế mà còn quan tâm xây dựng bộ máy Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ của chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ. Nhà nước dân chủ nhân dân ở miền Bắc đã trở thành công cụ chủ yếu của giai cấp công nhân để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng trên mọi mặt trận, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước. Để thực hiện vai trò lãnh đạo, giai cấp công nhân không ngừng củng cố và phát triển tổ chức Đảng, đội tiên phong quyết định mọi thắng lợi của giai cấp, của dân tộc, củng cố và phát triển tổ chức công đoàn để làm nhiệm vụ quản lý sản xuất, quản lý Nhà nước. Giai cấp công nhân còn cử ngày càng nhiều những đại biểu ưu tú của mình tham

(1) (2) Theo số liệu thống kê các năm 1955, 1957 và 1965 của Tổng cục thống kê.

(3) Theo số liệu thống kê 1965 của Tổng cục thống kê.

gia vào các cơ quan quyền lực của Nhà nước. Số đại biểu công nhân ở Quốc hội đã chiếm một tỷ lệ quan trọng. Trong Quốc hội khóa hai đã có 50 đại biểu công nhân trên tổng số 362 đại biểu. Tới Quốc hội khóa ba số đại biểu công nhân đã tăng lên 71 người trên tổng số 366 đại biểu Quốc hội. Số đại biểu công nhân trong hội đồng nhân dân các cấp cũng ngày một nhiều.

Đồng thời với việc xây dựng chính quyền, giai cấp công nhân còn ra sức tăng cường khối liên minh công nông trên cơ sở mới để làm cơ sở đoàn kết các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo, nhân sĩ yêu nước và tán thành chủ nghĩa xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt-nam để động viên mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ của dân tộc hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước.

Xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, giai cấp công nhân đã thực hiện một nhiệm vụ chiến lược « quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt-nam, đối với sự nghiệp thống nhất đất nước » (1). Miền Bắc được củng cố vững mạnh đã làm thất bại mọi ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai đối với miền Bắc, đã tích cực ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân miền Nam. Đồng thời đó cũng là những chuẩn bị điều kiện rất tích cực để miền Bắc đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Trong khi ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, giai cấp công nhân vẫn luôn luôn thực hiện một nhiệm vụ quan trọng khác là cùng toàn dân đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất đất nước. Ngay từ năm 1954, sau khi hòa bình mới được lập lại giai cấp công nhân đã đề ra một trong những nhiệm vụ chủ yếu của mình là: « Đoàn kết rộng rãi các lực lượng lao động; cùng toàn dân đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong cả nước » (2). Công nhân miền Bắc là một lực lượng to lớn trong cuộc đấu tranh liên tục chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai âm mưu chia cắt lâu dài đất nước và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Mọi cuộc đấu tranh của nhân dân và công nhân miền Nam đều nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của công nhân và nhân dân miền Bắc. Chỉ riêng trong 6 tháng đầu năm 1956, hàng chục vạn công nhân miền Bắc đã tổ

chức 1.345 cuộc mít tinh, gửi 2.475 thư và kiến nghị phản đối đế quốc Mỹ và tay sai phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ; phá hoại hiệp thương và tổng tuyển cử trong cả nước để thống nhất Tổ quốc, phản đối những hành động tàn sát dã man của Mỹ, nguy đối với đồng bào miền Nam, và ủng hộ các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân miền Nam (3).

Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam và được khí thế đấu tranh của nhân dân miền Nam thôi thúc, công nhân miền Bắc đã phát huy nhiệt tình cách mạng đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng miền Bắc đấu tranh thống nhất đất nước. Giai cấp công nhân đã nhận thức sâu sắc được rằng thiết thực xây dựng miền Bắc vững mạnh là góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhiều sáng kiến có ý nghĩa chính trị và tác dụng thực tế to lớn đã nảy nở trong phong trào quần chúng. Từ nhà máy xe lửa Gia-lâm, sáng kiến: « Ngày thứ bảy đẩy mạnh sản xuất vì sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước » đã mau chóng trở thành một phong trào thu hút đông đảo công nhân trong các nhà máy, hầm mỏ, công trường, nông trường, lâm trường v.v... Tới năm 1964, thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong Hội nghị Chính trị đặc biệt công nhân lại đi đầu trong phong trào « Thi đua mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại đồng bào miền Nam ruột thịt ». Sôi nổi nhất là phong trào noi gương Nguyễn Văn Trỗi, người thanh niên công nhân anh hùng của miền Nam đã hy sinh oanh liệt trong chiến đấu với quân thù; công nhân ở hầu khắp các nhà máy, công trường, nông trường v.v... đều tổ chức lễ kết nạp Nguyễn Văn Trỗi vào trong đội sản xuất của mình và nhận làm cả phần việc của Anh. Nhiều công trình mang tên Nguyễn Văn Trỗi ra đời, trong đó có những công trình có ý nghĩa quan trọng như chiếc đầu máy xe lửa đầu tiên do công nhân và cán bộ kỹ thuật nhà máy xe lửa Gia-lâm tự thiết kế và chế tạo.

(1) Văn kiện Đại hội III, tập I trang 174.

(2) Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Tổng liên đoàn 8-1954 — Tài liệu phòng lưu trữ Tổng công đoàn — H6b — PIB.

(3) Tài liệu Phòng lưu trữ Tổng công đoàn H6b — PIB.

NĂM 1954 đã đánh dấu một bước ngoặt rất quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt-nam nói chung và trong phong trào của giai cấp công nhân Việt-nam nói riêng. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi vẻ vang, sau khi hoàn toàn được giải phóng, miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Qua 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên miền Bắc giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo Nhà nước, giai cấp công nhân đã phát triển rất nhanh đội ngũ của mình, và trở thành lực lượng tiên phong trong công cuộc xây dựng đất nước.

Trong quá trình thực hiện thắng lợi bước đầu sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã mang lại cho đất nước những thay đổi lịch sử. Miền Bắc đã trở thành một xã hội xã hội chủ nghĩa với quan hệ sản xuất tiên tiến và cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội bước đầu đã được xây dựng làm cơ sở cho việc xây dựng một nền

kinh tế độc lập và tự chủ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình cách mạng này, giai cấp công nhân đồng thời cũng mang lại cho mình nhiều thay đổi sâu sắc. Trong cách mạng về quan hệ sản xuất công nhân đã thực sự trở thành những người chủ tập thể của những tư liệu sản xuất tiên tiến nhất và ngày càng hăng hái phát huy vai trò của mình trong quan hệ sản xuất mới. Hơn nữa, do trình độ tư tưởng chính trị, trình độ tổ chức, trình độ văn hóa và kỹ thuật không ngừng được nâng cao nên giai cấp công nhân ngày càng giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội miền Bắc, về cả các mặt chính trị, kinh tế và văn hóa. Giai cấp công nhân đã trở thành động lực chủ yếu đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến nhanh, tiến mạnh trên miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam và đấu tranh thống nhất đất nước.

22-12-1969

Vì số trang của tạp chí có hạn, nên trong số này chúng tôi chưa thể đăng bài :

TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN ĐÁNH BẠI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ 1965 – 1968

của bạn LƯU VĂN TRÁC được, chúng tôi sẽ in trong số tạp chí 132 tháng 5 và 6-1970.

Tạp chí N. C. L. S.

CÔNG NHÂN MIỀN NAM TỪ ĐẦU XUÂN MẬU THÂN ĐẾN NAY (★)

CAO VĂN LƯỢNG

CƠN bão táp cách mạng được đẩy lên trong các thành thị miền Nam từ đầu xuân Mậu thân đến nay đã và đang quật mạnh vào mọi cơ cấu của Mỹ—ngụy những đồn búa ở Sài-gòn, Chợ-lớn, Huế, Đà-nẵng và các thành phố, thị xã, thị trấn khác — những sào huyệt của Mỹ—ngụy — đang rung chuyển dữ dội dưới những đòn sấm sét tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta. Hàng triệu quần chúng ở các thành thị miền Nam, trong đó lực lượng nòng cốt là công nhân, lao động đã vùng lên với khí thế mạnh mẽ, đưa phong trào cách mạng tiến lên một bước nhảy vọt có ý nghĩa chiến lược quan trọng.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân dân miền Nam còn đang tiếp diễn

và ngày càng giành được nhiều thắng lợi to lớn. Lịch sử đã và đang chứng kiến những biến đổi cách mạng sâu sắc đang diễn ra trong lòng các đô thị miền Nam. Giai cấp công nhân miền Nam và phong trào đấu tranh của nó đã góp phần rất quan trọng để tạo nên những biến đổi đó, tạo nên những thế mới và lực mới vô cùng thuận lợi, đẩy Mỹ—ngụy lún sâu vào thế thất bại hoàn toàn. Vì vậy, nghiên cứu phong trào đấu tranh của công nhân miền Nam từ đầu xuân Mậu thân đến nay là một việc rất cần thiết. Nó chẳng những làm nổi bật truyền thống đấu tranh bất khuất và tinh thần cách mạng tiến công của giai cấp công nhân miền Nam, mà còn làm sáng tỏ vai trò, vị trí chiến lược của phong trào công nhân, lao động miền Nam trong thời kỳ bão táp cách mạng.

I— CÔNG NHÂN MIỀN NAM BƯỚC VÀO CAO TRÀO NỔI DẬY CỦA TOÀN DÂN VỚI KHÍ THẾ LIÊN TỤC TIẾN CÔNG

LÀ những người chịu nhiều thống khổ và áp bức nhất dưới ách thống trị của Mỹ—ngụy, giai cấp công nhân miền Nam hiểu rõ hơn ai hết rằng, con đường duy nhất để cứu nước, cứu nhà, vĩnh viễn chấm dứt mọi thảm cảnh mà mình phải chịu đựng trong hàng chục năm nay là vùng lên đấu tranh đánh đuổi quân xâm lược Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai. Đứng trước một kẻ thù tàn bạo như Mỹ—ngụy hiện nay, chỉ có tiến

công, kiên quyết tiến công liên tục tiến công thì giai cấp công nhân và nhân dân miền Nam mới giành được thắng lợi. Đó là bài học quý báu đã được rút ra từ quá trình dựng

(★) Trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 119, chúng tôi đã viết bài: “Công nhân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ”, nhằm giới thiệu phong trào công nhân miền Nam từ 1954 đến hết 1967.

nước, giữ nước của ông cha ta ngày trước; từ cuộc đấu tranh chống Mỹ — nguy của nhân dân ta hiện nay. Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ ra rằng: « Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta phải luôn luôn chống giặc ngoại xâm để bảo vệ độc lập, tự do, sự sống còn của mình cho nên có tinh thần tự vệ rất mạnh. Chính trên cơ sở của tinh thần tự vệ mạnh mẽ đó đã nảy sinh ra cách đánh giặc của người Việt-nam. Không phải là ngẫu nhiên mà trong lịch sử nước ta, mỗi khi dân tộc ta vùng dậy chống ngoại xâm là chỉ tiến công chứ không phòng ngự, tiến công kẻ xâm lược để bảo vệ độc lập dân tộc của mình. Tiến công là chiến lược, còn phòng ngự chỉ là sách lược » (1).

« Tư tưởng tiến công là cơ sở của chiến lược (cách mạng, chiến lược quân sự của chúng ta » (2). Nó đã và đang được giai cấp công nhân, nhân dân miền Nam vận dụng một cách sáng tạo.

Nhìn lại lịch sử đấu tranh bất khuất của nhân dân ta ở miền Nam chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên 15 năm qua, chúng ta thấy rằng, chẳng phải chỉ trong những ngày bão táp cách mạng, mà cả trong những ngày cách mạng gặp nhiều khó khăn, giai cấp công nhân miền Nam vẫn không ngừng vùng dậy đấu tranh quyết liệt chống Mỹ — nguy.

Mọi người đều biết rằng, cùng với toàn dân, giai cấp công nhân miền Nam bước vào cuộc đấu tranh chống Mỹ — Diệm với *tư thế của những người chiến thắng*. Trái lại, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam, bắt cảng thực dân Pháp, dựng lên chế độ độc tài, phát-xít, gia đình trị Ngô Đình Diệm, âm mưu biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng với *cái thế của một kẻ chiến bại*. Trong những năm 1954 — 1959, mặc dầu cách mạng miền Nam tạm thời chuyển về thế phòng ngự về chiến lược; phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam tuy gặp những khó khăn, tồn thất nhất định trước sự khủng bố điên cuồng của địch; phong trào có nơi, có lúc tạm thời lắng xuống, nhưng nói chung phong trào vẫn giữ vững (3). Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba ngày 5-9-1960 đã khẳng định: « Từ ngày hòa bình được lập lại đến nay, công nhân miền Nam đã không ngớt đấu tranh chống dân tộc, đòi giải quyết nạn thất nghiệp, đòi tăng lương và cải thiện chế độ làm việc, chống phạt vạ, đòi xây dựng kinh tế độc lập và phát triển sản xuất dân tộc, đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi hòa bình thống nhất nước nhà » (4). Đảng

chú ý là, trong những năm 1958 — 1959, khi Mỹ — Diệm liên tiếp mở những cuộc khủng bố, tàn sát hết sức dã man, lê mảy chém đi khắp nơi, những cuộc đấu tranh của công nhân, lao động Sài-gòn, Chợ-lớn, Gia-định thu hút hàng chục vạn người vẫn nổ ra (5). Điều đó chứng tỏ rằng ngay trong « những năm đen tối » của cách mạng (1954 — 1959), công nhân, lao động miền Nam vẫn không ngừng phát huy tinh thần kiên cường, bất khuất — truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt-nam. Nhờ đó, giai cấp công nhân miền Nam chẳng những giữ vững và phát triển cuộc đấu tranh của mình, mà còn góp phần đẩy chế độ Mỹ — Diệm lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên, tạo điều kiện cho cách mạng miền Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

Từ cuối năm 1959, cách mạng miền Nam từ thế « tạm thời phòng ngự về chiến lược » chuyển sang thế tiến công trên cả ba vùng chiến lược. Hàng triệu quần chúng vùng lên trong phong trào đồng khởi, phá tan ách kìm kẹp của Mỹ — nguy, giải phóng vùng nông thôn rộng lớn. Hòa nhập với phong trào nông thôn, tại các thành thị, những cuộc đấu tranh sôi nổi, quyết liệt, thu hút hàng vạn công nhân, lao động nối tiếp nhau diễn ra. Theo con số chưa đầy đủ, từ 1961 — 1965, dưới những khẩu hiệu dân sinh, dân chủ, dân tộc, công nhân, lao động miền Nam đã tiến hành 9.700 cuộc đấu tranh, gồm 5.430.000 lượt người tham gia; mở hàng trăm trận đánh địch ở khắp nơi, giải phóng trên 200 đồn điền (6). Lúc này, trong nhiều cuộc đấu tranh quyết liệt chống kẻ thù Mỹ — nguy, với tinh thần đoàn kết, kiên cường, bất khuất, liên tục tiến công địch, giai cấp công nhân miền Nam đã làm cho « Sài-gòn — cái tử kinh chính trị » của « thế giới tự do » nhiều phen phải nghiêng

(1), (2) Bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn tại Đại hội Thanh niên quyết thắng toàn quân ngày 18-5-1966.

(3) Tính đến cuối năm 1959, đã có 1444 cuộc đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam.

(4) Văn kiện Đại hội Đảng Lao động Việt-nam lần 3, trang 43.

(5) Trong hai năm 1958 — 1959, công nhân miền Nam đã tiến hành 707 cuộc đấu tranh. Nổi bật nhất là cuộc biểu tình khổng lồ của công nhân, lao động Sài-gòn ngày 1-5-58 thu hút 50 vạn người tham gia.

(6) Thông báo của Liên hiệp Công đoàn giải phóng nhân ngày 1-5-66.

ngã, chế độ Mỹ - nguy có lúc cơ hồ bị sụp đổ. Hãy lấy một vài ví dụ. Ngày 2-9-1964, phong trào công nhân, lao động và các tầng lớp nhân dân ở hầu khắp các thành phố miền Nam diễn ra với những hành động hết sức quyết liệt như chiếm đài phát thanh Huế, Sài-gòn, chiếm bắt Lê Văn Ken, làm chướng ngại vật. Riêng ở Sài-gòn đã có trên 5 vạn công nhân, hàng trăm ngàn lao động và các tầng lớp nhân dân đô thị biểu tình thị uy, bao vây dinh Nguyễn Khánh và đã buộc tên hung thần này đầu hàng trước quần chúng, đánh bại chế độ độc tài, phát-xít quân sự của Khánh. Bọn Mỹ - Khánh chưa kịp hoàn hồn về những đòn đả kích mạnh mẽ, dồn dập của quần chúng thì ngày 21, 22-9-1964, cuộc tổng bãi công toàn diện của 20 vạn công nhân, lao động Sài-gòn lại nổ ra, giáng một đòn chí tử nữa vào đầu Mỹ - nguy, làm tê liệt hoàn toàn những hoạt động yết hầu của Sài-gòn - Chợ-lớn - căn cứ đầu não và dinh lũy cuối cùng của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Rõ ràng, ngay trước khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ chống lại nhân dân Việt-nam, *phong trào đấu tranh của công nhân miền Nam đã phát triển mạnh mẽ, liên tục ở thể tiến công.*

Từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ, đưa quân ồ ạt vào chiếm đóng các thành thị miền Nam. Bất chấp mọi sự kìm kẹp, đàn áp, khủng bố của Mỹ - nguy, *phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam vẫn không ngừng phát triển với khi thể cách mạng tiến công.* Hàng ngàn cuộc đấu tranh đã liên tiếp nổ ra với sự tham gia của hàng triệu công nhân, lao động và sự ủng hộ nhiệt liệt của đồng bào cả nước. Riêng trong năm 1967, đã có hàng loạt cuộc đấu tranh của công nhân miền Nam nối tiếp nhau diễn ra tại các căn cứ quân sự và cơ sở kinh tế phục vụ chiến tranh của Mỹ (1). Bằng những cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân miền Nam một mặt giành lại được những quyền lợi bức thiết của mình, một mặt khác đánh những đòn trực tiếp, mạnh mẽ vào những cơ sở kinh tế, quân sự của Mỹ - nguy, vào chính sách xâm lược, áp bức, bóc lột và âm mưu tăng cường chiến tranh của chúng, hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang của nhân dân các thành thị, góp phần vào chiến thắng Đông-xuân 1967-1968.

Ngày 20-23-10-1967, hội nghị mở rộng của Chủ tịch đoàn Ủy ban trung ương Mặt trận

dân tộc giải phóng miền Nam họp để kiểm điểm tình hình và đề ra chủ trương, công tác cấp bách nhằm đưa cách mạng miền Nam tiến lên những bước nhảy vọt. Hội nghị kêu gọi: « Anh chị em công nhân và lao động, học sinh, sinh viên, những người buôn bán nhỏ, các bạn trí thức, công chức, công thương, các nhân sĩ yêu nước, đồng bào các giới, các ngành ở đô thị, hãy tăng cường đoàn kết chống Mỹ, cứu nước, tham gia các cuộc hội thảo và gửi kiến nghị, tổ chức các cuộc biểu tình, bãi công, bãi khóa, bãi chợ, sát cánh với nhau đấu tranh cho các quyền dân sinh, dân chủ, ra sức đẩy mạnh phong trào diệt ác ôn, phá kìm kẹp, hạn chế và làm tê liệt quyền lực chính trị và quân sự của địch, nâng

(1) Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu của công nhân miền Nam trong năm 1967:

— Cuộc bãi công chiếm xưởng Ép-phen (Eiffel) lãnh thầu cho nhà binh Mỹ nổ ra hồi đầu 1967.

— Cuộc bãi công của 2.700 công nhân làm việc tại công trường kho hậu cần Mỹ ở Long-binh và cơ quan « viện trợ » Mỹ nổ ra trong tháng 1 và 2-1967.

— Cuộc bãi công của toàn thể công nhân ở căn cứ hậu cần Vũng-tàu nổ ra 6-1967.

— Cuộc bãi công của công nhân hãng thầu Mỹ Í-kíp-măng ở Thủ-đức nổ ra ngày 11-8-1967.

— Cuộc bãi công ngày 28-8-67 của 1.500 công nhân làm việc ở sân bay Tân-lê (Bình-định) chống sa thải, đánh đập công nhân.

— Cuộc bãi công ngày 23-10-67 của công nhân hãng sửa chữa cầu cống Pa-e của Mỹ ở Sài-gòn đòi tăng lương, chống khủng bố.

— Cuộc bãi công của công nhân làm việc tại căn cứ Mỹ ở Lai-khê từ ngày 13-17-12-1967 đòi tăng lương, chống khủng bố.

— Cuộc bãi công ngày 21-12-1967 của 400 công nhân, viên chức hãng hàng không Mỹ Păng E A-mê-ri-con ở Sài-gòn làm cho hoạt động của hãng này tại sân bay Tân-sơn-nhất ngừng trệ.

— Cuộc bãi công của toàn thể 700 công nhân, viên chức làm việc tại chi nhánh hàng không Mỹ E A-mê-ri-ca ở Sài-gòn nổ ra ngày 22-12-67.

Cũng thời gian này, công nhân làm việc ở sân bay Tân-sơn-nhất, Cần-thơ, hãng thầu Mỹ RMK - BRJ đã liên tiếp bãi công đòi tăng lương, chống sa thải, chống khủng bố.

cao khi thể cách mạng của đồng bào đô thị" (1).

Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận, giai cấp công nhân miền Nam đã chủ động, tích cực đứng lên, giáng những đòn mạnh mẽ vào đầu Mỹ — ngụy, ghi tiếp vào cuốn sổ vàng của dân tộc một trang sử chói lọi về truyền thống kiên cường, bất khuất, liên tục tiến công địch. Ngày 11-1-1968, 3.500 công nhân điện nước Sài-gòn bãi công, không thời hạn đề phản đối ngụy quyền Thiệu — Kỳ cúp bớt lương. Chỉ một ngày sau, 5.000 công nhân cảng Sài-gòn bãi công hưởng ứng. Cuộc bãi công đã phát triển sang nhiều ngành khác. Đến ngày 16-1-1968, tổng số người tham gia bãi công lên tới 17.000 người, bao gồm các ngành điện nước, bốc vác, vận tải, dệt, cao-su, ngành xay xát gạo, công nhân làm việc tại 3 hãng dầu Shell, Caltex, Esso. Do cuộc bãi công này, nước, điện trong thành phố giảm 40%, một số khu vực trong thành phố mất điện. Hoảng hốt, bối rối trước cuộc bãi công, Mỹ — ngụy trắng trợn giở trò đàn áp, khủng bố công nhân. Ngày 12-1-1968, chúng huy động quân đội tới chiếm đóng các nhà máy trong thành phố, ra lệnh bắt giam 6 đại biểu công đoàn. Tên tổng trưởng cảnh sát ác ôn Nguyễn Ngọc Loan và tên đồ trưởng việt gian Văn Văn Của đích thân đến phá nhiều cuộc hội họp của công nhân, trực tiếp bắt đi nhiều công nhân. Riêng trong ngày 13-1-1968, chúng đã bắt 100 công nhân. Nhưng bất chấp mọi sự khủng bố chia rẽ của Mỹ — ngụy, công nhân, lao động Sài-gòn, Chợ-lớn, Gia-định đã liên tục vùng lên, dùng sức mạnh đoàn kết, tinh thần dũng cảm của hàng triệu quân chúng lao động để áp đảo quân thù, buộc chúng phải thừa nhận những yêu sách của công nhân. Cuộc bãi công đã thắng lợi.

Thắng lợi của cuộc bãi công này là thắng

lợi của tinh thần đoàn kết, kiên cường, bất khuất, liên tục tiến công địch của công nhân, lao động miền Nam. Như chúng ta đã biết, cuộc bãi công này nổ ra sau hàng loạt cuộc đấu tranh sôi nổi, kéo dài suốt trong năm 1967 của công nhân làm việc tại các căn cứ quân sự và cơ sở kinh tế phục vụ chiến tranh của Mỹ; sau hàng vạn cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam diễn ra liên tục trên khắp ba vùng chiến lược trong Đông xuân đại thắng 1967—1968. Đó là sự phối hợp rất đẹp giữa phong trào đấu tranh của công nhân và phong trào đấu tranh của 14 triệu đồng bào miền Nam.

Cuộc bãi công này lại nổ ra tại Sài-gòn, trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự của địch, tại những ngành thiết yếu ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động của địch; tại cảng Sài-gòn là một cảng lớn chuyên vận chuyển một khối hàng hóa quân sự từ Mỹ sang cho hơn 1 triệu quân Mỹ — ngụy, nên nó có ý nghĩa lớn về kinh tế, chính trị, quân sự và xã hội. Nó đánh một đòn rất đau vào đầu Mỹ — ngụy, làm cho guồng máy kinh tế, quân sự của địch bị tê liệt một phần quan trọng, đẩy kẻ địch lún sâu vào thế bị động về chiến lược.

Với tất cả những điều đã trình bày trên, chúng ta có thể nói rằng, *giai cấp công nhân miền Nam bước vào cao trào nổi dậy của toàn dân với khi thể liên tục tiến công, đập lên đầu thù, xốc tới*. Bằng những cuộc đấu tranh sôi nổi, quyết liệt diễn ra liên tục trong năm 1967 và nhất là cuộc bãi công ngày 11-1-1968 của 3.500 công nhân điện nước Sài-gòn, công nhân lao động miền Nam đã góp phần vào chiến thắng Đông xuân 1967—1968, và mở ra một thời kỳ mới — thời kỳ đồng tiến công và nổi dậy đồng loạt.

II— ĐỒNG VÙNG TRÊN THỂ TIẾN CÔNG, GIAI CẤP CÔNG NHÂN MIỀN NAM LIÊN TỤC VÙNG LÊN, ĐẤU TRANH QUYẾT LIỆT CHỐNG MỸ — NGUY

1. Hoàn cảnh mới, điều kiện mới

Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, tiếng súng tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân dân miền Nam đã vang lên ở hầu khắp 41 thành phố, hàng trăm quận, thị xã, thị trấn và ở tất cả những vùng nông thôn còn bị địch kiểm soát, báo hiệu một thời kỳ mới của cách mạng đã xuất hiện — thời kỳ rực rỡ chiến công, vẻ vang nhất, đáng tự hào nhất trong lịch sử dân tộc của nhân dân ta — đồng thời là thời kỳ đấu tranh quyết liệt và phức tạp nhất.

Trong thời kỳ này, mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân ta ở miền Nam với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phát triển tới đỉnh cao; mâu thuẫn giữa Mỹ — ngụy càng thêm gay gắt; hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền bị sụp đổ từng mảng lớn. Tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc của nhân dân miền Nam được phát huy

(1) *Những vấn đề kiện chủ yếu của Mặt trận dân tộc giải phóng (từ 1—1967 đến 12—1967)*. Nhà xuất bản Sự thật, — 1970.

manh mẽ chưa từng thấy. Khắp miền Nam, khí thế cách mạng từng giờ; từng phút dâng lên với hàng triệu người xóc tới. Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, chưa có một cuộc nổi dậy nào huy động được lực lượng đông đảo như cuộc tổng tiến công và nổi dậy hiện nay ở miền Nam. Ngay tại các vùng trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự của Mỹ—ngụy như Huế, Đà-nẵng, Sài-gòn, một mặt trận đấu tranh hết sức rộng rãi bao gồm hàng triệu quần chúng đã hình thành và đang trên đà phát triển... Đó là những điều kiện mới hết sức thuận lợi cho ngọn triều nổi dậy của công nhân, lao động miền Nam dâng lên mạnh mẽ, liên tục từ đầu xuân Mậu thân đến nay.

Tuy vậy, phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam không phải phát triển một cách « êm ả », « thuận buồm xuôi gió »; trái lại nó còn phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách quyết liệt trước khi giành thắng lợi hoàn toàn.

Lâu nay, Mỹ—ngụy coi các thành thị là những nơi cổ thủ cuối cùng của chúng, nên chúng dốc sức bảo vệ những nơi này. Từ đầu xuân Mậu thân đến nay, hoảng hốt, bối rối trước những đòn sấm sét tổng tiến công và nổi dậy của quần dân ta, chúng càng dốc sức củng cố các thành thị và ra sức kìm kẹp công nhân, lao động miền Nam (1). Chỉ riêng vùng Sài-gòn—Chợ-lớn—Gia-định, chúng đã lập trung một lực lượng gồm trên 130 tiểu đoàn quân chính quy, tương đương với gần toàn bộ quân viễn chinh Pháp ở cả chiến trường Đông-dương trước đây, và hàng vạn tên cảnh sát. Cùng với lực lượng đàn áp khổng lồ này, luật 10-68, con đẻ của chế độ phát-xít Mỹ—ngụy ra đời ngày 5-11-1968. Dựa vào luật phát-xít này, chúng tuyên bố tình trạng chiến tranh ở khắp miền Nam, cấm tất cả mọi cuộc họp, biểu tình, đình công, bãi chợ và liên tiếp mở những cuộc hành quân cảnh sát, nhằm khủng bố công nhân, lao động và nhân dân thành thị đòi độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ, dân sinh. Theo con số chưa đầy đủ, chỉ riêng trong 5 tháng đầu năm 1969, tại Sài-gòn, Mỹ—ngụy đã tiến hành 5.000 cuộc, tính ra mỗi ngày trên 30 cuộc. Qua những cuộc hành quân cảnh sát này, hàng vạn người bị đánh đập, giam giữ; hàng ngàn công nhân, lao động bị bắt bớ giam cầm; nhiều cán bộ nghiệp đoàn và công nhân Sài-gòn đã bị Mỹ—ngụy vô cớ đưa ra xét xử ở tòa án quân sự, kết án tù khổ sai (2). Nhiều nhà cửa bị phá hủy, nhiều công nhân, lao động bị chết, bị thương vì bom đạn Mỹ. Từ

30-1 đến 10-2-68, đã có hơn 130 thành phố, thị xã, thị trấn ở miền Nam bị Mỹ—ngụy ném bom, bắn phá; nhiều thành phố, thị xã bị phá hủy từ 60—80%; Huế, thành phố cổ kính của dân tộc Việt-nam bị phá hủy trên 80%.. Tại Sài-gòn, hầu hết các quận đều bị máy bay, đại bác, xe bọc thép của Mỹ—ngụy bắn phá; nhiều khu vực đông dân, trong đó có khu vực Vinatexo—Bà Quẹo đã bị bom đạn Mỹ tàn phá nặng nề (3). Tại các đồn điền cao-su, tội ác của Mỹ—ngụy cũng chồng chất như núi. Hãng AFP ngày 15-9-1968 đã phản ánh rằng: « Trong đồn điền Lộc-ninh (Thủ-dầu-một), tất cả nhà cửa và cơ sở đều bị phá hủy không thể ở được nữa vì đại bác, máy bay lên thẳng và xe bọc thép bắn phá trong các đợt cuối tháng 5-1968. Xe bọc thép Mỹ lần này đã bắn vào các phòng bệnh của cái nhà thương nhỏ bé của đồn điền. Lính Mỹ bắn đại bác 105 m/m suốt ngày, bắn thẳng vào các làng cao-su... ». Cũng tại Thủ-dầu-một, từ ngày 17 đến 31-3-1969, hơn 1 vạn quân Mỹ—ngụy đã mở cuộc hành quân càn quét vùng Dầu-tiếng, đánh phá 14, 15 đồn điền cao-su, trút hàng trăm tấn bom đạn xuống vùng này, làm chết hàng trăm người, đánh đập và bắt giam 300 người.

Chính sách xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ là nguồn gốc của cuộc sống cơ cực và mọi tệ nạn xã hội ở miền Nam hiện nay. Cuộc chiến tranh hao người, tốn của, thất nhân tâm của đế quốc Mỹ đã và đang đẩy nền kinh tế miền Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên. Ngân sách của ngụy quyền Sài-gòn « leo thang » đến nấc cao

(1) Trong nhiều xí nghiệp, như Vi-mi-tếch (Vimytex), Vi-na-tếch-cô (Vinatexo), Đa-cô-tếch (Dacotex), chủ tư bản câu kết với ngụy quyền đưa bọn công an, do thám vào làm cai ký, nhân viên văn phòng, hình thành bộ máy kìm kẹp nhà máy. Ở các xí nghiệp công quản, quốc phòng, như xí nghiệp X, cứ 3 công nhân thì có 1 tay chân của địch theo dõi, rình rập.

(2) Cuối tháng 12-68, nhiều nhà lãnh đạo của Liên hiệp đoàn tự do, như các ông Nguyễn Văn Giàu, Trương Văn Khâm, Nguyễn Văn Giót bị Mỹ—ngụy bắt cóc. Cuối tháng 3-69, ngụy quyền Thiệu—Kỳ—Hương đưa 17 công nhân hãng dệt Dacotex ra xét xử tại tòa án quân sự ở vùng chiến thuật về « tội có liên lạc với công đoàn giải phóng ».

(3) Hãng dệt Vinatexo được xây dựng tại vùng Bà Quẹo (Gia-định).

nhất. Năm 1955, ngân sách của ngụy quyền Sài-gòn là 17 tỷ đồng miền Nam; năm 1969 đã lên tới 130 tỷ, tăng 9 lần, trong đó 85 tỷ, nghĩa là hơn 65% ngân sách giành cho chi phí chiến tranh (1). Nạn thiếu hụt trong ngân sách của ngụy quyền miền Nam cũng ngày càng trầm trọng: năm 1955: 5 tỷ đồng; năm 1969 dự tính hụt 60 tỷ, gấp 12 lần.

Để kiếm được những món tiền khổng lồ chi phí cho chiến tranh xâm lược, và bù vào những chỗ thiếu hụt trong ngân sách, Mỹ—ngụy đã không từ một thủ đoạn nào nhằm tăng cường bóc lột công nhân, lao động và nhân dân các thành thị. Ngày 24-11-1968, Thiệu—Kỳ—Hương công bố quyết định tăng giá nhập cảng gạo, tăng lên 50% tức là mỗi tạ tăng 400 đồng. Với quyết định này, mỗi năm chúng bóc lột của nhân dân miền Nam 12 tỷ bạc (2). Ngày 23-10-1969, Thiệu—Kỳ—Khiêm lại đưa ra cái gọi là biện pháp tăng thuế «kiệm ước» đánh thuế vào trên 1500 mặt hàng nhập cảng (tăng từ 100—600%). Báo chí xuất bản ở Sài-gòn đã ví «thuế kiệm ước» như «một quả bom khủng khiếp nổ trên đầu dân nghèo» (3), «một mụn ghẻ lở làm cho dân chúng nhức nhối thấu xương» (4). Do những quyết định ăn cướp này, do nạn lạm phát đang phi nước đại ở miền Nam, vật giá ở Sài-gòn và các thành thị khác tăng lên vùn vụt. Nếu năm 1955, giá một tạ gạo loại một ở Sài-gòn là 400đ, thì nay lên tới 5.200đ, gấp 12 lần (5). Theo hãng thông tin Reuter ngày 24-8-1969, chỉ trong vòng 2 tuần lễ cuối tháng 8-1969, giá gạo và giá đường ở Sài-gòn tăng lên 3 lần. Theo chân giá gạo, các loại thực phẩm khác cũng tiếp tục tăng giá, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân, lao động (6). Chẳng phải đầu xa lạ, chính hãng thông tin Mỹ AP ngày 28-8-1969 đã phải thừa nhận sự thật đó: «Các chuyên gia theo dõi kinh tế miền Nam Việt-nam nói từ đầu năm đến nay, sức ép của nạn lạm phát đã làm cho giá cả tăng lên 22%, trước hết là giá lương thực và đánh mạnh vào lớp quần chúng thu nhập thấp».

Đã thế, Mỹ—ngụy còn bắt công nhân, viên chức làm việc tại các sở Mỹ phải truy nộp thuế lợi tức lương bổng năm 1967 (7), cắt khẩu phần gạo hàng ngày từ 700 gam xuống 450 gam của công nhân làm việc tại các đồn điền cao-su (8), sa thải công nhân, đẩy công nhân lâm vào cảnh thất nghiệp để bắt lính (9).

Chính sách bắt lính, tăng cường chiến tranh xâm lược của Mỹ—ngụy đã đẩy nền

công nghiệp miền Nam lâm vào tình trạng suy sụp thảm hại. Báo *Chuông mai* ra ngày 26-4-1969 phản ánh: «Hiện nay rất nhiều hãng, xưởng đã bị đóng cửa hay đang trên đà bị đóng cửa. Nhiều nhà tiểu công nghệ, đang phá sản, thậm chí đang uống đắng ngậm cay trong cảnh sống dở, chết dở». Theo báo cáo của ông phó chủ tịch «Liên hợp tác xã dệt Việt-nam» ngày 24-8-1969, thì «hiện nay có trên 40.000 gia đình sống về nghề dệt thủ công phải thất nghiệp, giải nghệ và đói rét».

Do công nghiệp suy sụp, nhiều hãng xưởng nối tiếp nhau đóng cửa, đội ngũ công nhân thất nghiệp ngày càng tăng. Ở hầu khắp các thành phố, nhất là Sài-gòn, mỗi năm có hàng

(1) Chi phí tài chính của Mỹ cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam:

Từ 1954—1964: 4 tỷ, 4 đô-la.

1965: 1 tỷ 5

1966: 16 tỷ

1967: 20,1 tỷ

1968: 30 tỷ

1969: 30—35 tỷ.

(2) Theo báo *Tia sáng*, 5-12-68,

(3) Báo *Chính đạo*, 27-10-69.

(4) Báo *Tia sáng* 26-10-69.

(5) Theo tạp chí *Thời sự Nhân dân*, xuất bản ở vùng giải phóng miền Nam ngày 20-7-69.

(6) Năm 1964, chỉ số vật giá là 103, đến 2-69 lên tới 395. Riêng về thực phẩm, chỉ số vật giá 1964, là 104 đến tháng 2-69 lên tới 531.

(7) Bằng thủ đoạn này, Mỹ—ngụy đã cướp đoạt của công nhân từ 200—300 triệu đồng miền Nam.

(8) Lệnh cắt khẩu phần gạo do tên Đỗ Cao Tri, tư lệnh vùng 3 chiến thuật công bố 9-2-68.

(9) Theo báo *Công luận* ngày 26-11-1968, Thiệu—Kỳ—Hương quyết định gọi vào lính 100% số nhân viên kỹ thuật đang làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp vùng chúng kiểm soát. Theo báo *Giải phóng* ngày 15-8-68, Mỹ—ngụy đang biến 223.000 công nhân trong các xí nghiệp cỡ trung bình phải vào «phòng vệ dân sự». Cũng năm trong âm mưu này, các hãng, xưởng của Mỹ—ngụy đã và đang sa thải hàng loạt công nhân, như hãng thầu Mỹ RMK—BRJ định hàng tháng sa thải 1.500 công nhân.

vạn, hàng chục vạn người thất nghiệp (1). Số người nữa thất nghiệp không phải là ít. Công nhân thương cảng Sài-gòn, mỗi tháng chỉ làm 15 ngày; công nhân cầu đường ở các thị xã miền Trung Nam-bộ mỗi tháng chỉ làm 20 ngày. Những công nhân có đủ việc làm thì phải tăng cường độ lao động lên gấp bội mà vẫn không đủ sống vì đồng lương rẻ mạt, giá sinh hoạt tăng lên vùn vụt (2). Bản báo cáo của ông Cửu Long tại hội nghị công đoàn các thành thị miền Nam hồi trung tuần tháng 8-1969 đã vạch rõ: « Dưới chế độ thối nát của Mỹ — nguy, đời sống vật chất và văn hóa của công nhân, lao động các thành thị hết sức cơ cực, thấp kém, ăn bữa sáng, lo bữa tối. Có tình trạng như vậy là do đồng lương rẻ mạt, trong khi đó giá sinh hoạt ngày càng leo thang dữ dội ». Các báo chí xuất bản ở Sài-gòn cũng đã vẽ nên những bức tranh rất bi thảm về đời sống của công nhân, lao động trong vùng Mỹ — nguy tạm thời kiểm soát: « Hàng triệu đồng bào ngoại ô Sài-gòn đang sống một cuộc sống bi thảm khốn khổ » (3), « chạy ăn từng bữa toát mồ hôi » (4), và « ngay ở trung tâm đô thành, dân chúng còn lầm kẻ cười ra nước mắt » (5). Báo *Giải phóng* ngày 1-1-1969 đã viết: « Người ta thường nói ở Sài-gòn có 7 cái lo: lo đói, lo thất nghiệp, lo bị bắt lính, lo bị đuổi nhà, phạt vạ, lo nhà cháy, lo bị cướp giết, lo bị xe Mỹ cán... nhưng bây giờ cái lo đói bao trùm lên trên hết ». Bản kiến nghị của đại hội ngày 8-6-1969 của 42 nghiệp đoàn thuộc Liên hiệp lao động gửi Thiệu — Kỳ — Hương cũng đã vạch rõ: « Mức sống của dân chúng, của công nhân, lao động không lúc nào cơ cực bằng lúc này, vật giá tăng vọt ». Hãy lấy một gia đình công nhân dệt, như gia đình anh Tư ở xóm lao động XT (Sài-gòn) làm ví dụ. Cả 2 vợ chồng anh đi làm suốt ngày mà vẫn không sao nuôi nổi hai con và một mẹ già. Lương chồng, mỗi tháng 3.000đ miền Nam, vợ gánh nước thuê, trung bình mỗi ngày 50đ. Như vậy, nếu không kể tiền nhà mỗi tháng 800đ, tiền củi, tiền dầu, nước, quần áo... mà chỉ kể tiền gạo rau thôi thì cũng không sao đủ ăn (6).

Có thể nói, chưa lúc nào đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là công nhân, lao động dưới ách thống trị của Mỹ — nguy lại cơ cực như lúc này. « Chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ chẳng những đã giết lán mòn cuộc đời công nhân, lao động bằng những thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn, đặc biệt là chiến tranh xâm lược của chúng đã giết chết hàng loạt công nhân, lao động bằng cách bắt họ ra làm bia đỡ đạn tại các chiến

trường đã tiêu hủy hàng loạt xóm lao động, làm cho hàng chục vạn người phải sống trong cảnh màn trời, chiếu đất (7).

Chính cuộc sống ngột ngạt, cơ cực trên đây đã vạch trần những thủ đoạn tuyên truyền lừa mị của Mỹ — nguy đối với công nhân, lao động miền Nam (8), càng làm cho giai cấp công nhân miền Nam hiểu sâu sắc rằng: « Chỉ có vùng lên, vùng lên đấu tranh quyết liệt bằng mọi cách với quân thù thì mới mong tự giải phóng hoàn toàn và vĩnh viễn mà thôi » (9).

2. Liên tục tiến công, nổi dậy đều khắp, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Trên đây đã nói, bên cạnh những điều kiện mới hết sức thuận lợi, phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam đã và đang phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách quyết liệt. Nhưng phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc, giai

(1) Tham luận của ông Cửu Long tại Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam 6-69.

(2) Về lương của công nhân miền Nam: thợ loại giỏi từ 4.000đ—8.000đ; thợ loại trung: 3.500đ—4.000đ; thợ loại thấp: 2.500đ—3.500đ (giá hối đoái: 1 đô-la = 118đ miền Nam; chợ đen 1 đô-la = 270đ).

(3) *Tin mới* ngày 14-7-69.

(4) *Chính luận* ngày 20-3-69.

(5) *Tin mới* ngày 10-7-69.

(6) Báo *Giải phóng* 1-1-1969.

(7) Tham luận của ông Cửu Long tại Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam tháng 6-69.

(8) Đề mua chuộc chia rẽ công nhân, Mỹ — nguy giở thủ đoạn « hữu sản hóa vô sản », bán xe tắc-xi cho công nhân, trao 500 triệu đô-la cho Trần Quốc Bửu, đội lốt thủ lĩnh « tổng liên đoàn lao động » để mua chuộc công nhân; xuyt bọn cầm đầu « nghiệp đoàn vàng » đứng ra đòi lập « đảng riêng đại diện cho người lao động » nhằm chia rẽ giữa công nhân với Liên hiệp công đoàn giải phóng. Chúng định đưa Trần Quốc Bửu ra làm « đệ nhất phó chủ tịch » của cái gọi là « Liên minh dân tộc »...

(9) Lời kêu gọi của Liên hiệp công đoàn giải phóng Sài-gòn — Chợ-lớn — Gia-định 5-5-68.

cấp, và đứng vững trên thế tiến công, giải cấp công nhân miền Nam đã liên tục vùng lên, giương cao ngọn cờ tiền phong cách mạng, đi đầu trong đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị.

Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch cả bằng quân sự, chính trị và binh vận là phương pháp cách mạng cơ bản của cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân ta ở miền Nam; là bức tranh rất sinh động của chiến tranh nhân dân phát triển tới đỉnh cao trong lòng các thành thị miền Nam hiện nay. Nó đã và đang được giải cấp công nhân, nhân dân lao động miền Nam vận dụng và phát huy mạnh mẽ.

Từ nhiều năm nay, phong trào công nhân, lao động miền Nam theo đúng phương châm chiến đấu của Mặt trận, luôn luôn tiến bằng hai chân vững chắc. Tùy từng nơi, từng lúc, giải cấp công nhân miền Nam đã hoạt động trên cả hai mặt: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Ở các thành thị, từ năm 1965, công nhân, lao động đã kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Nhiều tổ, đội tự vệ vũ trang và du kích của công nhân đã được thành lập ở Sài-gòn — Chợ-lớn và các thành phố khác. Bằng mọi thứ vũ khí sẵn có trong tay, các đội tự vệ vũ trang này đã đầy mạnh hoạt động diệt Mỹ, diệt ác ôn, phá lỏng hoặc làm tan rã thế kim kẹp của địch ở các xí nghiệp, xóm lao động, giành quyền làm chủ ở cơ sở với nhiều mức độ khác nhau.

Đấu tranh vũ trang thúc đẩy đấu tranh chính trị phát triển, và ngược lại. Tuy vậy, những năm trước đây, phần lớn các chiến trường diễn ra ở các vùng rừng núi, nông thôn và các ven thành phố. Do đó trong các thành thị, bên cạnh những hoạt động vũ trang, giải cấp công nhân miền Nam đã đầy mạnh đấu tranh chính trị, nhằm một mặt thỏa mãn những nhu cầu về quyền lợi dân sinh, dân chủ, mặt khác tích lũy, bảo vệ lực lượng của mình theo đúng đường lối chiến lược, sách lược của Mặt trận, chờ có thời cơ là vùng lên, đưa cuộc đấu tranh tiến lên cao trào cách mạng. Nhờ đó, khi thời cơ tới, công nhân, lao động miền Nam đã phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, tích cực trong cuộc nổi dậy của toàn dân. Thông cáo đặc biệt số 2 của bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng ngày 6-2-1968 đã khẳng định: "Trong bão táp cách mạng, lực lượng chính trị và vũ trang của nhân dân mở rộng và lớn mạnh rất nhanh chóng, hàng triệu quần chúng nhân dân, không phân biệt già trẻ, chính kiến, tín

ngưỡng, đồng bào các dân tộc đã đoàn kết đứng lên. Công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động nêu cao vai trò chủ động tích cực của mình trong cuộc nổi dậy của toàn dân" (1).

Công nhân, lao động miền Nam là người đầu tiên phát cao ngọn cờ nổi dậy của nhân dân các thành thị. Hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hiệp công đoàn Giải phóng: "Thời cơ hiện nay rất thuận lợi, giờ phút thiêng liêng quyết định vận mạng của dân tộc của giải cấp là đây, giờ phút vùng lên trả thù nhà, thù giai cấp, thù dân tộc là đây". «Hãy tổ chức nhau lại thành đội ngũ, cướp vũ khí giặc trang bị cho mình, hoặc tìm mọi thứ vũ khí thích hợp, sẵn có xông ra đường phố truy lùng và tìm diệt bọn mật thám, công an chim, nòi, trừng trị bọn tề khóm, tề ấp, tề phường ngoan cố ác ôn, buộc bọn còn lại phải nộp hồ sơ, tại sân cho cách mạng và ra thú tội trước nhân dân...» (2), hàng vạn công nhân đã nhất tề đứng dậy với khí thế mạnh mẽ phi thường. «Ở các đô thị và thị trấn còn tạm thời bị địch kiểm soát, anh chị em công nhân và lao động với một niềm hân hoan phấn khởi chưa từng thấy, người người, lớp lớp đã đứng dậy, xông lên quyết chiến với quân thù, đoàn kết chặt chẽ, tổ chức thành đội ngũ, tham gia vào đội quân vĩ đại của các lực lượng cách mạng» (3). Ở Huế, từ ngày 30-1-1968, hàng vạn nhân dân nội, ngoại thành, trong đó lực lượng nông cốt là công nhân, lao động đã vùng dậy, nổi trống mõ, ào ạt xuống đường, truy lùng bọn ác ôn ngoan cố, lật đổ bộ máy nguỵ quyền. Chỗ nào, nơi nào khó khăn, phức tạp nhất là ở đó có mặt những người công nhân thành phố Huế kiên cường. Nhiều phường tuyến đánh Mỹ với những tay súng công nhân gan góc đã mọc lên ở khắp nơi trong nội thành và ở các khu lao động, như khu Ga, An-cự (4). Tại Sài-gòn, ở khắp các phường, các quận, từ những vùng chiến sự diễn ra ác liệt đến những vùng giải phóng và vùng các lực lượng vũ trang chưa triển khai tới, hàng vạn công nhân đã cùng nhân dân vùng dậy, diệt ác ôn, phá thế kim kẹp, lật đổ chính quyền địch ở cơ sở. Ở vùng Cầu-tre, Bình-thới, Phú-thọ-hòa (quận 3 Sài-gòn), đêm

(1) Chúng tôi nhấn mạnh.

(2) Thông tấn xã Giải phóng phát ngày 27-5-68.

(3) Lời kêu gọi của Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam 12-2-68.

(4) Theo báo Giải phóng 15-8-68.

4-5-1968, khi các lực lượng vũ trang cách mạng chưa tới, 20 công nhân nam, nữ đã cùng với đồng bào nổi dậy diệt 6 tên ác ôn, phá thể kim kẹp của địch. Trong những ngày 24—28-5-68, công nhân cùng lực lượng vũ trang và đồng bào ở các đường Tôn Thọ Tường, Trần Quốc Toản, Lê Quang Liêm nổi dậy diệt ác ôn, phá 4 trạm biến thế điện.

Chẳng phải chỉ ở Sài-gòn, Huế mà ở hầu khắp các thị xã, thị trấn khác, công nhân, lao động cũng liên tục nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng diệt ác ôn, phá thể kim kẹp, giành quyền làm chủ. Ở các thị xã Mỹ-tho, Bến-tre, Châu-độc, Cao-lãnh, Gò-công, Mộc-hóa, từ những ngày đầu của cuộc tổng tiến công, hơn 30 vạn công nhân, lao động, học sinh, sinh viên, đồng bào Cao-đài, Hòa-hảo, cùng với hàng chục vạn đồng bào nông thôn, phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng đánh chiếm các công sở, bao vây các vị trí đầu não nguy quyền, diệt ác ôn.

Nghị quyết nổi dậy của công nhân miền Nam cũng dâng lên mạnh mẽ, liên tục ở khắp các đồn điền cao-su. Hội nghị tổng kết phong trào công nhân cao-su trong năm 1968 do ban chấp hành Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam triệu tập đã khẳng định: “Từ khi quân và dân toàn miền Nam bước vào giai đoạn tổng tiến công và nổi dậy đến nay, phong trào công nhân đồn điền cao-su đã phát triển mạnh mẽ và đều khắp với khí thế tiến công và nổi dậy liên tục. Công nhân ở nhiều nơi đã vũ trang nổi dậy giải phóng đồn điền, hoàn toàn làm chủ về chính trị, từng bước đấu tranh, tự giải quyết vấn đề lương thực, làm chủ về sinh hoạt, văn hóa và xã hội. Các mũi đấu tranh vũ trang, chính trị và binh vận cũng đều có những tiến bộ”. Theo con số chưa đầy đủ, tính từ tháng 1—9. 1968, công nhân ở một số đồn điền cao-su đã đánh địch 468 trận, giết chết 3 289 tên Mỹ, nguy, làm bị thương 727 tên, bắn cháy 128 xe quân sự; tổ chức 611 cuộc nổi dậy, gồm 48.781 lượt người xuống đường phá «ấp chiến lược», tiến công binh vận, diệt ác ôn, giành quyền làm chủ, xây dựng làng chiến đấu. Ở Tây-ninh, trong 6 tháng đầu năm 1968, công nhân các đồn điền cao-su đã tổ chức 33 lần tiến công địch bằng đấu tranh chính trị, gồm 7 200 lượt công nhân tham gia; đã đánh địch 600 trận, diệt 223 tên Mỹ, phá hủy 57 xe quân sự, trấn áp và giáo dục 132 tên, điệp. Riêng đồn điền X, trong năm 1968, lực lượng vũ trang của công nhân đã liên tục đánh địch 266 trận, diệt 1494, phá hủy 52 máy bay; tổ chức 194 cuộc đấu tranh chính trị với 16.985

lượt công nhân tham gia (1). Ở Bình-long, hầu hết các đồn điền cao-su đã có lực lượng vũ trang hoặc bán vũ trang. Trong thử thách chiến đấu lực lượng cách mạng trong các đồn điền không ngừng phát triển. Chỉ trong 3 tháng 8, 9, 10-68, các đồn điền Bình-long đã thành lập 10 ủy ban nhân dân giải phóng và gần 30 tổ công đoàn.

Từ đầu năm 1969, công nhân, lao động ở khắp các thành thị và đồn điền miền Nam vẫn không ngừng đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, diệt ác, phá kim, đưa chiến tranh du kích vào tận sào huyệt của Mỹ—ngụy, làm rối loạn thường xuyên hậu phương của chúng (2). Báo *Cờ giải phóng*, cơ quan ngôn luận của Mặt trận dân tộc Giải phóng số ra ngày 24-4-1969 đã diễn tả khí thế đấu tranh sôi sục, liên tục, rộng khắp của công nhân lao động miền Nam như sau: “Từ những ngày đầu xuân Mậu thân lịch sử đến nay, hàng vạn, hàng triệu anh chị em công nhân và lao động ở Sài-gòn—Chợ lớn—Gia định, Huế, Đà-nẵng, Biên-hòa, Mỹ-tho, Cần-thơ, Đà-lạt, ở khắp các đô thị và đồn điền, người người lớp lớp nhất tề nổi dậy đập nát ách áp bức bóc lột, diệt ác, phá kim, làm chủ xí nghiệp, xóm phường, giải phóng hàng loạt đồn điền, thành lập và củng cố chính quyền cách mạng, hết lòng phục vụ tiền tuyến, mau chóng xây dựng công đoàn, du kích tự vệ, củng bộ đội tấn công, truy kích địch, đưa chiến tranh du kích vào tận thành phố, trung tâm đồn điền, cùng toàn dân làm rối loạn thường xuyên sào huyệt Mỹ—ngụy, lay chuyển tận gốc nguy quyền Thiệu—Kỳ—Hương” (chúng tôi nhấn mạnh).

(1) Đồn điền X. là một đồn điền lớn vào bậc nhất, nhì, nằm ở phía Tây bắc Sài-gòn—Chợ lớn. Trước kia tại đây có 5.000 công nhân. Từ khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ, kinh doanh tư bản không phát triển, số công nhân còn khoảng 2.000. Đồn điền này có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng, do đó từ lâu Mỹ—ngụy đã biến nơi này thành một căn cứ quân sự của chúng. Chúng đóng chốt ở đây toàn bộ lữ đoàn 3, sư đoàn 25 Mỹ, một bộ phận sư đoàn 1 Mỹ, 1 trận địa pháo cực mạnh, 100 xe cơ giới.

(2) Trong 6 tháng đầu năm 1969, riêng công nhân đồn điền cao-su Bà-ri-a—Long-khánh đã đánh địch 39 trận, diệt gần 200 địch.

Đáng chú ý là trong ngày 20-1-69, đội nữ pháo binh công nhân đồn điền Dầu-tiếng đã 5 lần bắn phá nơi đóng quân của bọn Mỹ đi «binh định cấp tốc».

Tổng tiến công và nổi dậy là một quá trình liên tục tiến công địch hết sức quyết liệt cả về hai mặt: quân sự và chính trị. Cùng với những mũi tiến công quân sự trên đây, từ đầu xuân Mậu Thân, nhất là từ tháng 11-1968 đến nay, công nhân, lao động miền Nam đã không ngừng đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị. Phong trào đấu tranh này xoay quanh những khẩu hiệu sau đây:

— Chống quyết định tăng giá gạo, chống sa thải, đòi tăng lương, đòi cải thiện điều kiện làm việc, chống các luật phát-xít, đòi tự do hành nghề.

— Chống « binh định cấp tốc », chống bắn phá bừa bãi, đòi quyền dân sinh, dân chủ của công nhân.

— Đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình, đòi Mỹ rút về nước, lật đổ nội các chiến tranh, lập nội các hòa bình, thương lượng nghiêm chỉnh với Mặt trận dân tộc giải phóng.

Phong trào diễn ra khi lẻ tẻ, khi ồ ạt, hết đợt này đến đợt khác, lời cuốn hàng vạn, hàng triệu công nhân, lao động, đánh thẳng vào cơ sở kinh tế, quân sự của Mỹ-ngụy. Chỉ từ tháng 11-68 đến 1-69 đã có hàng ngàn cuộc đấu tranh, hội thảo đòi tăng lương, chống thuế, đòi lật đổ nội các Thiệu-Kỳ, lập nội các hòa bình, thương lượng nghiêm chỉnh với Mặt trận dân tộc giải phóng... liên tục diễn ra ngay tại những sào huyệt của Mỹ-ngụy. Ở Sài-gòn, từ tháng 11-68 đến cuối 12-68, đã có hàng trăm xí nghiệp lớn nhỏ, kể cả hãng và công ty tư bản Mỹ, Đài-loan, Nam Triều-tiên đấu tranh đòi tăng lương, chống sa thải, chống luật 10-68... Cũng tại Sài-gòn, từ đầu 1969 đến 6-69, đã có hàng chục vạn công nhân, lao động thuộc 201 nghiệp đoàn tổ chức nhiều đợt đấu tranh rộng lớn, kéo dài nhiều ngày với khí thế quyết liệt.

Chẳng phải chỉ ở Sài-gòn, mà ở hầu khắp các thành phố, thị xã, thị trấn miền Nam: Đà-nẵng, Biên-hòa, Mỹ-tho, Cần-tho, Sa-đéc, Trà-vinh, Long-xuyên, Châu-đốc, Cà-mau... đều có những cuộc đấu tranh của công nhân. Theo báo *Giải phóng* ngày 1-1-1969 thì từ tháng 12-68, chỗ nào có công nhân là ở đó có những cuộc đấu tranh sôi sục đòi tăng lương, đòi hạ giá sinh hoạt, hủy bỏ luật 10-68... Tại miền Trung-Trung-bộ, hầu hết các thành phố, thị xã đều có những cuộc đấu tranh của công nhân, lao động phản đối việc tăng giá gạo, đòi tăng lương, chống phạt vạ. Tại các đồn điền cao su, công nhân liên tục đấu tranh chống « binh định cấp tốc », chống bắn phá bừa bãi, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Từ

ngày 15 đến 17-12-68, công nhân đồn điền cao su Bà-rịa—Long-khánh liên tục đấu tranh chống « binh định cấp tốc », đòi trả tự do cho hơn 2.000 công nhân bị ngụy quyền Thiệu-Kỳ—Hương bắt giam giữ, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Từ ngày 10—15-1-69, toàn thể công nhân đồn điền cao su Dầu-liếng nhất loạt bãi công và kéo đến trụ sở ngụy quyền quận đòi chúng phải chấm dứt việc bắn phá bừa bãi vào các làng trong đồn điền. Cuộc đấu tranh này được toàn thể công nhân, lao động thị trấn Dầu-liếng ủng hộ, buộc địch phải nhận giải quyết các yêu sách của công nhân.

Nhưng, dồn dập và quyết liệt nhất vẫn là phong trào đấu tranh của công nhân, lao động Sài-gòn—Chợ lớn. Ngay từ đầu năm 1969, bất chấp mọi sự đàn áp, khủng bố của Mỹ-ngụy, 400 công nhân bệnh viện Đồn đất đã dũng cảm dẫn đầu bãi công 7 ngày liền (từ 7—14-1-1969) đòi tăng lương, trả tiền hộ sản cho nữ công nhân, được gần 200 nghiệp đoàn Sài-gòn ủng hộ. Cùng thời gian này, trên 3000 công nhân « Công ty hàng không Việt-nam » bãi công đòi tăng lương, đòi trả tiền lương tháng 13, làm cho các sân bay của địch gần như bị tê liệt. Từ đó, tháng này qua tháng khác, hết đợt này đến đợt khác, phong trào đấu tranh của công nhân lao động Sài-gòn liên tiếp nổ ra trong hàng trăm xí nghiệp lớn, nhỏ và thu hút hàng trăm ngàn công nhân, lao động. Đặc biệt nổi lên cuộc đấu tranh của công nhân thuộc 20 nghiệp đoàn thương cảng Sài-gòn diễn ra sôi nổi, liên tục từ giữa tháng 4-69 mà đỉnh cao của nó là cuộc bãi công ngày 7-5-69 của 5.000 công nhân thuộc nhiều nghiệp đoàn ở các bến tàu Sài-gòn với khẩu hiệu « đả đảo Mỹ ngoan cố ». Cuộc bãi công này đã làm đình trệ toàn bộ công việc vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa quân sự của bọn xâm lược Mỹ và buộc chúng phải hủy bỏ lệnh sa thải 105 công nhân điếm hàng hóa.

Cùng với những cuộc đấu tranh trên, cuộc đấu tranh của 2.000 công nhân xe buýt Sài-gòn chống ngụy quyền giải tán công quản xe buýt diễn ra liên tục từ 29-12-68 đến tháng 10-69, càng làm nổi bật tinh thần đoàn kết, kiên trì đấu tranh, liên tục tiến công địch của giai cấp công nhân miền Nam. Thật vậy, từ tháng 8-69, khi cuộc đấu tranh của công nhân xe buýt bước vào thời kỳ quyết liệt thì hơn 1.000 đại biểu của 118 nghiệp đoàn ở Sài-gòn họp đại hội bất thường kêu gọi toàn thể công nhân sẵn sàng bãi công để ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân xe buýt. Tiếp đó, nghiệp đoàn vận tải thuộc tổng liên

đoàn lao công, nghiệp đoàn xe lam Sài-gòn, nghiệp đoàn công nhân dầu hỏa, hóa phẩm miền Nam; nghiệp đoàn công nhân hãng dầu Et-xo, công nhân hãng giặt là cho bọn Pắc Chung Hy, hãng Si-li-cô, nghiệp đoàn bến tàu Sài-gòn, hàng ngàn công nhân kho tồn trữ Thủ-đức, công nhân viên chức bệnh viện Đồn-đất, công nhân hãng đèn pin « Quảng-ninh », công nhân bốc vác gạo ở Chợ lớn, công nhân hãng thuốc là Mi-tắc, công nhân, viên chức cơ quan viện trợ Mỹ USAID, công nhân xe lửa Sài-gòn... nối tiếp nhau đấu tranh chống Mỹ-ngụy, tạo thành một thế trận rộng lớn, đánh địch ở khắp nơi, mọi chỗ, buộc địch phải giải quyết những yêu sách của công nhân xe buýt (1).

Ngày 23-10-1968, Thiệu-Kỳ-Khiêm công bố quyết định tăng thuế « kiễm ước » từ 100—600% đánh vào hơn 1.500 mặt hàng. Hành động ăn cướp này đã xâm phạm nghiêm trọng đến đời sống hàng ngày của mọi tầng lớp nhân dân thành thị và những vùng còn tạm thời bị Mỹ ngụy kiểm soát. Trong tình hình đó, giai cấp công nhân miền Nam lại là người đầu tiên phát cao ngọn cờ đấu tranh đòi hủy bỏ việc tăng thuế, tăng giá hàng. Tại Sài-gòn, ngay sau khi có tin ngụy quyền tăng thuế « kiễm ước », 30.000 đoàn viên thuộc Liên đoàn công nhân vận tải đấu tranh đòi hủy bỏ lệnh tăng thuế và sẵn sàng bãi công nếu yêu sách này không giải quyết. 118 nghiệp đoàn thuộc Liên hiệp nghiệp đoàn Sài-gòn, nghiệp đoàn xe lam, xích-lô, nghiệp đoàn dầu lửa và hóa phẩm Việt-nam, nghiệp đoàn công nhân hàng không Việt-nam, Liên đoàn công nhân Si-cô-vi-chi, công nhân ngành điện và các hãng dầu Et-xo, Sen, Can-têch... liên tục đấu tranh chống Thiệu-Kỳ-Khiêm tăng thuế « kiễm ước », tăng giá hàng... Phong trào chống thuế « kiễm ước » bắt đầu từ các cuộc đấu tranh của công nhân lan ra các tầng lớp nhân dân khác ở Sài-gòn, phát triển đến các thành phố, thị xã, thị trấn và nhiều vùng còn tạm thời bị địch kiểm soát, tạo thành một mặt trận rộng rãi chống Mỹ-ngụy.

Nói tóm lại, từ đầu xuân Mậu thân đến nay, bất chấp mọi sự khủng bố, đàn áp, chia rẽ của Mỹ-ngụy, giai cấp công nhân miền Nam đã liên tục vùng lên, nổi dậy đều khắp, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, diệt ác, phá kim, làm chủ phố phường, làng xã; xây dựng chính quyền cách mạng, đưa chiến tranh du kích vào tận sào huyệt của Mỹ-ngụy, làm rối loạn thương xuyên hậu phương của chúng, đẩy chúng lún sâu vào thế bị động về chiến lược. Liên hiệp công

đoàn giải phóng miền Nam Việt-nam đã khẳng định rằng: « Phong trào đấu tranh của công nhân và lao động miền Nam trong 4 năm qua, đặc biệt trong những tháng tổng tiến công và nổi dậy vừa qua đã làm cho chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ thất bại, kế hoạch hai gọng kìm tìm diệt và bình định bị phá sản, kế hoạch phòng ngự chiến lược bước đầu thất bại, ý chí xâm lược bị lung lay, bộ mặt bán nước của bọn tay sai đã phơi bày nhục nhã và trở trên trước nhân dân nước ta và nhân dân thế giới » (2).

3.— **Giương cao ngọn cờ dân tộc, nêu cao chân lý « Không có gì quý hơn độc lập tự do »...**

Sống dưới chế độ tàn bạo của Mỹ-ngụy, đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là công nhân, lao động vô cùng điêu đứng. Như trên đã nói, chưa lúc nào đời sống của công nhân, lao động ở các thành thị miền Nam lại cơ cực như lúc này. Sức lao động của người công nhân bị vắt đến cùng cực mà vẫn không đủ sống vì đồng lương rẻ mạt, giá sinh hoạt tăng lên vùn vụt, nạn sưu cao, thuế nặng, thất nghiệp thường xuyên đe dọa. Đó đó, đấu tranh đòi tăng lương tương đương với giá sinh hoạt, đòi cải thiện điều kiện làm việc, chống sa thải, chống thuế, chống luật phát-xít... đã trở thành yêu cầu bức thiết của công nhân, lao động và nhân dân các thành thị miền Nam hiện nay.

Chẳng phải đến bây giờ, mà ngay từ những năm trước đây, phong trào công nhân, lao

(1) Công quân ô-tô buýt còn gọi là công quân chuyên chở công cộng đô thành. Từ trước tới nay do ngụy quyền nắm. Những năm gần đây, đề tăng cường bóc lột công nhân và âm mưu quân sự hóa công quân, bọn ngụy đưa tên trung tá Trần Thiện Thành, sĩ quan mật vụ ngành an ninh quân đội làm quân đốc. Theo lệnh Mỹ, tên này bắt công nhân tập hợp bất thành linh theo lối nhà binh. Công nhân xe buýt đã liên tiếp đấu tranh không mặc đồng phục, không tập quân sự, đòi tăng lương, đòi tổng cổ tên Thành ra khỏi công quân... Hoảng hốt trước phong trào công nhân, ngày 24-12-68, Trần Văn Hương ký sắc lệnh 74 giải tán các công quân xe buýt. Âm mưu này nhằm trong âm mưu « phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh », phục vụ chính sách độc quyền vận tải của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ, Nhật tại Sài-gòn.

(2) Lời kêu gọi của Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam nhân ngày giỗ lần thứ 4 của liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi.

động miền Nam đòi quyền dân sinh, dân chủ diễn ra sôi nổi, quyết liệt (1). Từ đầu năm 1968, nhất là từ tháng 11-68, phong trào này phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy (2).

Trải qua quá trình đấu tranh quyết liệt chống kẻ thù Mỹ — ngụy, đòi quyền dân sinh, dân chủ, giành quyền sống hàng ngày, giai cấp công nhân miền Nam càng thấm thía rằng: «Giai cấp công nhân Việt-nam không thể được giải phóng trước hết dân tộc Việt-nam chưa được độc lập» (3); rằng: «Chỉ có con đường vùng lên khởi nghĩa, đánh Mỹ, lật đổ ngụy quyền để cứu mình, cứu nước, cứu giai cấp thoát khỏi cơn nước sôi lửa bỏng thì mới có đời sống tự do, cơm áo, hòa bình và hạnh phúc thật sự» (4). Vì vậy, họ không ngừng giương cao ngọn cờ dân tộc, nêu cao chân lý «không có gì quý hơn độc lập tự do». Đồng chí Lê Duẩn đã viết: «Ngày nay, với ý thức giai cấp đầy đủ và giác ngộ về vai trò lịch sử của mình, giai cấp công nhân Việt-nam là người nắm vững và giương cao ngọn cờ dân tộc một cách kiên quyết nhất. Hồ Chủ tịch nói: «Không có gì quý hơn độc lập tự do». Lời kêu gọi vang dội núi sông đó của Hồ Chủ tịch là kết tinh truyền thống chống ngoại xâm và ý chí tự lập, tự cường của nhân dân ta hàng ngàn năm về trước và là lập trường không gì lay chuyển nổi của nhân dân ta trong cuộc quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Đó cũng là lập trường của giai cấp công nhân Việt-nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay» (5). Điều văn của đại biểu Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam tại buổi lễ truy điệu Hồ Chủ tịch ngày 8-9-1969, có đoạn viết: «Bị chế độ thống trị áp bức, bóc lột hết sức dã man, chúng cháu thấm thía sâu sắc lời dạy của Bác: «Không có gì quý hơn độc lập, tự do». Chúng cháu nguyện trọn đời đi theo con đường Bác đã vạch ra, kiên quyết thực hiện lời kêu gọi đầy khí phách hiên ngang của Bác: «hễ còn bóng một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi» để giành lấy độc lập, tự do, giành lấy quyền sống ấm no, hạnh phúc cho mình như Bác hằng hoài bão». Đó cũng chính là lập trường, là ý chí sắt đá của giai cấp công nhân miền Nam hiện nay.

Đứng vững trên lập trường đó, từ đầu xuân Mậu thân đến nay, hàng triệu công nhân, lao động ở khắp các đô thị, đồn điền miền Nam, với một niềm hân hoan phấn khởi chưa từng thấy, người người, lớp lớp đứng dậy, xông lên quyết chiến, quyết thắng với quân thù, như đã nói ở phần trên.

Đứng vững trên lập trường đó, giai cấp công nhân miền Nam đã và đang hướng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu, trước mắt của dân tộc, giai cấp là Mỹ—ngụy. *Dù trên mặt trận dân sinh, dân chủ, dù với qui mô to hay nhỏ, mũi nhọn của cuộc đấu tranh luôn luôn chĩa thẳng vào Mỹ—ngụy, vào chính sách tăng cường chiến tranh xâm lược của chúng. Tùy từng nơi, từng lúc, theo yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, các khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giá sinh hoạt, chống sa thải... được kết hợp chặt chẽ với các khẩu hiệu chính trị nhất định. Nếu những năm trước đây, các khẩu hiệu đòi quyền dân sinh, dân chủ gắn chặt với khẩu hiệu đòi Mỹ—ngụy phải tôn trọng hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đòi hòa bình thống nhất đất nước, đòi tôn trọng chủ quyền của người Việt-nam, chống chế độ độc tài, chống chiến tranh xâm lược, thì từ tháng 11-68 đến nay, các khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giá sinh hoạt, chống sa thải, chống luật phát-xít, được kết hợp chặt chẽ với khẩu hiệu đòi chấm dứt chiến tranh, vẫn hồi hòa bình, đòi Mỹ rút về nước, lật đổ nội các chiến tranh, lập nội các hòa bình, đòi nghiêm chỉnh nói chuyện với Mặt trận dân tộc giải phóng. Bởi vì, lúc này đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược, vẫn hồi hòa bình, đòi Mỹ rút về nước, đòi lật đổ nội các chiến tranh, lập nội các hòa bình, chẳng những là yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, mà còn là nguyện vọng tha thiết nhất của mọi tầng lớp nhân dân miền Nam. Do đó, giai cấp công nhân miền Nam — những người đang giương cao ngọn cờ dân tộc độc lập và hòa bình — đã gắn chặt phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ với phong trào đòi lật đổ ngụy quyền Thiệu—Kỳ—Khiêm, đòi*

(1) Chỉ trong 2 tháng đầu năm 1966 đã có 500 000 công nhân, lao động của hơn 100 xí nghiệp ở Sài-gòn, Gia-định, Biên-hòa, Rạch-giá, Chu-lai bãi công đòi tăng lương.

(2) Đã trình bày ở phần trên.

(3) Bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn tại Đại hội thanh niên quyết thắng toàn quân 18-5-66.

(4) Lời kêu gọi của Liên hiệp Công đoàn giải phóng Sài-gòn — Chợ-lớn — Gia-định ngày 5-5-68.

(5) Vai trò của giai cấp công nhân Việt-nam và nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn trước mắt — Nhà xuất bản Sự thật in lần II 1-1968, tr. 44.

hòa bình, đòi Mỹ rút về nước. Ở Sài-gòn, trong cuộc họp ngày 8-12-68 của ban chấp hành Liên hiệp các nghiệp đoàn tự do cùng hội đồng quản trị các xí nghiệp bán biện pháp đấu tranh đòi tăng lương, các đại biểu công nhân lên tiếng đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình. Ở Huế, đầu tháng 11-68, nhiều nhóm công nhân nhà đèn đã tổ chức mạn đàm ngay tại công sở và truyền tay nhau những tờ truyền đơn in lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tuyên bố của Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng ngày 4-11-1968. Ở Cần-thơ, ngày 4-12-1968, trên 1 vạn công nhân, lao động và đồng bào thị xã xuống đường biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình. Ở thị xã Bạc-liêu, chỉ trong hai ngày 12, 13-3-1969, công nhân và lao động đã phối hợp với các tầng lớp nhân dân trong thị xã mở 15 cuộc hội thảo sôi nổi đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh, lập nội các hòa bình, thương lượng nghiêm chỉnh với Mặt trận dân tộc giải phóng. Đặc biệt là trong ngày 1-5-1969, bắt chước luật 10-68 và lệnh của ngụy quyền Thiệu-Kỳ cấm tổ chức ngày Quốc tế lao động, 500 đại biểu của 123 nghiệp đoàn ở khắp Sài-gòn-Chợ-lớn và các nơi khác đã vạch trần tính chất lừa bịp trong thông điệp ngày 1-5 của Nguyễn Văn Thiệu, vạch mặt tên cò mồi Trần Quốc Bửu và bọn tay sai Mỹ-ngụy lên lời vào các tổ chức nghiệp đoàn, đòi tự do nghiệp đoàn, chống luật 10-68, chống lệnh bắt công nhân 43 tuổi đi lính, đòi hòa bình, đòi lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam Bắc... Ở miền Trung Nam-bộ, trong những ngày đầu tháng 5-79, trên 1 vạn công nhân, lao động các nhà máy, bến xe, bến tàu tại các thị xã Mỹ-tho, Bến-tre, Long-xuyên, Châu-đốc đã xuống đường đấu tranh chống đuổi nhà, cướp đất, đòi hòa bình. Ở miền Tây Nam-bộ, nhiều cuộc đấu tranh diễn ra trên qui mô lớn, như cuộc đấu tranh của 20.000 lao động và nhân dân thị xã Rạch-giá ngày 15-4-1969 đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống các tổ chức phản động, đòi lật đổ Thiệu-Kỳ-Hương, lập nội các hòa bình; cuộc đấu tranh của 600 công nhân làm việc ở 27 xưởng máy, bến tàu, hiệu buôn tại Vĩnh-long nổ ra liên tiếp trong 21 ngày đầu tháng 5-69 đòi tăng

lương, cải thiện đời sống, đòi hòa bình. Đáng chú ý là, trong nhiều cuộc đấu tranh, giai cấp công nhân miền Nam đã lôi kéo được cả binh lính, cảnh sát ngụy quyền cùng tham gia, như ở Mỹ-tho ngày 24-12-1968, 13.000 công nhân, lao động, học sinh, sinh viên và cả binh lính, cảnh sát ngụy xuống đường biểu tình đòi hòa bình và gạo...

Gần đây, trong khi giương cao khẩu hiệu hiệu đấu tranh chống Thiệu-Kỳ-Khiêm tăng thuế "kiếm uớc", tăng giá hàng, đòi các quyền lợi cấp bách về đời sống, giai cấp công nhân miền Nam vẫn không ngừng *gắn chặt các khẩu hiệu đấu tranh này với các khẩu hiệu đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình, đòi Mỹ rút về nước, lật đổ nội các Thiệu-Kỳ-Khiêm, lập nội các hòa bình*. Ngày 11-11-1969, trước thủ đoạn tăng thuế và tăng giá hàng của ngụy quyền Sài-gòn, Liên hiệp công đoàn giải phóng miền Nam Việt-nam ra lời kêu gọi công nhân, lao động miền Nam «hãy tăng cường đoàn kết thành một khối chặt chẽ, đề cao tinh thần cảnh giác với mọi âm mưu xảo quyệt của địch, đẩy mạnh đấu tranh đòi ngụy quyền Thiệu-Kỳ-Khiêm phải hủy bỏ biện pháp tăng thuế, kiên quyết đòi các quyền lợi cấp bách khác...» và «Hãy phối hợp chặt chẽ với phong trào của các tầng lớp nhân dân khác ở thành thị, làm nòng cốt và đi đầu trong *mặt trận đấu tranh chung đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ kết hợp đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình, đòi quân Mỹ rút hết về nước, đòi lật đổ Thiệu-Kỳ-Khiêm, đòi thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời*».

Có thể nói chưa lúc nào, phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam đòi quyền dân sinh, dân chủ lại kết hợp chặt chẽ với việc đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình, đòi Mỹ rút về nước, lật đổ Thiệu-Kỳ-Khiêm, lập nội các hòa bình, nghiêm chỉnh thương lượng với Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam như hiện nay. Chính điều này càng làm nổi bật vai trò tiên phong, nòng cốt của giai cấp công nhân miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

(Còn nữa)

NGUY QUYỀN SÀI-GÒN TỪ MÙA XUÂN 1968 ĐẾN NAY

(Tiếp theo)

QUYNH CƯ

II — MÀU THUẦN TRONG NỘI BỘ NGUY QUYỀN SÀI-GÒN NGÀY Càng QUYẾT LIỆT

NHƯ trong các số *Nghiên cứu lịch sử* 113 và 117 ra năm 1968 chúng tôi đã có dịp trình bày, vì sao ngụy quyền Thiệu — Kỳ được Mỹ dựng lên từ giữa năm 1965 tuy không trải qua những cuộc đảo chính dẫn đến thay đổi bọn tay sai, nhưng nó không phải là một chính quyền ổn định, chưa bao giờ ổn định. Chúng tôi cũng đã có dịp trình bày, trong những cuộc xung đột giữa các thế lực tay sai Mỹ, phái tướng già xem như một hiệp sĩ đã bị quật ngã, một số thế lực phái tướng trẻ đang cầm quyền đã phải tha phương cầu thực nơi quê người và hầu hết bọn chính khách dân sự có máu mặt đành phải ôm mối hận của kẻ xa cơ lỡ vận. Cho nên, xét mâu thuẫn trong nội bộ ngụy quyền Sài-gòn từ sau mùa xuân năm 1968 đến nay chính là xét mâu thuẫn giữa hai thế lực tay sai đầu sỏ Thiệu và Kỳ.

Cũng trong những lần trước chúng tôi đã cắt nghĩa : vì sao trước đợt bầu cử chánh, phó tổng thống hồi tháng 9-1967, Kỳ thắng thế và vì sao sau đó, kẻ bị Kỳ « nốc ao », sắp phải « đo ván » như Thiệu, bỗng dưng lại được Mỹ cho làm tổng thống và ở thế cuối lên đầu Kỳ. Giữa lúc Thiệu và Kỳ đang chạy đua chặt vạy cánh của nhau đi đến lột da nhau, thì cuộc tổng tiến công của quân và dân miền Nam đã nổ ra. Và, kéo theo thất bại khủng khiếp chưa từng thấy của Mỹ — nguy là mâu thuẫn quyết liệt chưa từng thấy giữa hai thế lực tay sai Thiệu và Kỳ.

Theo dõi diễn biến mâu thuẫn giữa Thiệu và Kỳ từ mùa xuân năm 1968 đến nay ta có thể chia ra làm hai giai đoạn : giai đoạn Kỳ phản công Thiệu, giành được một số thắng lợi và giai đoạn Thiệu tước thế lực của Kỳ, biến Kỳ thành bù nhìn của Thiệu.

1 — Lợi dụng tình trạng Sài-gòn hỗn loạn, Nguyễn Cao Kỳ và tay chân âm mưu quật đồ Thiệu :

Ngay khi tiếng súng tổng tiến công của quân, dân miền Nam vừa nổ, Thiệu lúc đó ở Đà-lạt lại trông quân của Kỳ làm đảo chính. Thiệu càng tin điều đó vì liên lạc của hắn về Sài-gòn bỗng dưng bị cắt đứt. Thiệu sợ đến nỗi, mấy ngày sau, nói đúng hơn là khi Bàn cơ cho người lên tìm Thiệu đưa Thiệu về, Thiệu mới hoàn toàn vỡ lẽ.

Câu chuyện mang màu sắc tiểu lâm này là triệu chứng báo trước cuộc đụng độ không thể gián xếp được giữa Thiệu và Kỳ, đồng thời là tiền đề tỏ rõ sự thất thế của Thiệu trong cuộc tranh chấp quyết liệt.

Thật vậy, lợi dụng lúc Thiệu vắng mặt ở Sài-gòn, lúc bộ máy chiến tranh của Bàn-cơ và Oét-mo-len còn đang nháo nhác, Kỳ đã chớp lấy cơ hội lập ra tổ chức gọi là « Ủy ban tái thiết quốc gia » do hắn làm chủ tịch và xúc tiến mở đại hội, tạo uy tín cá nhân, lảng nhục việc Thiệu chạy trốn để tập hợp vạy cánh. Thấy được âm mưu đó, vừa trở lại

Sài-gòn, Thiệu đã cho bắt ngay một số tay chân của Kỳ trong « Ủy ban tái thiết quốc gia », đồng thời cho bộ hạ lập ra « liên minh lực lượng tự do dân chủ » để lấn át tổ chức của Kỳ. Đều quặt lại, một mặt Kỳ từ chức chủ tịch ủy ban tái thiết quốc gia, sai tay chân hoạt động chống Thiệu, mặt khác, Kỳ xúc tiến lập ra tổ chức mới gọi là « Mặt trận liên minh chống cộng cứu nguy dân tộc ».

Bằng liên minh dù chẳng bền chặt ấy, Kỳ đã tạo được thế mạnh, ít ra là trong lúc Thiệu còn đang « cố gắng một cách muộn mằn để lập ra một nhóm chính trị riêng » (1) khiến cho phe cánh Thiệu bị thất thế. Chính vì vậy, ngày 27-2-1968, Kỳ đã buộc Thiệu phải cách chức Vĩnh-lộc, tư lệnh quân đoàn 2, Nguyễn Văn Mạnh, tư lệnh quân đoàn 4 để đưa Lữ Mộng Lan và Nguyễn Đức Thắng, người của Kỳ lên thay. Đồng thời Kỳ cũng gấp rút vận động đa số quốc hội bỏ nhìn bác bỏ việc Thiệu tự tăng thêm quyền hành và đòi Thiệu cách chức một số tướng khác.

Rõ ràng là trong cuộc chạy đua củng cố lực lượng nhằm quật đổ nhau này « người của Kỳ đã tranh được quả bóng và đang giành nước rút » (2). Nói rõ hơn, Kỳ đã từ thế yếu chuyển sang thế mạnh để tổ chức phản công Thiệu và đạt được một số thắng lợi.

Tuy nhiên, trước tình thế Mỹ thua đã rõ ràng, đòi hỏi Mỹ không thể sử dụng một tên tay sai hung hăng, hiếu chiến và dốt nát về chính trị như Kỳ. Ngược lại, trong tình trạng cả cơ cấu chính trị của bộ máy tay sai bị rối loạn, tan rã, nguy quân đảo ngũ từng mảng, Mỹ cần một tên tay sai lý lượng, ít nhiều khôn ngoan. Lý do đó khiến Thiệu tuy yếu thế sau tết Mậu-thân, nhưng được Mỹ bảo vệ nên dần dần Thiệu lại nổi lên.

2. Thiệu được Mỹ ủng hộ đã lần lượt tước hết vây cánh của Kỳ.

Như trên chúng ta đã thấy, vì được Mỹ bảo vệ, ủng hộ, Thiệu dù đuối thế nhưng đã chặn được việc Kỳ định đưa Trần Văn Đôn lên làm thủ tướng, trên cơ sở đó, dùng thế mạnh trong quốc hội để quật đổ hắn. Cố nhiên, sau khi tránh được những đòn hiểm của nhau, hai tên tay sai có thế lực này đã thực sự coi nhau là thù địch và chúng lao đầu vào cuộc chạy đua thừa sống thiếu chết, quyết tìm cách diệt nhau. Đầu tháng 3-1968, sau khi đã lấy lại được thế đứng, Thiệu và phe cánh liền tổ chức những cuộc phản công nhằm tước dần vây cánh của Kỳ. Trước hết, tên tay sai có kinh nghiệm đề ngai lên sau những biến

động lớn trên sân khấu chính trị Sài-gòn Nguyễn Văn Thiệu rất chú ý và có ý thức về quyền hạn của mình. Vì vậy, mượn cơ hội phó với « cộng sản », cần tra cho tổng thống những quyền hành khẩn cấp, ngày 1-3-1968, mặc dù bị quốc hội phản đối, Thiệu ngang nhiên ra sắc lệnh đặt các viên tỉnh trưởng phải trực tiếp chịu quyền kiểm soát của Thiệu chứ không thông qua các viên chỉ huy ở các vùng chiến thuật như trước, đồng thời chuẩn bị lập « hội đồng tư vấn của tổng thống », nhằm tước bớt quyền hạn của Kỳ và Lộc. Một tuần sau, mặc dù bị Kỳ kịch liệt phản đối, Thiệu cũng đã ký sắc lệnh « tước bỏ phần quyền hạn về hành chính và dân sự của 4 viên tư lệnh quân đoàn », trong đó 3 người thuộc phe Kỳ. Đặc biệt trong tháng 3-1968, Thiệu đã dẫm lên đầu Kỳ, trắng trợn cách chức gần một trăm tỉnh trưởng, và quận trưởng dưới chiếu bài chống « tham nhũng », « bất lực » mà thực chất là diệt tay chân của Kỳ ; đồng thời, Thiệu còn định triệu Trần Thiện Khiêm, bạn thân của Thiệu, giao cho Khiêm một chức vụ quan trọng. Kế đó ngày 9-5-1968, Thiệu kêu gào cải tổ nội các bỏ nhìn và gấp rút tìm « cộng sự viên », nhằm thành lập một nội các mới hoàn toàn do Thiệu nắm.

Đó là đòn thứ nhất, tuy chưa phải đau nhất Thiệu giáng vào đầu Kỳ. Rõ ràng, bằng một loạt hành động có tính toán, nhằm tạo cho mình những quyền hạn lớn. Thiệu đã dần được thế trận, dọn đường cho một đòn đau hơn, quyết định hơn. Còn Kỳ, chưa thấy Kỳ dần trận, chỉ thấy hần hết gặp Loan rồi lại gặp Khang. Cũng có thể tên vô biên này cho rằng có quân của tướng Khang, có cánh sát của tướng Loan ủng hộ là đủ. Cho đến khi nhận thấy trong cái cớ rồi thâm hiểm nhưng lộ rõ sự ngạo nghễ, thách thức của Thiệu, Kỳ chú ý đến « sư đoàn sinh viên phòng vệ thủ đô », cho tay chân nắm một số đơn vị, đề nếu cần, dùng thêm vào việc đảo chính lật Thiệu.

Rồi, bỗng ngày 18-5-1968, ngoài sự tính toán của Kỳ, Thiệu đã tiến hành lật đổ Nguyễn Văn Lộc và cả cải tổ nội các tập hợp nhiều vây cánh của Kỳ, đề đưa Trần Văn Hương, địch thủ lợi hại của Kỳ, lập nội các bỏ nhìn mới. Tiếp đó, ngày 25-5-1968, thừa hành lệnh Thiệu, Hương đã gạt ra khỏi nội các một loại tay chân của Kỳ như: tướng Nguyễn Bảo Trị, bộ trưởng phát triển nông thôn và binh định ; Nguyễn Xuân Phong, bộ trưởng chiêu hồi ;

(1) AP : 28-5-1968

(2) AFP : 22-5-1968

Phó Bá Long, bộ trưởng lao động, và tướng Linh Quang Viên, bộ trưởng nội vụ. Như vậy trong tân nội các chỉ còn tướng Nguyễn Văn Vĩnh, bộ trưởng quốc phòng là người của Kỳ.

Đây là đòn thứ hai, khá hiểm hóc của Thiệu để tước tay chân của Kỳ ở nội các. Bằng miếng đòn này, Thiệu đã giành được thắng lợi quyết định trong việc chặt vây cánh của Kỳ. Đòn đó làm cho Kỳ choáng váng và hấn đã điên cuồng chống Thiệu, dọa làm đảo chính lật Thiệu, đồng thời chửi cả chủ! Ngày 28-5-68, Kỳ nổi khùng: «Họ (Mỹ —) ở đây không phải để làm thầy chúng ta» (1). Trước đó, khi bỏ ra Nha-trang hội họp với một số tướng bàn chuyện làm đảo chính, Kỳ cũng đã từng chửi: «Không còn nghi ngờ gì nữa trong những nhà lãnh đạo của chúng ta có một bầy nô lệ. Chúng ta phải gạt ra khỏi đất nước những lũ phản bội và những tên tôi tớ cho nước ngoài». Nếu cần phải tiêu diệt chúng thì tôi sẽ làm. Tôi sẵn sàng dùng máu lửa để lật đổ hết» (2).

Một lần nữa Kỳ dọa làm đảo chính nhưng quân của các tướng Khang, Loan, bộ hạ thân tín của Kỳ, vẫn tay án binh bất động. Và chẳng, một tên tay sai lọc lõi, thạo nghề cướp giật danh vọng, hiểu được đối phương của mình như Thiệu, hấn đâu có dễ sợ cuộc đảo chính mồm của Kỳ.

Vì vậy, diệt xong đám bộ hạ của Kỳ trong nội các, Thiệu tiếp tục giáng một đòn thứ ba rất hiểm hóc, nhằm vào những bộ hạ có thể lực nhất của Kỳ. Sự việc diễn ra theo sự xếp đặt khéo léo, dường như cả êm thấm nữa.

Ngày 2-6-1968, một loạt 6 sĩ quan cấp tá có thực quyền bỗng dưng bị máy bay Mỹ phóng rốc-két giết chết trên đường Phù-đồng.

Phải chăng đây là vụ bắn lầm ngẫu nhiên? Người ta không tin điều đó vì đám sĩ quan này hoàn toàn là tay chân của Kỳ. Và lại, hậu quả đưa tới không phải là ai khác mà chính là Lê Nguyên Khang, bạn rất thân của Kỳ, cái vốn cho Kỳ làm đảo chính, người giữ nhiều chức vụ có thực quyền (2) phải chịu trách nhiệm về cái chết của đồng bọn và bị gạt khỏi hai chức: tư lệnh quân đoàn 3, tư lệnh biệt khu Sài-gòn — Gia-định. Ngay ngày hôm sau (7-6-1968) trong lúc tướng Nguyễn Văn Minh đến nhận chức tư lệnh biệt khu Sài-gòn — Gia-định, thì một loạt tay chân đặc lực khác của Kỳ như chuẩn tướng Nguyễn Ngọc Loan tên trùm cảnh sát, cánh tay phải của Kỳ và đại tá Văn Văn Cửa, em rể Loan, đó trưởng Sài-gòn, bị mất chức nhường chỗ cho Đại tá Trần Văn Hai và đại tá Đỗ Kiến

Nhiều, người của Thiệu lên thay. Ấy là chưa kể hàng loạt quân trưởng cảnh sát, tay chân của Kỳ cũng lần lượt bị mất chức. Ít lâu sau, Nguyễn Đức Thắng, tên trùm binh định, vừa được phong tư lệnh quân đoàn 4, vốn là bộ hạ của Kỳ, cũng bị mất chức nhường chỗ cho Nguyễn Văn Là vừa được Thiệu phong trung tướng lên thay.

Sau khi chặt trụi vây cánh của Kỳ, Thiệu tiến tới tước quyền hành của chính bản thân Kỳ. Ngày 13-6-1968, Kỳ đã phải đau xót từ chức «chủ tịch ủy ban phòng vệ dân sự», chức vụ cuối cùng có ảnh hưởng của Kỳ.

Cho đến lúc này, có thể nói phe cánh của Kỳ đã hoàn toàn bị đánh bại. Mặc dù Kỳ còn là phó tổng thống, nhưng vây cánh đã bị chặt trụi và quyền hành có chăng cũng chỉ bó hẹp trong phạm vi những việc hiếu hỷ, tổ chức các buổi lễ lạc vô thưởng vô phạt. Nói cách khác, từ đây số phận của Kỳ cũng chỉ như những chính khách dân sự mà hoạt động của họ giống như những tên bù nhìn của Nguyễn Văn Thiệu.

Đến đây một vấn đề đặt ra: tại sao một tên tướng hung hăng có nhiều vây cánh như Kỳ đã bị Thiệu đè bẹp một cách nhanh chóng như thế?

Mọi người đều biết cho đến lúc nội các Nguyễn Văn Lộc bị lật đổ, lực lượng Kỳ còn rất mạnh. Ít nhất Kỳ cũng còn nắm chắc được 2 quân đoàn 3 và 4, có được mấy sư đoàn túc trực ở Sài-gòn của tướng Lê Nguyên Khang, chưa kể cánh tay đặc lực của Kỳ là Nguyễn Ngọc Loan, Văn Văn Cửa nắm trong tay tất cả lực lượng cảnh sát, sẵn sàng theo lệnh Kỳ làm đảo chính lật Thiệu. Cũng không phải Kỳ không có ý định làm một cuộc đảo chính. Mọi người đều biết, cứ mỗi đòn của Thiệu, Kỳ đều dọa làm đảo chính. Ví như ngày 24-6-1968, Kỳ đã tuyên bố: «Tôi có thể lật đổ chính phủ này bất cứ lúc nào, nếu tôi muốn» (3) hoặc khi trả lời phỏng vấn của hãng UPI, Kỳ đề lộ: «một số người gặp tôi và cố thuyết phục tôi làm một điều gì đó (làm đảo chính lật Thiệu — QC), hoặc chỉ yêu cầu tôi bật đèn xanh cho họ tự làm lấy. Những người có cả trong giới quân sự và dân sự. Nếu tôi chọn cách chống đối thì tôi có thể lật đổ ông ta (Nguyễn Văn Thiệu — QC). Lật một cách thật dễ dàng. Người ta không cần

(1) AP: 28-5-1968.

(2) AFP: 22-5-1968.

(3) AP: 24-6-1968

nhiều thứ. Ở Mỹ, ông đã thấy hai anh em Ken-nơ-đi đó» (1).

Cứ như Kỳ nói thì dường như hẳn không thềm làm đảo chính và làm đảo chính lật đổ Thiệu đối với hẳn quá dễ dàng. Thế nhưng sự thật không hoàn toàn như vậy. Mọi người còn nhớ khi tướng Nguyễn Đức Thắng, bộ hạ cuối cùng có thực quyền của Kỳ bị Thiệu thanh trừng, Kỳ đã gào lên: «Sẽ phải sống mãi một phen cho rồi» (2), và Kỳ đã tổ chức một cuộc điều quân mà người Sài-gòn thấy rõ hẳn định làm đảo chính. Cũng vì vậy, mặc dù nhiều lần Thiệu cười mỉa trước lời dọa dẫm của Kỳ, nhưng thực tâm không phải không có lúc Thiệu sờn gai ốc. Vì như, trong suốt mấy tháng trước vây cánh Kỳ, Thiệu thường xuyên đề bên nhà hẳn «một máy bay lên thẳng luôn luôn sẵn sàng bay» và cho lực lượng an ninh của hẳn «theo dõi chặt hành tung của Kỳ và người của Kỳ» (3) Chính Thiệu cũng đã phải hoãn đi hoãn lại mấy lần đi Mỹ vì «Thiệu sợ khi trở về sẽ thấy sân bay đóng cửa không cho Thiệu đỗ xuống» (4).

Chúng ta thấy rõ, Thiệu sợ Kỳ làm đảo chính và nỗi lo sợ ấy là có lý. Nó có lý vì Kỳ vốn là một tên tướng hung hăng lại có trong tay lực lượng quân sự mạnh. Tương tự như thế, không phải Kỳ đã không giẫy gụa và không có sức giẫy gụa. Nhưng cuối cùng phải bầm gan tím ruột, phải chịu một nỗi nhục để đời mà Kỳ không dám động đến chiếc lông chân của Thiệu. Lý do rất đơn giản: đó là ý muốn là mệnh lệnh của chủ Mỹ. Nhưng vì sao Mỹ lại ủng hộ Thiệu, tước quyền hành của Kỳ? Chúng ta có thể cắt nghĩa bằng mấy nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, con bài Nguyễn Cao Kỳ không còn có tác dụng trong lúc cuộc chiến tranh cục bộ của Mỹ đã thất bại toàn diện.

X

Mọi người đều nhớ rằng, để dọn đường cho việc Mỹ «đưa đại quân vào trực tiếp tham chiến, từ cuối năm 1961, trong số những tên tướng trẻ bất trị được đưa lên sân khấu chính trị Sài-gòn, Kỳ là một trong những tên được Mỹ chú ý bồi dưỡng, tin dùng và được quảng cáo nhiều nhất. Chính Mỹ đã đưa Kỳ lên làm thủ tướng; thậm chí còn định cho Kỳ làm tổng thống. Sở dĩ như vậy vì khi Mỹ đẩy cuộc chiến tranh cục bộ lên đến mức cao nhất chúng cần một tên tay sai hung hăng, hiếu chiến và hết lòng ủng hộ đường lối mở rộng chiến tranh của chúng. Trong hoàn cảnh đó, Kỳ nổi bật ở tính cao bồi, hiếu chiến rất hợp với cách chỉ huy chiến tranh của Mỹ. Chúng ta không

lấy làm lạ rằng hành động liều lĩnh dám lái máy bay phản lực ra oanh tạc miền Bắc của Kỳ được Mỹ hết lời tâng bốc và coi đó là hành động «anh hùng».

Nhưng lúc này, ý chí xâm lược của Mỹ đã lung lay: Từ chỗ chúng tưởng có thể đè bẹp nhân dân miền Nam bằng đội quân xâm lược khổng lồ đến chỗ chúng thấy không thể thắng được và cuối cùng phải ngừng oanh tạc miền Bắc vô điều kiện, phải nhận ngồi nói chuyện hòa bình với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam thì tính hung hăng, hiếu thắng của Kỳ từ chỗ là một ưu điểm nay trở thành một nhược điểm không thể sử dụng được. Còn Thiệu, tuy cũng là phần tử hiếu chiến, nhưng tính nham hiểm, phần nào chín chắn, đặc biệt là sự ngoan ngoãn rất mực đối với chủ, nên được Mỹ tin dùng. Nói cho cùng, vì cuộc chiến tranh đang thất bại, vì âm mưu phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, là lý do sâu xa khiến cho Mỹ mượn tay Thiệu để tước quyền hành của Kỳ.

Thứ hai, khi được chủ tin dùng, Kỳ tỏ ra quá kiêu căng tự phụ và đã đi quá xa con đường Mỹ muốn. Đặc biệt, sự dốt nát về chính trị của Kỳ không thể là con bài Mỹ cần trong lúc chúng đã thua về quân sự nhưng cần lừa bịp về chính trị.

Ngay khi mới đưa Kỳ lên sân khấu chính trị Sài-gòn, trong lúc Giôn-xơn đang nói về «dân sự», an ủi bọn «chính khách dễ che đậy chế độ quân phiệt thì vì cuồng vọng cá nhân, ngay từ đầu, Kỳ đã ra sức thăm dò quyền hành và coi thường tất cả. Đối với phái dân sự, Kỳ miệt thị họ đã «lỗi thời», và hục hoặc với tất cả các phe phái đối lập. Trong lúc Giôn-xơn đang nói về dân chủ thì Kỳ lại tôn Hit-le làm thầy và nói toạc ra rằng: «Độc tài quân phiệt không hẳn là xấu hơn thực dân và đế quốc». Trong lúc Giôn-xơn ra lệnh phải đoàn kết với Thiệu, thì kỳ lại càng đập lên đầu Thiệu, làm cho sân khấu chính trị Sài-gòn luôn luôn đứng trước tình trạng có thể đổ vỡ. Hơn bất kỳ một tên nào trong nhóm tướng trẻ, Kỳ bị tất cả các phe phái tập trung chống đối. Dường như nếu Mỹ không tước vây cánh của Kỳ, tức quyền hành của Kỳ thì nếu Kỳ không làm loạn,

(1) UPI: 6-7-1963

(2) UPI: 18-6-1968

(3) AP: 25-6-1968

(4) Báo Anh, *Tin điện hàng ngày*, số ra ngày 15-6-1968.

các phe phái khác cũng sẽ nổi loạn. Chúng ta không lấy làm lạ khi thấy bao lần Kỳ nói làm đảo chính mà không phải hẳn không có lực lượng, nhưng nếu trái lệnh Mỹ trong trường hợp này, Kỳ có thể bị thí bỏ như anh em Diệm. Đó là lý do Kỳ cấm Thiệu đến thăm gia đình ruột nhưng vẫn phải làm bù nhìn cho Thiệu. Đặc biệt, từ sau mùa xuân năm 1968, trong lúc Sài-gòn bỗng thấy xuất hiện nhiều tổ chức chính trị, những tổ chức này đã cùng với quốc hội bù nhìn đòi « mở rộng quyền tham chính », đòi « cải tổ quân đội » càng khiến cho Mỹ lo lắng và phải cân nhắc việc sử dụng bọng tay sai. Bản chất Thiệu và Kỳ đều là những tên hiếu chiến, nhưng Kỳ vì không giấu được tính cao bồi, trong lúc Thiệu trở thành một tên lưu manh chính trị và được Mỹ đặt giầy, đứng ra lập một bè phái chính trị thân chính phủ, thì hiển nhiên, cần lựa chọn giữa Thiệu và Kỳ, Mỹ chọn Thiệu.

Tuy nhiên Mỹ vẫn còn giữ Kỳ, còn phần nào sử dụng Kỳ vì chúng muốn dùng Kỳ để kìm hãm Thiệu, nhằm giữ thế cân bằng lực lượng, đồng thời để phục vụ cho âm mưu phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh ở Việt-nam. Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Mỹ đang cố lập lại công thức nguy quyền quân sự với nền độc tài bộ ba bằng cách phế Trần Văn Hương lập Trần Thiện Khiêm làm thủ tướng, để chỉ huy cuộc chiến tranh.

Dù chỉ bằng mấy nguyên nhân trình bày chưa đầy đủ trên chúng ta cũng có thể cắt nghĩa được lý do Mỹ ủng hộ Thiệu triệt thoái tay chân của Kỳ, ràng buộc Kỳ vào vòng lệ thuộc Thiệu.

Cố nhiên, nhân mệnh mâu thuẫn trong nội bộ nguy quyền Sài-gòn từ mùa xuân 1968 đến nay là mâu thuẫn phe cánh Thiệu và Kỳ không có nghĩa rằng giữa phái quân sự với dân sự trong nội bộ từng phái không xảy ra những cuộc đấm đá nhau cay cú. Ngược lại, vì xướng một cực, chớ cả bày nên cuộc tranh ăn giữa chúng không thể và không bao giờ ổn định được. Nội bộ chính quyền Sài-gòn vẫn còn tồn tại nhiều mâu thuẫn. Đặc biệt lâu nay Sài-gòn lại rộn lên việc thành lập các đảng chính trị: nào là đảng « thân chính phủ », đảng « đối lập », và hàng chục đảng khác công khai đòi được « có tiếng nói », « được tham chính ». Tình trạng tranh ăn nhón nháo đến nỗi báo Thời đại, xuất bản ở Sài-gòn số ra ngày 10-5-1969 phải viết: « Đất nước này như một mâm đầy cao lương mỹ vị mà chúng (các đảng phái — QC) có thể bằm vào đầy như những bầy ruồi nhặng và rút rĩa cho vịnh thân phi gia ».

Sự thật đó càng làm cho sân khấu chính trị Sài-gòn rối tung lên và càng đẩy nhanh sự sụp đổ không thể tránh khỏi của bộ máy tay sai Mỹ

KẾT LUẬN

Từ năm 1965 Mỹ đã đem đại quân vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam để cứu vãn nguy quyền Sài-gòn khỏi sụp đổ. Nhưng Mỹ thua, quân nguy càng thua nặng hơn, nên nguy quyền Sài-gòn, công cụ của cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, chẳng những không gượng dậy được mà còn sa vào tình trạng phá sản nhanh chóng. Mỹ không dễ dàng từ bỏ âm mưu xâm lược miền Nam. Vì vậy, Mỹ phải cố duy trì nguy quyền tay sai để dùng bọn này làm công cụ cho chính sách xâm lược của chúng. Cho nên chưa bao giờ Mỹ lại dốc nhiều công sức và tiền của để bảo vệ bộ máy tay sai đã mất hết chỗ dựa ở nông thôn và không gượng dậy được, vì ngấm đòn của các lực lượng vũ trang giải phóng từ Tết Mậu thân đến nay.

Chính vì Mỹ ngày càng thua đau, thua đậm, thua về quân sự, thua về chính trị và ngoại giao nên toàn bộ cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam hiện đang đứng trên bờ vực của sự sụp đổ. Vì lẽ đó Mỹ đã phải tính đến việc hy sinh Lợn tay sai này hay

tay sai khác ở Sài-gòn. Nguy quyền Sài-gòn, sản phẩm của cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, bọn sống nhờ vào chiến tranh không khi nào muốn chiến tranh chấm dứt. Cho nên, nỗi lo lớn nhất của chúng là sự rút lui của Mỹ, chúng sống chết bám lấy Mỹ mặc dầu giữa chúng và Mỹ bắt đầu đã có mâu thuẫn.

Cũng chính vì Mỹ đã thua, đã phải chuyển từ thế công sang thế phòng ngự toàn diện nên chính sách sử dụng tay sai của chúng cũng phải thay đổi.

Khi chúng tôi đang viết những dòng này thì một sự kiện vừa xảy ra trên sân khấu chính trị Sài-gòn là Trần Văn Hương đã bị buộc phải từ chức nhường chỗ cho tên đại tướng, cũng có một lý lịch bán nước không kém gì Hương, lại là bạn thân của Thiệu: Trần Thiện Khiêm lên thay. Điều đó không làm cho người Sài-gòn ngạc nhiên. Đây không phải là nền độc tài quân sự bộ ba đầu tiên ở Sài-gòn.

Tháng 9-1969

SƠ BỘ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT SỐ HIỆN VẬT ĐỒNG TÌM THẤY Ở XÃ THỦY-ĐƯỜNG, HUYỆN THỦY-NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI-PHÒNG

NGUYỄN DUYỀN BẰNG

Ngày 30 tháng 1 năm 1966 trong khi đào giao thông hào nhân dân xóm Đồng-mát, thôn Thủy-tú, xã Thủy-đường, huyện Thủy-nguyên đã phát hiện được một chiếc thạp. Các hiện vật mới phát hiện đã được các đồng chí giáo viên trường cấp II Thủy-đường thu thập lại. Sau đó phòng Bảo tồn bảo tàng Sở Văn hóa Hải-phòng đã cử cán bộ xuống tận nơi nghiên cứu và các hiện vật trên được mang về nhà bảo tàng thành phố.

1 — Vài nét về quá trình phát hiện

Nơi phát hiện là một quả đồi thấp được san phẳng làm vườn thuộc xóm Đồng-mát, thôn Thủy-tú, xã Thủy-đường, huyện Thủy-nguyên cách sông Cấm khoảng 500m về phía đông bắc và cách biển khoảng 18km. Địa bàn xã Thủy-đường nằm trong vùng bãi núi đất bồi đã ổn định từ lâu. Xung quanh vùng này trước đây nhân dân thôn Thường-sơn xã Thủy-đường đã thu lượm được những viên gạch thời Hán, cùng rất nhiều mảnh gốm. Quả đồi có di tích khảo cổ cách địa điểm Việt-khe khoảng 12km. Địa điểm Thủy-đường ở cách trung tâm thành phố khoảng 8km, cách huyện lỵ Thủy-nguyên khoảng 4km. Diện tích của đồi rộng khoảng 1.000m², đỉnh đồi tương đối bằng phẳng, độ cao so với những thửa ruộng trũng vây bọc xung quanh đồi khoảng 3m. Căn cứ vào những hiện vật mới phát hiện được cùng một số dấu vết còn sót lại ta có

thể biết được phạm vi của di tích khảo cổ ở đây rất rộng, có đến hàng vạn mét vuông. Di tích nằm trong vùng ven biển nên còn mang nhiều vết tích của biển (độ mặn của vỏ sò).

2 — Sự phân bố của các di tích

Số hiện vật phát hiện gồm 30 hiện vật tập trung ở hai nơi một số để ở trong thạp, và một số để ở cách đó khoảng 2 mét. Số hiện vật sau khi chúng tôi xuống thu hồi được gồm 11 hiện vật trong đó có 1 thạp đồng, bốn rìu, một mai, bốn giáo, hai chi lưới bằng đất nung, một kiếm ngắn, một dao găm Đông-sơn, một mũi lao, một đốt xương sống và một số mảnh gốm. Nhóm hiện vật trong thạp nằm trong lớp đất cát pha đá nằm theo chiều thẳng đứng cách mặt đất khoảng 0m60. Do trường hợp phát hiện ngẫu nhiên nên một số hiện vật bị thất lạc. Số hiện vật bị thất lạc phần lớn chỉ là đồ minh khí.

Chúng tôi xin trình bày từng nhóm hiện vật đã được phát hiện.

a) *Chiếc thạp* cao khoảng 24cm, đường kính miệng khoảng 205cm, xung quanh thạp có một vùng đất đen. Thạp có hai quai cách miệng thạp khoảng 5cm. Quai hình chữ U lộn ngược. Thạp dưới bệ trên to, dày khoảng 1 m/m được đúc bằng khuôn hai mang, thạp không có nắp. Dưới đáy có đường gò nổi. Thạp được trang trí thành ba vành văn từ

trên xuống dưới. Vành văn thứ nhất gồm có ba cụm khác nhau. Trên cùng là đường chỉ nổi cách miệng thạp khoảng 2cm. Ở dưới là đường gạch theo đường thẳng đứng cách 3m/m đều nhau.

Vành thứ hai cách vành trên khoảng 20m/m là những hình thoi tốt hay những đường gấp khúc tốt vào nhau thành những hình thoi. Vành thứ ba giống như vành văn thứ nhất và cách miệng thạp khoảng 5cm. Ở giữa là khoảng trống. Đáy thạp có vành văn khác giống vành văn 1 và 3 ở giữa trống không có hình thoi. Thạp đồng còn tương đối tốt. Hiện nay chưa có điều kiện để phân tích hợp kim đồng thau này.

b) *Bốn chiếc riu xéo* chia làm hai loại: một loại gót vuông, một loại gót tròn. Ba riu gót tròn giống Việt-khê.

— Chiếc riu gót tròn bé nhất giống chiếc riu tìm thấy ở địa điểm Việt-tri. Dài 4cm họng rộng 3cm2, lưỡi rộng 4cm8.

— Chiếc thứ hai gót tròn dài 6cm3 lưỡi rộng 6cm họng rộng 4cm ở thân có một lỗ tra cán. Đặc điểm của loại riu này là họng hình bầu dục gót lưỡi tròn rộng mũi hất lên, những chiếc riu này là loại riu dùng làm đồ minh khí. Ở địa điểm Việt-khê, Đông-sơn cũng tìm thấy loại riu này.

— Chiếc thứ ba gót vuông dài 7cm5 lưỡi rộng 7cm2, họng rộng 1cm5.

— Chiếc thứ tư gót vuông thân riu rộng bản và đều đặn gần thành hình chữ nhật và mũi hất lên. Họng của riu hình lục giác rộng 3cm dày 1cm8. Riu cao 7cm6 trong đó phần thân chiếm 3cm5. Lưỡi riu rộng 8cm7 mũi riu nhỏ lên khỏi thân riu 1cm. Chiếc riu này giống kiểu dáng chiếc riu Việt-tri nhưng không có hoa văn. Chiếc riu này sử dụng khó khăn trong sản xuất, thuộc loại riu chiến.

c) *Lưỡi mai* có hình chữ U tiết diện lưỡi có hình tam giác cân xòe đều ra hai bên trục mai như lưỡi riu cân xứng ta thường gặp. Lưỡi rộng 9cm5 nơi dày nhất của lưỡi đo được 1cm. Ở gần hai cạnh đứng của lưỡi có hai trụ dọc, có mộng để tra cán mỗi trụ có tiết diện hình C, cao 4cm5 rộng 1cm5. Hai trụ bố trí song song cách nhau 3cm7. Lưỡi mai xòe ra rộng 9cm5 cao 7cm7.

d) *Dáo* có 4 chiếc và chia làm hai loại:

1) Hai chiếc loại 1 có thân rộng chỗ phình ra to nhất ở vào khoảng giữa chiếc dáo có họng tra cán, giữa có sóng nổi cao, cán không

rộng. Chiếc thứ nhất họng sâu 4cm, đường kính họng 1cm5 dài 12cm5, thân chỗ rộng nhất đo được 4cm.

Chiếc thứ hai họng sâu 3cm,5 đường kính họng 1cm6 dài 11cm5, thân chỗ rộng nhất đo được 4cm5.

2) Hai chiếc dáo loại 2 cánh rộng hai, mép dưới không rộng, cánh nhọn hai cạnh cong.

Chiếc thứ nhất dài 17cm7, thân chỗ rộng nhất đo được 3cm9, đường kính họng 1cm8.

Chiếc thứ hai dài 7cm, thân chỗ rộng nhất đo được 4cm, đường kính họng 2cm.

đ) *Một kiếm ngắn* thân hình thang cân kéo dài. Đường sống vuông góc tạo tiết diện hình thoi.

Đặc điểm của loại kiếm này có hình như lưỡi giáo nhưng không có họng mà có đuôi tra cán. Đây là loại kiếm trước đây không tìm thấy ở Đông-sơn. Ở hai bên sống gần mép dáo có trang trí năm con vật cách điệu giống như những con vật thấy trang trí ở trên mặt trống đồng. Loại kiếm này chế tác ở bản địa kiểu dáng Trung-quốc. Đây là loại vũ khí sắc bén có nhiều tác dụng trong khi sử dụng như đâm chém vì ngoài mũi dáo dùng để đâm, hai mép dáo là hai lưỡi tương đối sắc có thể chém hoặc chặt được. Kích thước đo được: dài 25cm5, thân chỗ rộng nhất đo được 3cm5. Đuôi tra cán dài 3cm5.

+ Dao găm cán dẹt, vát hai mép, ở giữa hơi nổi cao. Chuôi dẹt, đúc thô sơ. Đo chiều dài chuôi gần bằng lưỡi. Đây là loại dao găm Đông-sơn điển hình. Chỗ tiếp giáp lưỡi không có lá chắn. Dao dài 18cm, thân dao chỗ rộng nhất đo được 2cm5, cán dài 8cm5, chỗ hẹp nhất ở cán đo được 5mm chỗ rộng nhất ở cán đo được 3cm.

e) *Đầu mũi tên* — Mũi tên có hình tam giác, ở gần đầu mũi tên có ngạnh gần họng tra cán có hai lỗ, mũi tên có họng tra cán.

Mũi tên dài 8cm8, họng dài 0cm7 đường kính họng 0cm7, thân mũi tên chỗ rộng nhất đo được 1cm4.

g) *Đồ gốm* có hai mảnh chì lưới bị vỡ, hình thoi bản rộng. Hai mặt có hai rãnh sâu hình lòng máng, có bốn lỗ đối xứng nằm hai bên rãnh. Chất liệu đất hơi thô màu đỏ gạch. Chì lưới dài 10cm3 ngang đo được 5cm.

h) Ở trong hố còn nhặt được một đốt xương sống và một số mảnh gốm thô.

3 — Máy nhậu xét bước đầu.

Tính chất: Đây là ngôi mộ chôn thời đồ đồng thau. Cách cấu tạo chôn theo lối hỏa táng thường gặp một vài nơi khác, như Vạn-thắng, Đào-thịnh và ở cả Thiệu-dương, vấn đề hỏa táng chúng ta chưa tìm thấy ở Việt-nam nhiều. Cho nên đây là điểm khá lý thú để chúng ta có dịp đi sâu nghiên cứu kỹ khu vực này.

Về mặt niên đại hoàn toàn giống Việt-khê thuộc giai đoạn đồng thau phát triển cao.

Về niên đại tương đối: sự tồn tại đồ minh khí cho thấy nó ở giai đoạn cuối cùng thời đại đồng thau ở Việt-nam.

Về niên đại tuyệt đối: Qua một số hiện vật có tính chất điển hình giúp ta định được niên đại khu mộ táng. Có thể đây là một trong ngôi mộ trong khu vực di chỉ mà chúng ta mới phát hiện một cách ngẫu nhiên. Chiếc kiếm điển hình khoảng Chiến quốc Tần Hán cho ta định niên đại tuyệt đối khu di chỉ. Toàn

bộ hiện vật tìm được ở đây có thể nói chắc chắn thuộc thời đại đồ đồng thau Đông-sơn ở Việt-nam.

Ngôi mộ chôn theo hình thức hỏa táng chưa phát hiện được nhiều ở Việt-nam. Đây là dịp tốt để chúng ta tìm hiểu thêm về hình thức hỏa táng. Cũng là vùng đầu tiên miền ven biển phát hiện được loại hình mộ táng thuộc thời đại đồ đồng thau Đông-sơn làm phong phú thêm ngôi mộ Việt-khê. Giống như ở Việt-khê trước đây chưa ai hề biết đến. Cái này đặt cho ta giả thiết về ngôi mộ Việt-khê.

Về mặt khoa học lần đầu tiên phát hiện lưỡi kiếm làm theo khối hình Trung-quốc mà từ trước đến nay chúng ta chưa hề tìm được. Đó là giá trị cho ta định được niên đại đồ đồng thau ở Việt-nam.

Lần đầu tiên phòng Bảo tồn bảo tàng, Sở Văn hóa Hải-phòng đã phát hiện được sưu tập đồ đồng tương đối hoàn chỉnh phục vụ công tác trưng bày của nhà bảo tàng và công tác nghiên cứu lịch sử của địa phương.



ÉTUDES HISTORIQUES

*Organe bimensuel de l'Institut d'Histoire près le Comité d'État des
Sciences sociales de la République Démocratique du Viet-nam*

Directeur : NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Secrétaire de la rédaction : VĂN TÂN

N° 131

MARS - AVRIL - 1970

SOMMAIRE

NGUYỄN KHÁNH TOÀN	— Le léninisme et la révolution vietnamienne.	1
ĐỨC THUẬN	— Essai sur la mission historique de la classe ouvrière dans la révolution de libération nationale au Viet Nam (avant 1930).	7
VŨ HUY PHÚC	— Réflexions sur la classe ouvrière vietnamienne pendant les premières années de la direction du PCI.	21
NGHIÊM VĂN THÁI	— Les ouvriers du Viet Nam du Nord pendant les dix premières années de l'édification socialiste (1955—1965).	34
CAO VĂN LƯỢNG	— Les ouvriers du Sud — Viet Nam depuis l'offensive populaire de Mậu Thân (Tết 1968).	44
QUỲNH CƯ	— L'administration fantoche de Saigon depuis le printemps 1968 (II).	57
NGUYỄN DUYÊN BẰNG	— Etude préliminaire sur un certain nombre d'objets en bronze découverts à Thủy-đường (huyện de Thủy-nguyên, Hải-phòng).	62

CONTENTS

NGUYỄN KHÁNH TOÀN	— Leninism and the Vietnamese revolution.	1
ĐỨC THUẬN	— On the historical mission of the working class in the national liberation revolution in Vietnam (before 1930).	7
VŨ HUY PHÚC	— Reflections about the Vietnamese working class in the first years under the leadership of the Indochinese Communist Party.	21
NGHIÊM VĂN THÁI	— North Vietnamese workers during the first ten years of socialist building (1955 - 1965).	34
CAO VĂN LƯỢNG	— South Vietnamese workers since the peoples offensive of Tết 1968.	44
QUỲNH CƯ	— The Saigon puppet administration since the Tet offensive (1968) (II).	57
NGUYỄN DUYÊN BẰNG	— Preliminary study of bronze objects discovered at Thủy-đường (Thủy-nguyên district, Haiphong).	

Đã xuất bản :

★ NGƯỜI ANH HÙNG LÀNG DÓNG

Cao Huy Đình (Viện Văn học)

★ KHỞI NGHĨA LAM-SƠN VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG
ĐẤT NƯỚC VÀO ĐẦU THẾ KỶ XV (in lần thứ hai)

Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn

★ SỔ TAY CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

— *Tập I, II (in lần thứ hai)*

— *Tập III (in lần thứ nhất)*

Huy Văn - Nguyễn Tri

★ ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ (tập I)

Quốc sử quán triều Nguyễn soạn — Phạm Trọng Diễm dịch

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Chỉ số : 12 437.

In xong ngày 16-4-1970 tại nhà in báo Cứu Quốc

Giá : 0đ60